

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHÓA LUẬT**



HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN :BÙI THỊ DIỆU LAN
Lớp : LKT 12 – 01 khóa:12

**TỘI GIẾT NGƯỜI TRONG
TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

Giảng viên hướng dẫn:Ths.Ls NGUYỄN NGỌC LAN

HÀ NỘI 2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHÓA LUẬT**



HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN : BÙI THỊ DIỆU LAN
Lớp :LKT12-01 khóa:12

**TỘI GIẾT NGƯỜI TRONG
TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH
THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH : LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ls Nguyễn Ngọc Lan

Nơi thực hiện đề tài: Đại học Đại Nam

Thời gian thực hiện: từ 21/03/2022 đến 28/05/2022

HÀ NỘI 2022

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đề án tốt nghiệp với đề tài tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động theo luật hình sự Việt Nam nghiên cứu độc lập của tôi. Những phần có sử dụng tài liệu tham khảo có trong đề án đã được liệt kê và nêu rõ ra tại phần tài liệu tham khảo. Tất cả những sự giúp đỡ đối với việc xây dựng về cơ sở lý luận cho bài luận đều đã được trích dẫn một cách đầy đủ nhất và đồng thời đã ghi rõ ràng về nguồn gốc. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Đại Nam .

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Lan

Bùi Thị Diệu Lan

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Th.s Nguyễn Ngọc Lan người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo em trong suốt quá trình làm khoá luận.

Em cũng xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong trường Đại học Đại Nam nói chung, các thầy cô trong khoa Luật trường Đại học Đại Nam nói riêng đã dạy dỗ cho em kiến thức về các môn đại cương cũng như các môn chuyên ngành, giúp em có được cơ sở lý thuyết vững vàng và tạo điều kiện giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn gia đình và bạn bè, đã luôn tạo điều kiện, quan tâm, giúp đỡ, động viên em trong suốt quá trình học tập và hoàn thành khoá luận tốt nghiệp.

Tác giả khoá luận

Lan

Bùi Thị Diệu Lan

Mục Lục

LỜI CAM ĐOAN	1
LỜI CẢM ƠN.....	2
Mục Lục.....	3
DANH MỤC KÝ HIỆU HOẶC CHỮ VIẾT TẮT.....	7
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	8
MỞ ĐẦU	9
1.Lý do chọn đề tài	9
2. Tình hình nghiên cứu	10
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	11
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	11
5. Phương pháp nghiên cứu	11
6. Đóng góp của đề tài	12
7. Bố cục của đề tài.....	12
NỘI DUNG	13
CHƯƠNG I.....	13
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI TRONG TRẠNG THÁI	
TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT	
NAM.....	13
1.1.Khái niệm và các trường hợp cụ thể của tội giết người trong trạng thái tinh	
thần bị kích động mạnh	13
<i>1.1.1 khái niệm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh</i>	<i>13</i>
<i>1.1.2 các trường hợp cụ thể của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động</i>	
<i>mạnh.</i>	<i>15</i>

<i>1.2. Phân tích hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.</i>	17
1.3. Khái quát lịch sử lập pháp về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.	24
<i>1.3.1 Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong pháp luật hình sự Việt Nam trước khi ban hành BLHS 1999.</i>	<i>24</i>
<i>1.3.2 tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong BLHS 1999 và BLHS 2015</i>	<i>26</i>
1.4. Dấu hiệu pháp lý của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	27
<i>1.4.1 Khách thể của tội phạm.....</i>	<i>27</i>
<i>1.4.2 Mặt khách quan của tội phạm.....</i>	<i>29</i>
<i>1.4.3 Chủ thể của tội phạm.....</i>	<i>32</i>
<i>1.4.4 Mặt chủ quan của tội phạm.</i>	<i>33</i>
1.5. Đường lối xử lý tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.	34
1.6. Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với một số tội khác trong Bộ luật hình sự.	37
<i>1.6.1 Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS năm 2015) với tội giết người (Điều 123 BLHS năm 2015).....</i>	<i>37</i>
<i>1.6.2 Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS năm 2015) với tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 126 BLHS năm 2015).</i>	<i>38</i>
<i>1.6.3 Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS 2015) với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135 BLHS 2015).41</i>	<i>41</i>
<i>1.6.4 Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS 2015) với trường hợp giết người được áp dụng tình tiết giảm nhẹ (điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS 2015).</i>	<i>45</i>
TIỂU KẾT CHƯƠNG I.....	46
Chương II	47

THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ ĐỊNH TỘI DANH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRONG TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH.	47
2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.	47
2.2. Những vướng mắc trong quá trình vận dụng dấu hiệu định tội danh của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.	57
2.2.1 Ranh giới giữa trạng thái tinh thần bị kích động và bị kích động mạnh chưa được giải thích rõ.	57
2.2.2 Dấu hiệu định tội giữa tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và một số tội khác chưa rõ ràng.	62
2.3. Những sai sót còn tồn tại trong thực tiễn định tội danh đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.	75
2.3.1 Một số sai sót của Cơ quan điều tra	75
2.3.2 Một số sai sót của Viện kiểm sát.	80
2.3.3 Một số sai sót của Tòa án.	83
2.4. Những sai sót còn tồn tại trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với người phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.	84
2.4.1 Sai sót do chưa vận dụng đúng qui định của Bộ luật hình sự.	84
2.4.2 Sai sót do vận dụng chưa đúng căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.	86
2.4.3 Sai sót do vận dụng chưa đúng căn cứ nhân thân người phạm tội.	87
2.4.4 Sai sót do vận dụng chưa đúng căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS.	89
TIỂU KẾT CHƯƠNG II	92
Chương III	93
NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI TRONG TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH.	93

3.1. Những giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội giết người tổng trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.	93
3.2.Nhóm giải pháp đảm bảo áp dụng pháp luật.	98
3.3. Nhóm giải pháp khác.....	103
<i>3.3.1 nhóm giải pháp về tuyên truyền phổ biến pháp luật.....</i>	<i>103</i>
<i>3.3.2 Những giải pháp về hoạt động quản lí trật tự xã hội.....</i>	<i>108</i>
<i>3.3.3 Giải pháp công tác quản lí , thanh tra , giám sát.....</i>	<i>110</i>
TIÊU KẾT CHƯƠNG III.....	112
KẾT LUẬN.....	113
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	114

DANH MỤC KÝ HIỆU HOẶC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Tiếng việt
BLHS	Bộ Luật Hình Sự
BLTTHS	Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự
CTTP	Cầu Thành Tội Phạm
KSV	Kiểm Sát Viên
TNHS	Trách nhiệm Hình Sự
VKS	Viện Kiểm Sát

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Tên Bảng Biểu	Trang
Biểu đồ 1.1 Cơ cấu tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	49
Bảng 2.1 Tình hình tội phạm giết người ở nước ta từ 01/2015 – 06/2018	49
Bảng 2.2 thống kê sự gia tăng của tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	51

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Con người là tế bào của xã hội là bộ phận không thể thiếu của thế giới khách quan. Mỗi người khi sinh ra ai cũng có quyền bình đẳng, tạo hóa đã cho họ những quyền mà không ai được phép xâm hại, trong đó quan trọng và thiêng liêng nhất đó chính là quyền được sống Việt Nam và các quốc gia trên thế giới luôn đề cao mục tiêu bảo vệ quyền sống của con người và đều có những biện pháp, công cụ khác nhau để thực hiện mục tiêu đó. Một trong những công cụ hữu hiệu nhất để thực hiện mục tiêu bảo vệ quyền sống của con người đó chính là pháp luật, bằng việc đề ra các biện pháp phòng ngừa và trừng trị những kẻ xâm phạm quyền thiêng liêng trên Điều 19 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định như sau: “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật” Trên tinh thần đó, Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 đã quy định “Các tội phạm xâm phạm tính mạng sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người” tại Chương XIV và có quy định phạt nghiêm khắc nhất là tử hình nhằm bảo vệ tính mạng, cũng như bảo vệ quyền được sống của con người.

Trong những năm vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền đã liên tục triển khai các biện pháp tăng cường phòng ngừa, đấu tranh, kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm nguy hiểm Tuy nhiên, với sự phát triển kinh tế – xã hội nhanh chóng, tình hình tội phạm đang có chiều hướng diễn biến phức tạp, đặc biệt là các tội cố ý xâm phạm tính mạng con người liên tiếp xảy ra, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân trong đó phải kể đến tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh Để ngăn chặn có hiệu quả đối với loại tội phạm này. Nhà nước cần thực hiện tổng thể các biện pháp khác nhau, trong đó, biện pháp hoàn thiện BLHS đóng vai trò cực kỳ quan trọng.

Mặc dù vậy, thực tiễn xét xử cho thấy, để xác định những hành vi nào sẽ được coi là tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là vấn đề hết sức phức tạp, các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng

mắc. Vì vậy, để giải quyết vấn đề này, trước hết cần nghiên cứu các quy định của BLHS hiện hành để đánh giá, tìm ra những điểm hạn chế, bất cập, từ đó, đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác phòng và đấu tranh chống loại tội phạm này trên thực tế Chính vì những lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài “Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong BLHS năm 2015” làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh vừa là dấu hiệu định tội vừa là hình thức hoạt động thể hiện sự đánh giá về mặt pháp lý đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội. Do đó, đã có nhiều công trình nghiên cứu tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hoặc có liên quan đến tội này dưới góc độ luật hình sự. Cụ thể như sau:

+ Đinh Văn Quế, “Trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người”, nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, năm 1994.

+ Trần Văn Luyện, Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, luận văn thạc sĩ, Trường ĐH Luật Hà Nội, năm 2000.

+ “Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự”, phần các tội phạm của Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Nhà xuất bản Pháp lý, năm 1992.

+ Đỗ Đức Hồng Hà, Tội giết người trong Bộ luật hình sự Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học, Trường ĐH Luật Hà Nội, năm 2000.

+ “Các tội xâm phạm tính mạng con người trong luật hình sự Việt Nam” Nsb chính trị quốc gia

Ngoài ra, nghiên cứu về tội phạm này còn được thể hiện trong giáo trình Luật hình sự Việt Nam của một số cơ sở đào tạo luật như Khoa Luật – ĐHQGHN,

Đại học Luật Hà Nội, Học viện Cảnh Sát Nhân Dân ... và các cuốn bình luận khoa học Luật hình sự Việt Nam.

Như vậy, tình hình nghiên cứu trên đây một lần nữa cho phép khẳng định việc nghiên cứu đề tài “Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận vừa có tính thực tiễn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: nghiên cứu qui định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội danh này.
- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài được nghiên cứu dưới góc độ luật hình sự (chủ yếu tập trung vào quy định của BLHS Việt Nam năm 2015)

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu của khóa luận này là làm rõ những dấu hiệu pháp lý, đường lối xử lý và phân tích những cơ sở lý luận và thực tiễn cùng với những hạn chế, vướng mắc xung quanh tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh từ đó góp phần hoàn thiện những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm này.

-Nhiệm vụ nghiên cứu

+Về lý luận: Nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý, đường lối xử lý của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đồng thời phân biệt tội này với một số tội phạm khác.

+Về thực tiễn: phát hiện những vướng mắc, phân tích những cơ sở lý luận và thực tiễn đồng thời đề xuất các kiến nghị để hoàn thiện quy định luật hình sự về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

5. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu đa dạng , như phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh ... Mỗi phương pháp được sử dụng phù

hợp với từng nội dung và giải quyết được các vấn đề đặt ra trong nội dung đó. Các phương pháp nghiên cứu này đảm bảo tính khoa học cao, tính hiện đại phù hợp với tính chất, nội dung đề tài và đáng tin cậy.

6. Đóng góp của đề tài

Luận văn làm rõ khái niệm và quá trình hình thành, phát triển các quy phạm pháp luật Việt Nam về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, nghiên cứu, đánh giá được quy định về tội này trong BLHS năm 2015 một cách có hệ thống và tương đối hoàn thiện. Trên cơ sở đánh giá quy định của BLHS năm 2015, tác giả cũng tìm ra được những điểm mới và những điểm hạn chế còn tồn tại, từ đó, đề xuất kiến nghị hoàn thiện quy định của BLHS năm 2015, nâng cao hiệu quả thi hành của Bộ luật trong thời gian tới.

7. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục chữ viết tắt và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương

Chương 1: Một số vấn đề chung về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng và định tội danh của pháp luật hình sự đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Chương 3: Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

NỘI DUNG

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI TRONG TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và các trường hợp cụ thể của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

1.1.1 khái niệm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

Là trường hợp đặc biệt của tội giết người, vì vậy để hiểu rõ khái niệm của “tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” (Điều 125 BLHS): Hành vi khách quan của tội này cũng tương tự như hành vi trong tội giết người (Điều 123) như: đâm, chém, bắn, dìm, đá, bóp cổ, dìm xuống nước, ...v.v..

Tình trạng tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng người phạm tội đã không thể tự chủ, tự kiềm chế hành vi phạm tội của mình. Người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh bị ức chế tâm lý ở mức độ cao khó có đủ bình tĩnh để lựa chọn, để suy xét về hành động của mình. Người phạm tội thực hiện việc giết người ngay trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Tình trạng tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội phải do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên đối với người phạm tội. Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng là hành vi trái pháp luật nói chung (không chỉ riêng trái pháp luật hình sự), ở mức độ nghiêm trọng và thường xảy ra một cách tức thời. Cũng có trường hợp hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức nặng nề, đến một thời điểm nhất định lại bùng lên thì người phạm tội vẫn được coi là phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Nạn nhân phải là người đã có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó. Nếu người phạm tội lại không giết người thực hiện hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với mình hoặc đối với người thân thích của mình, mà giết vợ, con hoặc người thân thiết của người này thì họ không phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động

mạnh (Điều 125 BLHS năm 2015) mà phạm tội giết người (Điều 123 BLHS năm 2015).

“ Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh “ được quy định tại điều 125 BLHS 2015 như sau :

1. Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội đối với 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

Từ quy định tại Điều 125 BLHS cho thấy “ Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” đòi hỏi người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội phải ở trong trạng thái tinh thần bị kích động . Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng ý thức bị hạn chế tức thời ở mức độ cao do không chế ngự được tình cảm dẫn đến sự hạn chế đáng kể khả năng kiểm soát và điều khiển hành vi. Tình trạng tinh thần bị kích động mạnh có thể là tình tiết làm giảm nhẹ một cách đáng kể mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Do vậy tình tiết này có thể được quy định là tình tiết định khung hình phạt giảm nhẹ hoặc có thể là tình tiết định tội cho tội nhẹ hơn so với tội của trường hợp bình thường. BLHS 1985 quy định tình trạng tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp định khung hình phạt giảm nhẹ của “tội giết người” và “tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”. Trong BLHS năm 1999 các trường hợp này được tách ra thành các tội danh riêng, đó là “tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” và “tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh “

Có trường hợp, do hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó âm ỉ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiềm chế được, nếu tách riêng sự kích động mới này thì không coi là kích động mạnh nhưng nếu xét cả quá trình phát triển của sự việc thì lại được coi là mạnh hoặc rất mạnh.

Từ những phân tích ở trên có thể đưa ra định nghĩa về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh như sau:

Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là hành vi cố ý tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác trong trạng thái người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiểm chế được hành vi phạm tội của mình do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người đó.

1.1.2 các trường hợp cụ thể của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

* Trường hợp giết một người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (khoản 1 Điều 125 Bộ luật hình sự 2015)

Trong trường hợp chỉ có 01 người bị giết thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 125 Bộ luật Hình sự khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù, là tội phạm ít nghiêm trọng

Bộ luật Hình sự 1999 quy định khung hình phạt của khoản 1 Điều 95 về tội giết người do bị kích động mạnh về tinh thần phải nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 105 quy định về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến chết người, vì cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà tỷ lệ thương tật của nạn nhân từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết 01 người không thể nghiêm trọng bằng trường hợp giết 01 người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được. Để khắc phục bất cập này, Bộ luật Hình sự 2015 quy định trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có khung hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Trường hợp gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 31% trở lên hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người thì mới bị phạt từ 06 tháng đến 03 năm.

* Trường hợp giết nhiều người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (khoản 2 Điều 125)

Khoản 2 Điều 125 chỉ quy định 01 trường hợp phạm tội là giết 02 người trở lên trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Bộ luật Hình sự 1999 gọi trường hợp này là phạm tội đối với nhiều người. Khi áp dụng tình tiết phạm tội này cần chú ý: Tất cả những người bị giết đều phải có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội.

Nếu chỉ có 01 người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội, còn những người khác không có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội, thì người phạm tội bị truy cứu về hai tội: “tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” và “tội giết người” theo quy định tại Điều 123. Ví dụ: Hoàng Văn T đang ngồi uống bia thì con trai là Hoàng Văn Q ra nói: “Bố về nhà ngay, mẹ bị người ta đánh đến chảy máu đầu rồi”. T cùng con chạy về nhà thì thấy vợ bị đánh chảy máu đầu đang được mọi người băng bó. T hỏi thì được mọi người cho biết Lê Văn H cùng mấy người khác đến đòi nợ và đánh vợ của T. Nghe vậy T liền cầm dao đi tìm H. Khi gặp H, T hỏi: “Vì sao mi đánh vợ tao?” H thản nhiên trả lời: “Tao đánh đấy, mày làm gì được tao”. Nghe H nói vậy T bèn rút dao giấu trong người ra đâm H, thì anh Vũ Văn K ngăn lại và nói: “Có gì bình tĩnh giải quyết, sao lại đâm chém nhau như thế này”. Sẵn dao trong tay, lại cho rằng anh K là người bên vực H nên T đâm luôn anh K một nhát vào bụng và lao đến đâm nhiều cái vào người H rồi bỏ chạy. Mọi người đưa anh K và H đi cấp cứu nhưng vì vết thương quá nặng nên cả hai đã bị chết trên đường đến bệnh viện. Hành vi giết 02 người của Hoàng Văn T nhưng chỉ có 01 người (Lê Văn H) có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người thân thích của T, còn 01 người (anh Vũ Văn K) không có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng nào đối với T hoặc người thân thích của T, nên Hoàng Văn T bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội: tội giết người trong trạng thái

tinh thần bị kích động mạnh theo khoản 1 Điều 125 và tội Giết người theo Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Nếu có nhiều người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội nhưng chỉ có 01 người bị giết chết, còn những người khác chỉ bị thương và có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên thì người phạm tội bị truy cứu về hai tội: tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo khoản 1 Điều 125 và tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Điều 135 Bộ luật Hình sự.

Khi xử lý người phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, các cơ quan tiến hành tố tụng cần xác định rõ trạng thái tinh thần của người phạm tội trong khi phạm tội và đặc biệt phải làm rõ hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân. Bởi vì hình phạt đối với người phạm tội thuộc trường hợp này chỉ bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; nếu giết nhiều người, mức hình phạt cao nhất cũng chỉ tới 07 năm tù. Nếu không làm rõ hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân sẽ dẫn đến tình trạng thân nhân của người bị hại và những người không am hiểu pháp luật cho rằng “giết người sao lại xử nhẹ như vậy?”

1.2. Phân tích hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra là trường hợp trước khi có hành vi phạm tội, người phạm tội không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra.

Để xác định trường hợp người phạm tội bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra phải căn cứ vào các yếu tố sau:

- Trạng thái tinh thần của người phạm tội phải ở trạng thái bị kích động.

Người bị kích động về tinh thần là người không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức.

Lúc đó, họ mất khả năng tự chủ và không thấy hết được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình; trạng thái này chỉ xảy ra trong chốc lát, sau đó tinh thần của họ trở lại bình thường như trước; trạng thái tinh thần bị kích động ở những mức độ khác nhau. Nếu bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của người bị hại đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội thì thuộc trường hợp phạm tội “giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 125 Bộ luật hình sự năm 2015 hoặc “cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự năm 2015. Nếu bị kích động chưa mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của người bị hại đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội hoặc bị kích động mạnh nhưng do người khác (không phải là của người bị hại) thì được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Việc xác định một người có bị kích động về tinh thần hay không là một vấn đề phức tạp. Bởi vì trạng thái tâm lý của mỗi người khác nhau, cùng một sự việc nhưng người này xử sự khác người kia; có người bị kích động về tinh thần, thậm chí "điên lên", nhưng cũng có người vẫn bình thường, thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra; cách xử sự của mỗi người cũng rất khác nhau. Ví dụ: anh A thấy vợ mình quan hệ bất chính với người khác, liền chạy về nhà lấy dao đến đâm chết tình nhân của vợ, nhưng anh B gặp trường hợp này lại gọi vợ về giáo dục, sau đó vợ chồng vẫn sống chung với nhau, còn anh C gặp trường hợp tương tự lại làm đơn xin ly hôn. Vì vậy, không thể có sẵn một chuẩn mực để "đo" tình trạng kích động về tinh thần của con người, mà phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, xem xét một cách toàn diện các tình tiết của vụ án, nhân thân người phạm tội, quá trình diễn biến của sự việc, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, hoạt động xã hội, điều kiện sống, tính tình, bệnh tật, hoàn cảnh gia đình, quan hệ giữa người phạm tội với người bị hại.v.v... từ đó xác định người phạm tội có bị kích động về tinh thần hay không, mức độ kích động ở mức nào?

- Phải có hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác;

- Hành vi trái pháp luật của người bị hại:

Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản do tội phạm gây ra. Việc xác định người bị hại trong vụ án hình sự nói chung không khó. Tuy nhiên, có một số trường hợp đối với một số tội phạm việc xác định người bị hại còn ý kiến khác nhau, nhất là đối với việc xác định người bị hại để tham gia tố tụng, vì quyền và nghĩa vụ của người bị hại theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự khác nhiều so với những người tham gia tố tụng khác.

Là người bị hại, trước hết, họ phải là con người cụ thể chứ không phải là cơ quan, tổ chức; họ phải là người bị thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản; các thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản phải là thiệt hại do tội phạm gây ra. Nếu đó là những thiệt hại xảy ra nhưng không phải do tội phạm gây ra thì người bị thiệt hại cũng không phải là người bị hại trong vụ án hình sự. Đây là tiêu chí rất quan trọng để phân biệt người bị hại với nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Có ý kiến cho rằng, tội phạm ở đây là hành vi của người phạm tội trong vụ án hình sự đã gây ra những thiệt hại thể chất, tinh thần hoặc tài sản và ai là người bị thiệt hại đều là người bị hại trong vụ án hình sự. Ví dụ: Trong vụ án gây rối trật tự công cộng có hành vi phá phách làm hư hỏng một số tài sản, nhưng hành vi này chưa đến mức cấu thành tội “có ý làm hư hỏng tài sản” nhưng người bị hư hỏng tài sản vẫn là người bị hại, vì họ là người bị thiệt hại về tài sản do hành vi của người phạm tội gây ra.

Cách hiểu trên là không đúng, đã đồng nhất khái niệm tội phạm với hành vi vi phạm của người phạm tội là một, vì trong quá trình thực hiện tội phạm, người phạm tội không chỉ thực hiện một hoặc một số hành vi cấu thành một tội phạm mà trong số những hành vi đó, có hành vi cấu thành tội phạm (hành vi phạm tội), có hành vi chưa cấu thành tội phạm (hành vi vi phạm). Những hành vi cấu thành tội phạm và hành vi đó đã gây ra những thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản thì người bị thiệt hại mới là người bị hại trong vụ án hình sự.

Ngoài ra, trong một số trường hợp còn phải căn cứ vào đối tượng trực tiếp bị xâm phạm để xác định người bị hại trong vụ án hình sự. Ví dụ: người phạm tội

xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người thì người bị xâm phạm trong các vụ án này là người bị hại; người phạm tội vi phạm các quy định về an toàn giao thông gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác thì người bị gây thiệt hại cũng là người bị hại trong vụ án hình sự.

Việc xác định một hành vi trái pháp luật của người bị hại đã tới mức nghiêm trọng hay chưa cũng phải đánh giá một cách toàn diện. Có hành vi chỉ xảy ra một lần đã là nghiêm trọng, nhưng cũng có hành vi nếu chỉ xảy ra một lần thì chưa nghiêm trọng, nhưng nó được lặp đi lặp lại nhiều lần thì lại thành nghiêm trọng. Ví dụ: A và B nhà ở cạnh nhau, chung một bức tường. B đục tường từ phía nhà mình sang nhà A trong lúc vợ của A đang bị ốm nặng cần sự yên tĩnh. A đã nhiều lần yêu cầu B chấm dứt hành động đó, nhưng B không nghe, A bực tức giằng búa của B đánh B một cái làm B ngã gục. Trên đường đưa đi cấp cứu thì B chết. Trong trường hợp này, hành vi giết người của A cũng được coi là bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của B và thuộc trường hợp quy định tại Điều 125 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Hành vi trái pháp luật của người khác:

Người khác mà nhà làm luật quy định ở đây là một người không phải là người bị hại, nhưng có liên quan đến người bị hại; họ thường là người thân thích hoặc có mối quan hệ gần gũi với người bị hại nên người phạm tội mới xâm phạm đến người bị hại, nếu một người không có liên quan gì đến người bị hại có hành vi trái pháp luật đối với người phạm tội thì hành vi của người phạm tội không thuộc trường hợp được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ví dụ: Vũ Ngọc T là một thanh niên càn quấy ngồi uống cà phê trong quán cà phê “Ánh Hồng”. Trong lúc uống cà phê, T thấy một số thanh niên vào quán “nhìn đều” mình. T bực tức gọi chủ quán ra yêu cầu không cho số thanh niên này vào quán, nhưng chị Hồng chủ quán không đồng ý, liền bị T đập vỡ ly cà phê ném vào mắt chị Hồng làm chị Hồng bị thương phải khoét bỏ một con mắt. Trong trường hợp này, hành vi “nhìn đều” của một số thanh niên có thể làm cho tinh thần của T bị kích động nhưng những người này không có liên quan gì đến người bị hại nên trường hợp phạm tội của T không phải là bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người

khác gây ra nên không được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi trái pháp luật của người khác, trước hết bao gồm nhưng hành vi vi phạm pháp luật hình sự xâm phạm đến lợi ích của người phạm tội hoặc đối với những người thân thích của người phạm tội hoặc đối với người khác có quan hệ thân thiết với người phạm tội. Thông thường những hành vi trái pháp luật của người khác xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người phạm tội và những người thân thích của người phạm tội hoặc đối với người khác có quan hệ thân thiết với người phạm tội, nhưng cũng có một số trường hợp xâm phạm đến tài sản của người phạm tội như: đập phá tài sản, đốt cháy, cướp giật, trộm cắp v.v...

Hành vi trái pháp luật của người khác không chỉ vi phạm pháp luật hình sự, mà còn bao gồm cả những hành vi vi phạm pháp luật khác như: Luật hành chính, Luật lao động; Luật giao thông, Luật dân sự; Luật hôn nhân và gia đình v.v...

Hành vi trái pháp luật của người khác có thể là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng nhưng cũng có thể chưa nghiêm trọng. Nếu là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng và hành vi đó là của người bị hại đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội làm cho người phạm tội bị kích động mạnh thì thuộc trường hợp quy định tại Điều 125 hoặc 135 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác phải là nguyên nhân làm cho người phạm tội bị kích động mạnh về tinh thần:

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật với tinh thần bị kích động là mối quan hệ tất yếu nội tại có cái này thì ắt có cái kia. Không có hành vi trái pháp luật của người khác thì không có tinh thần bị kích động của người phạm tội, và vì thế nếu người phạm tội không bị kích động bởi hành vi trái pháp luật của người khác thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nếu hành vi trái pháp luật lại gây ra cho người khác không có liên quan gì đến người phạm tội, thì người phạm tội không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này. Ví dụ: Nguyễn Hùng C là bạn học cùng lớp với Hoàng Thị Th, C đến nhà Th chơi thì thấy bố của Th là ông Hoàng Quốc V đang cãi nhau với Trần Mạnh Q.

Thấy Q dùng lời nói thô tục chửi bới ông V thậm tệ nên C đã dùng tay đấm Q nhiều cái vào mặt làm Q bị thương. Trường hợp này Nguyễn Hùng C tuy có bị kích động về tinh thần nhưng hành vi trái pháp luật của người khác không có liên quan gì đến trạng thái tinh thần của C, mà chỉ vì lời nói của con ông V đối với Q. Do đó hành vi phạm tội của C không phải là tình tiết giảm nhẹ “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra”.

Trường hợp người phạm tội tự mình gây nên tình trạng tinh thần kích động rồi thực hiện hành vi phạm tội cũng không thuộc trường hợp “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra”. Ví dụ: Phạm Việt C nghi ngờ vợ quan hệ bất chính với Lê Văn T nhưng không có bằng chứng, nhiều lần C tra hỏi vợ nhưng vợ C không nhận; Phạm Việt C bức tức uống rượu say rồi mang dao đến nhà T gây sự rồi gây thương tích cho T với tỷ lệ thương tật 30%.

Nếu người bị hại là người điên hay trẻ em dưới 14 tuổi có những hành vi làm cho người phạm tội bị kích động, thì cũng không thuộc trường hợp “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra”. Bởi lẽ, hành vi của người điên và của trẻ em dưới 14 tuổi không bị coi là hành vi trái pháp luật, vì họ không có lỗi do họ không nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi do họ thực hiện.

- Hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác phải là hành vi đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích hoặc đối với người khác có quan hệ thân thiết với người phạm tội.

Nếu trường hợp phạm tội “giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 125 Bộ luật hình sự 2015 hoặc “cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ quy định hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội thì trường hợp “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra” hành vi trái pháp luật

của người khác còn đối với cả những người có quan hệ thân thiết với người phạm tội. Đây cũng là một đặc điểm để phân biệt giữa tình tiết là yếu tố định tội quy định tại Điều 125 và Điều 135 Bộ luật hình sự với tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm điều khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Một người bị kích động về tinh thần ngoài trường hợp người khác có hành vi trái pháp luật đối với chính bản thân họ, thì còn có cả trường hợp người khác có hành vi trái pháp luật đối với những người thân thích của họ.

Những người thân thích là những người có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân như: vợ đối với chồng; cha mẹ với con cái; anh chị em ruột, anh chị em cùng cha khác mẹ đối với nhau; ông bà nội ngoại đối với các cháu v.v...

Ngoài những người thân thích với người phạm tội, thực tiễn xét xử Tòa án cũng đã công nhận một số trường hợp tuy không phải là quan hệ huyết thống hay hôn nhân mà chỉ là quan hệ thân thuộc như anh em ruột. Ví dụ: Đinh Văn Q và Nguyễn Văn Kh cùng ở một đơn vị bộ đội; cả hai cùng chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Sau ngày giải phóng, cả hai cùng được phục viên, nhưng gia đình Q đã bị bom Mỹ sát hại hết nên Kh đã mời Q đến ở chung với gia đình mình. Gia đình Kh coi Q như con trong nhà ngược lại Q cũng coi gia đình Kh như gia đình mình. Một hôm, Q đang chặt cây thì có người gọi: "về nhà ngay! mẹ của Kh bị đánh què chân rồi". Q vội cầm dao chạy về thì được biết Bùi Quốc T là người đánh mẹ Kh, Q liền cầm dao đi tìm T; khi gặp T, Q hỏi vì sao lại đánh mẹ Kh thì T trả lời: "tao đánh mẹ mày đâu mà mày hỏi", Q bực tức lấy dao chém T gây thương tích có tỷ lệ thương tật 34%.

Khi xác định tình tiết giảm nhẹ này cần phân biệt với trường hợp "giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" quy định tại Điều 125 Bộ luật hình sự và trường hợp "cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" quy định tại Điều 135 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Cả hai trường hợp, người phạm tội đều bị kích động về tinh thần và đều do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra. Nhưng sự khác nhau là mức độ bị kích động và mức độ trái pháp luật của người bị hại. Nếu ở trường hợp quy

định tại Điều 125 hoặc Điều 135 Bộ luật hình sự, người phạm tội phải bị kích động mạnh thì ở trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuy tinh thần có bị kích động nhưng chưa mạnh, chưa tới mức không nhận thức được hành vi của mình.

- Nếu ở trường hợp quy định tại Điều 125 hoặc Điều 135 Bộ luật hình sự 2015, hành vi trái pháp luật của người bị hại phải là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng, thì ở điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 hành vi trái pháp luật của người bị hại chưa phải là nghiêm trọng.

- Hành vi trái pháp luật ở trường hợp quy định tại Điều 125 và Điều 135 Bộ luật hình sự 2015 nhất thiết phải là hành vi của người bị hại, còn đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 có thể không nhất thiết phải là của người bị hại mà còn có thể là của người khác, nếu là của người bị hại thì hành vi trái pháp luật chưa phải là nghiêm trọng.

- Nếu ở trường hợp quy định tại Điều 125 và Điều 135 Bộ luật hình sự 2015, hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của người bị hại phải là đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội, còn ở điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 thì không nhất thiết phải như vậy.

Mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào sự kích động và vào hành vi trái pháp luật của người bị hại. Người phạm tội do hành vi trái pháp luật của chính người bị hại đối với mình sẽ được giảm nhẹ trách nhiệm nhiều hơn là phạm tội do hành vi trái pháp luật của người khác đối với mình hoặc đối với người thân thích của mình. Hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc của người thân thích đối với họ càng nguy hiểm thì mức độ giảm nhẹ trách nhiệm càng nhiều.

1.3. Khái quát lịch sử lập pháp về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

1.3.1 Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong pháp luật hình sự Việt Nam trước khi ban hành BLHS 1999.

Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Cùng với việc ra đời nhà nước, nhân dân ta vừa phải xây dựng củng cố chính quyền, vừa phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm

lược. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng và nhà nước ta trong giai đoạn này là xây dựng và củng cố chính quyền, đấu tranh chống thù trong giặc ngoài. Đây cũng là giai đoạn đánh dấu bước phát triển quan trọng của pháp luật hình sự Việt Nam. Nhiệm vụ nổi bật của pháp luật hình sự ở thời kỳ này là phục vụ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc đi đến thắng lợi, trừng trị bọn việt gian phản động làm tay sai cho thực dân Pháp, bảo vệ chính quyền non trẻ, bảo vệ các quan hệ xã hội mới được thiết lập và duy trì. Trong điều kiện như vậy, nhà nước đã kịp thời ban hành một số văn bản pháp luật phục vụ cho những nhiệm vụ cấp bách. Sắc lệnh số 47/SL quy định tạm thời về việc sử dụng luật lệ cũ hiện hành ở Việt Nam. Theo nội dung của sắc lệnh, khi xét xử, Tòa án xét xử theo Luật hình cũ mà thực dân Phong kiến đề ra nhưng không được trái với nguyên tắc độc lập của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Do vậy, ở giai đoạn 1945-1954, việc xét xử các tội phạm nói chung vẫn dựa theo luật hình cũ để xét xử. Đó là Bộ hình luật Bắc Kỳ năm 1923, Bộ hình luật Nam Kỳ năm 1912 và Bộ Hình luật Trung Kỳ năm 1933.

Năm 1954 với chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy chấn động địa cầu, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. Cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới, đất nước bị chia cắt làm hai miền. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Do điều kiện kinh tế văn hóa xã hội ở miền Bắc đã có nhiều biến đổi về căn bản so với trước đó nên toàn bộ hệ thống pháp luật của chế độ cũ không được áp dụng nữa. Ngày 19/01/1955 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Thông Tư số 442/TTg về việc trừng trị một số tội trên cơ sở tổng kết việc áp dụng luật lệ cũ và án lệ. Nội dung của Thông tư yêu cầu khi xét xử các tội phạm nói chung phải theo đường lối chính sách của Đảng. Thông tư này có hướng dẫn về tội cố ý gây thương tích tuy nhiên chưa đề cập đến trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Sau khi giải phóng miền nam thống nhất đất nước, để kịp thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời

cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành Sắc luật số 03/SL ngày 15/03/1976 quy định về tội phạm và hình phạt . Tại điều 5 của Sắc luật này có quy định các tội xâm phạm tính mạng , sức khỏe , nhân phẩm , danh dự của con người . Tuy nhiên Sắc luật này cũng chỉ dừng lại ở việc nêu tội danh chứ chưa phân biệt cụ thể tội giết người với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Để nhận thức Sắc luật được đúng đắn và để việc áp dụng thống nhất, ngày 15/04/1976 Bộ tư pháp ban hành Thông tư số 03/BTP-TT hướng dẫn thi hành Sắc lệnh số 03-SL/1976 trong đó hướng dẫn cụ thể việc giết người .

Điều 2 mục B của Thông tư này xác định: “ Cố ý giết người là tội đặc biệt nghiêm trọng do đó được quy định hình phạt cao hơn các tội phạm cùng loại quy định ở Điều 5 Sắc luật này :

Cố ý giết người thì bị phạt từ 15 -20 năm tù, tù trung thân hoặc tử hình .

Trường hợp ít nghiêm trọng hoặc có những tình tiết giảm nhẹ thì bị xử dưới 15 năm tù. Trường hợp ít nghiêm trọng hoặc có những tình tiết giảm nhẹ thì bị xử dưới 15 năm tù. Trường hợp ít nghiêm trọng hoặc có những tình tiết giảm nhẹ là:

- Giết người trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh”

Như vậy, ở thời điểm này, trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được coi là phạm tội ít nghiêm trọng và là một tình tiết giảm nhẹ đặc biệt của tội giết người , có thể bị dưới 15 năm tù .

Trong BLHS 1985,” tội giết người “được quy định tại điều 101 và “tội giết người trong tạng thái tinh thần bị kích động mạnh “được quy định tại khoản 3 điều này như một trường hợp phạm tội có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt của tội giết người : “.. Phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó thì phạt từ 6 tháng đến 5 năm “

1.3.2 tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong BLHS 1999 và BLHS 2015 .

BLHS năm 1999 với BLHS 2015 có nhiều sự thay đổi bổ sung nhằm hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật về “tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” thì không có sự thay đổi . “ Tội giết người trong trạng thái tinh thần

bị kích động mạnh” được quy định thành một tội danh độc lập tại điều 95 BLHS 1999 và điều 125 BLHS 2015 với nội dung :

1. Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội đối với 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

So với BLHS trước kia thì quy định về “ tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” thì BLHS ngày nay có những điểm mới :

Thứ nhất , BLHS mới đã tách trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh ra khỏi tội giết người và quy định thành một tội danh độc lập với các khung hình phạt riêng .

Thứ hai , trên cơ sở quy định thành một tội danh độc lập , BLHS mới tiếp tục phân hóa trách nhiệm hình sự các trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có các mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau . Nếu như trước đây BLHS cũ quy định trường hợp “ giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh “ chỉ có một khung hình phạt là bị phạt tù từ sáu đến năm năm thì BLHS mới với tư cách là một tội danh độc lập “ tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh “ quy định hai khung hình phạt là : khung cơ bản có hình phạt tù từ sáu tháng đến ba năm còn khung tăng nặng với với trường hợp giết nhiều người thì bị phạt tù từ ba năm đến bảy năm .

1.4. Dấu hiệu pháp lý của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

1.4.1 Khách thể của tội phạm

Trong bất cứ chế độ xã hội có giai cấp nào, Nhà nước cũng đều xác lập, bảo vệ, củng cố và thúc đẩy sự phát triển của những quan hệ xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị bằng sự hỗ trợ của các quy luật pháp luật, trong đó có các quy phạm pháp luật hình sự. Trong số những quan hệ xã hội đã được xác định thì tính mạng con người là một trong những khách thể có tầm quan trọng đặc biệt. Hành vi giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là một trong

những hành vi xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của con người, đến quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của người khác từ đó có thể xác định khách thể của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng của con người. Đây là một trong những khách thể quan trọng nhất được luật hình sự bảo vệ.

Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là hành vi của một người không tự kiểm chế được mình trước hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với chính mình hoặc đối với người thân thích của mình nên đã giết chết nạn nhân.

Hành vi khách quan của tội này cũng tương tự như hành vi trong tội giết người (Điều 123) như: đâm, chém, bắn, dẫm, đá, bóp cổ, dìm xuống nước,...v.v..Người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh bị ức chế tâm lý ở mức độ cao khó có đủ bình tĩnh để lựa chọn, để suy xét về hành động của mình. Người phạm tội thực hiện việc giết người ngay trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Tình trạng tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội phải do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên đối với người phạm tội. Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng là hành vi trái pháp luật nói chung (không chỉ riêng trái pháp luật hình sự), ở mức độ nghiêm trọng và thường xảy ra một cách tức thời. Cũng có trường hợp hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức nặng nề, đến một thời điểm nhất định lại bùng lên thì người phạm tội vẫn được coi là phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Nạn nhân phải là người đã có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó. Nếu người phạm tội lại không giết người thực hiện hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với mình hoặc đối với người thân thích của mình, mà giết vợ, con hoặc người thân thiết của người này thì họ không phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS năm 2015) mà phạm tội giết người (Điều 123 BLHS năm 2015).

Cũng như tội giết người, đối tượng tác động của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là chủ thể của các quan hệ xã hội. Đó là những người đang sống, những người đang tồn tại trong thế giới khách quan. Tuy vậy, đối tượng tác động của hai tội này cũng có điểm khác nhau, nếu đối tượng của tội giết người là bất kì ai thì đối tượng của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chỉ có thể là người có hành vi pháp luật nghiêm trọng xâm hại tới các lợi ích của người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội.

1.4.2 Mặt khách quan của tội phạm.

Thứ nhất, trạng thái tinh thần của người phạm tội bị kích động mạnh khi thực hiện hành vi giết người. Người bị kích động về tinh thần là người không còn nhận thức đầy đủ về hành vi của mình như lúc bình thường, nhưng chưa mất hẳn khả năng nhận thức. Lúc đó họ mất khả năng tự chủ và không thấy hết được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình; trạng thái tinh thần của họ gần như người điên (người mất trí). Trạng thái này chỉ xảy ra trong chốc lát, sau đó tinh thần của họ trở lại bình thường như trước.

Trường hợp người phạm tội có bị kích động về tinh thần nhưng chưa tới mức mất khả năng tự chủ thì không gọi là bị kích động mạnh và không thuộc trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Tuy nhiên, việc xác định trạng thái tinh thần của một người có bị kích động mạnh hay không là rất khó, bởi vì mỗi người có một trạng thái tâm lý khác nhau, cùng một sự việc nhưng người này xử sự khác người kia, có người tức giận nổi điên lên nhưng cũng có người bình tĩnh, thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra.

Ví dụ : A và B đang uống rượu cùng nhau thì có một thanh niên bàn bên cạnh chạy lại khiêu khích, văng tục chửi A và B. Anh A tức giận liền đứng dậy đánh cho thanh niên kia một trận, tuy nhiên anh B thì chỉ cười và cho qua, anh B kéo anh A ra chỗ khác để tránh trường hợp xô xát.

Vì vậy, không thể có sẵn một chuẩn mực để đo trạng thái kích động mạnh hay chưa mạnh về tinh thần của con người mà phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, xem xét một cách toàn diện các tình tiết của vụ án, nhân thân người phạm tội, quá trình diễn biến của sự việc, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, hoạt động xã

hội, điều kiện sống, tính tình, bệnh tật, hoàn cảnh gia đình, quan hệ giữa người phạm tội với nạn nhân v.v... từ đó xác định mức độ bị kích động về tinh thần có mạnh hay không, mạnh tới mức nào?

Thứ hai, đối với người bị giết phải là người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng. Hành vi trái pháp luật của nạn nhân có thể vi phạm pháp luật hình sự, lao động, hôn nhân và gia đình... Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng ở đây có thể cấu thành tội phạm hoặc chưa cấu thành tội phạm nhưng dù trường hợp nào hành vi đó cũng phải có tính chất trái pháp luật nghiêm trọng. Nếu hành vi của nạn nhân tuy là trái pháp luật nhưng không nghiêm trọng, có tính chất nhỏ nhặt thì không thuộc trường hợp này.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân, trước hết bao gồm những hành vi vi phạm pháp luật hình sự xâm phạm đến lợi ích của người phạm tội hoặc đối với những người thân thích của người phạm tội. Thông thường những hành vi trái pháp luật của nạn nhân xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người phạm tội và những người thân thích của người phạm tội, nhưng cũng có một số trường hợp xâm phạm đến tài sản của người phạm tội như: đập phá tài sản, đốt cháy, cướp giật, trộm cắp v.v... Việc xác định một hành vi trái pháp luật của nạn nhân đã tới mức nghiêm trọng hay chưa cũng phải đánh giá một cách toàn diện. Có hành vi chỉ xảy ra một lần đã là nghiêm trọng, nhưng cũng có hành vi nếu chỉ xảy ra một lần thì chưa nghiêm trọng, nhưng nó được lặp đi lặp lại nhiều lần thì lại thành nghiêm trọng. Nạn nhân phải bị chết thì người thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng của nạn nhân mới cấu thành "tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh".

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân có thể chỉ là một hành vi cụ thể và tức thì dẫn đến tình trạng tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội. Nhưng cũng có trường hợp hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân là chuỗi những hành vi khác nhau diễn ra có tính lặp đi, lặp lại trong suốt thời gian dài và liên tiếp tác động đến tinh thần người phạm tội làm cho họ bị dồn nén về tâm lý. Đến thời điểm nào đó khi có hành vi trái pháp luật cụ thể xảy ra thì tình trạng tinh thần của người phạm tội bị đẩy lên cao độ và người phạm tội lâm vào

tình trạng tinh thần bị kích động mạnh. Trong trường hợp này, nếu chỉ xét hành vi cụ thể ngay liền trước trạng thái tinh thần bị kích động mạnh sẽ không thấy được sự nghiêm trọng của hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân.

Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh không có giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, vì không thể xác định được mục đích của người phạm tội khi người đó trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà chỉ có thể xác định người phạm tội bỏ mặc cho hậu quả xảy ra.

Thứ ba, hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân là nguyên nhân dẫn tới trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật với tinh thần bị kích động mạnh là mối quan hệ tất yếu nội tại có cái này thì ắt có cái kia. Không có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân thì không có tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội và vì thế nếu người phạm tội không bị kích động bởi hành vi trái pháp luật của người khác thì không thuộc trường hợp phạm tội này.

Thứ tư, hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây ra cho người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội. Những người thân thích là những người có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân như: vợ đối với chồng; cha mẹ với con cái; anh chị em ruột, anh chị em cùng cha khác mẹ đối với nhau; ông bà nội ngoại đối với các cháu v.v...

***Hậu quả của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh**

Hậu quả được quy định là dấu hiệu bắt buộc trong công tác tội phạm của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, đó là hậu quả chết người, cụ thể là nạn nhân phải chết thì người thực hiện hành vi tước đoạt tính mạng của nạn nhân mới bị coi là phạm tội này, theo đó tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chỉ được coi là hoàn thành khi có hậu quả chết người xảy ra. Nếu nạn nhân không chết mà chỉ bị thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe mà thương tật từ 31% trở lên thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “có ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động”. Cũng theo quy định của BLHS, tội giết

người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh không có giai đoạn chuẩn bị phạm tội, vì trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chỉ có khi có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó, sự kích động đó phải có tính đột xuất, nó đến rất nhanh và qua đi rất nhanh.

Để xác định người phạm tội có ở trong trạng thái tinh thần bị kích động hay không cần xem xét giữa hành vi giết người và hậu quả chết người có mối quan hệ hay không. Nếu giữa chúng không có quan hệ thì bị cáo không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà phạm một tội khác.

1.4.3 Chủ thể của tội phạm.

Chủ thể của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là bất kì người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Thứ nhất, chủ thể của tội phạm có thể là công dân Việt Nam, người nước ngoài, hay người không quốc tịch.

Thứ hai, chủ thể của tội phạm phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Như đã phân tích ở trên, vốn dĩ người phạm tội là người bình thường, nhưng lúc phạm tội, tinh thần của họ bị kích động mạnh, sau đó họ sẽ trở lại bình thường. Người bình thường ở đây là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự bao gồm năng lực nhận thức và năng lực làm chủ hành vi.

Năng lực trách nhiệm hình sự là năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Năng lực trách nhiệm hình sự là điều kiện cần thiết để có thể xác định một người có lỗi hay không khi họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Chỉ có người có năng lực trách nhiệm hình sự mới có thể là chủ thể của tội phạm. Người có năng lực trách nhiệm hình sự là người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, có khả năng điều khiển được hành vi ấy.

Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đòi hỏi người phạm tội cũng phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự, tức là khi thực hiện hành vi phạm tội họ có khả năng nhận thức được hành vi tước đoạt trái pháp luật

tính mạng của người khác là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật ngăn cấm và họ có khả năng điều khiển, kiềm chế hành vi của mình để không thực hiện hành vi nguy hiểm đó nhưng họ vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ ba, chủ thể là người từ đủ 16 tuổi. Đây cũng là sự khác biệt đối với tội giết người (Điều 123), tội giết người quy định chủ thể chịu trách nhiệm hình sự là người từ đủ 14 tuổi, tuy nhiên theo Điều 12 Bộ luật Hình sự, chủ thể chịu trách nhiệm đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là người từ đủ 16 tuổi. Quy định này phù hợp với tâm sinh lý của người phạm tội chưa thành niên. Người dưới 16 tuổi thường dễ kích động, chưa biết kiềm chế, dễ rơi vào trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, đặc biệt chưa nhận thức được hết hậu quả xảy ra đối với hành vi của mình.

1.4.4 Mặt chủ quan của tội phạm.

Người phạm tội thực hiện hành vi giết người với lỗi cố ý trực tiếp. Tuy đang bị kích động mạnh, khó có thể làm chủ bản thân nhưng người phạm tội không mất đi hoàn toàn ý thức nhưng họ vẫn thực hiện hành vi với mong muốn hậu quả chết người xảy ra.

Lỗi là dấu hiện bắt buộc thuộc mặt chủ quan của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cũng như trong mặt chủ quan của mọi cấu thành tội phạm.

Lỗi trong cấu thành tội phạm của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có thể là lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi cố ý gián tiếp. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 10 BLHS 2015 thì lỗi cố ý trực tiếp của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả chết người có thể hoặc tất yếu xảy ra và vì mong muốn hậu quả chết người nên đã thực hiện tội phạm. Lỗi cố ý gián tiếp của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra tuy không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

Đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì người phạm tội thực hiện tội phạm khi có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với họ hoặc người thân thích của họ làm tinh thần của họ bị kích động mạnh dẫn tới hành vi phạm tội. Người phạm tội không hề có sự chuẩn bị trước về tinh thần cũng như công cụ, phương tiện phạm tội. Do vậy, lỗi của người phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dù là lỗi cố ý trực tiếp hay gián tiếp đều có đặc điểm chung là lỗi cố ý đột xuất. Cố ý đột xuất là trường hợp người phạm tội vừa có ý định phạm tội đã thực hiện ngay ý định đó, chưa có sự cân nhắc kỹ. Thực tiễn xét xử đã xác nhận “nếu can phạm đã có ý nghĩ và có kế hoạch giết người từ trước, nhưng lúc hành động vì một duyên cớ nào đó có bị kích động hơn lúc bình thường và hành động một cách quyết liệt hơn thì đó cũng không phải là giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mặc dù người phạm tội bị hạn chế trong việc thấy trước hậu quả của hành vi giết người, vì khi thực hiện hành vi giết người họ đang trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh nhưng không phải vì thế mà người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì lúc đó họ chưa mất hẳn khả năng nhận thức và vẫn còn có thể lựa chọn xử sự khác chứ không phải là hành vi giết người. Khi thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp thì ý chí của người phạm tội được biểu hiện là mong muốn hậu quả chết người xảy ra. Hậu quả chết người xảy ra phù hợp với mong muốn của người phạm tội.

Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, mục đích và động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong mặt chủ quan của tội phạm.

1.5. Đường lối xử lý tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Tại Điều 3 BLHS 2015 có quy định về nguyên tắc xử lý phần các tội phạm, theo đó việc xử lý các hành vi xâm phạm tính mạng sức khỏe con người cũng như các hành vi phạm tội khác đều phải tuân theo những nguyên tắc nhất

định. Những nguyên tắc này được Bộ luật hình sự quy định ở phần chung và được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội cụ thể quy định ở phần tội phạm.

Trong thực tiễn xét xử, khi xác định TNHS Tòa án xem xét tất cả tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 và Điều 51 BLHS năm 2015. Nhưng cần phải lưu ý là: “các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chỉ làm thay đổi mức độ nguy hiểm trong một khung hình phạt chứ không làm thay đổi tính chất của tội phạm” và nếu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được quy định là dấu hiệu định tội rồi thì không được coi là tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho chính tội đó nữa.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, khi áp dụng hình phạt đối với người phạm tội, Tòa án không được tự ý xác định thêm những tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 nhưng Tòa án có thể coi các tình tiết khác chưa được quy định trong Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng phải được ghi rõ trong bản án. Ngoài ra, khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc “tình tiết khác” là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án. Trong đó, căn cứ Điểm 5 Mục I Công văn 212/TANDTC-PC năm 2019 và Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP thì các "tình tiết khác" bao gồm:

- Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, bà mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước:

- Bị cáo có anh, chị, em ruột là liệt sỹ;
- Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31 % trở lên;
- Người bị hại cũng có lỗi;
- Thiệt hại do lỗi của người thứ ba;
- Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo;

- Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản;

- Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như đi chống bão, lụt, cấp cứu.

Và trong từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây: khi xét xử phải xem xét đầy đủ các dấu hiệu thuộc cấu thành tội phạm của tội; chỉ áp dụng hình phạt đối với người phạm một tội mà Bộ luật hình sự quy định; chỉ áp dụng những hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự; không xử phạt quá mức cao nhất của khung hình phạt; đối với hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người không được áp dụng hình phạt tiền dù đó là hình phạt chính hay là hình phạt bổ sung vì hình phạt tiền sẽ gây tâm lý coi thường pháp luật, coi thường tính mạng con người, gây rối loạn trật tự xã hội.

Điều 125 BLHS 2015 quy định hai khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, cụ thể như sau :

Khoản 1 điều 125 quy định “*Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*” Khung hình phạt cơ bản của tội phạm áp dụng đối với trường hợp người phạm tội có hành vi giết một người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với khung hình phạt từ sáu đến ba năm. Trong giới hạn của khung hình phạt này khi quyết định hình phạt. Tòa án căn cứ điều 50 BLHS 2015 cân nhắc để lượng hình chính xác. Khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định được quy định tại Khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Khi có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS và không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

. Tòa án có thể quyết định hình phạt cho người phạm tội đến ba năm tù và không được quá ba năm tù .

Khoản 2 Điều 125 quy định “ *Phạm tội đối với 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.* ” . Nếu hai người bị giết chỉ có một người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội “ Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh điều 125 và tội giết người Điều 123 BLHS “

Tuy nhiên nếu có nhiều người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội , nhưng chỉ có một người bị giết chết , còn những người khác bị thương và có tỉ lệ thương tật từ 31 % trở lên thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội : “ Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh “ (khoản 1 điều 125) và “ tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh “ theo Điều 135 BLHS .

Như vậy , theo quy định của Điều 125 BLHS thì cả hai khung hình phạt áp dụng đối với “ Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh “ là tù có thời hạn . Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh “ các cơ quan tiến hành tố tụng cần xem xét và cân nhắc thật chính xác tinh thần của Điều luật để có quyết định đúng đắn , đảm bảo mục đích của hình phạt .

1.6. Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với một số tội khác trong Bộ luật hình sự.

1.6.1 Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS năm 2015) với tội giết người (Điều 123 BLHS năm 2015).

“Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” và “Tội giết người” đều là tội phạm thuộc nhóm tội xâm phạm tính mạng con người, hai tội phạm này có nhiều điểm giống nhau về các yếu tố cấu thành tội phạm. Về khách thể, hai tội này có khách thể trực tiếp giống nhau là đều xâm phạm đến quyền sống của con người và gây ra cái chết cho nạn nhân. Về mặt khách quan, hai tội đều là tội phạm có cấu thành vật chất, đều đòi hỏi hậu quả chết người xảy ra. Về

mặt chủ quan, cả hai tội phạm đều có thể thực hiện với lỗi cố ý. Chủ thể của tội phạm đều là chủ thể thường. Tuy nhiên, về cơ bản hai tội này có sự khác nhau. Cụ thể:

Thứ nhất, ở tội giết người trạng thái tinh thần của người phạm tội không phải là dấu hiệu bắt thuộc nhưng đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trạng thái tinh thần của người phạm tội (đang bị kích động mạnh) lại là dấu hiệu bắt buộc .

Thứ hai , nếu nạn nhân của tội giết người là bất kỳ người nào thì nạn nhân của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh phải là người đã thực hiện hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội .

Ngoài hai đặc điểm cơ bản trên thì hai tội phạm này còn có sự khác nhau về độ tuổi của chủ thể, ở tội giết người tuổi của người phạm tội là từ đủ 14 tuổi trở lên còn ở tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh tuổi của người phạm tội là từ đủ 16 tuổi trở lên và khác nhau về mục đích của người phạm tội, ở tội giết người thì mục đích phạm tội luôn được xác định còn ở tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mục đích tội phạm thường khó xác định.

Tóm lại, nếu tội phạm thỏa mãn đồng thời cả hai dấu hiệu trên trong dấu hiệu pháp lý thì chúng ta có thể xác định được đó là tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Còn nếu tội phạm xảy ra chỉ có một trong hai đặc điểm trên thì chúng ta có thể xác định đó là tội giết người (Điều 123 BLHS). Hai đặc điểm cơ bản của trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội và hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân có mối quan hệ nhân quả với nhau. Do vậy, khi xác định tội phạm chúng ta phải xem xét một cách chính xác để có kết luận đúng đắn tránh tình trạng xác định sai tội danh.

1.6.2 Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS năm 2015) với tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Điều 126 BLHS năm 2015).

Căn cứ vào quy định tại Điều 126, Khoản 2 Điều 22 BLHS 2015, từ khái niệm và các điều kiện của phòng vệ chính đáng cũng như khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, chúng ta có thể phân biệt hai tội phạm này qua những đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, trong tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là xuất phát từ người có hành vi nguy hiểm đang xâm hại đến lợi ích chính đáng của chính người phạm tội hoặc xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, tập thể vì họ muốn bảo vệ các lợi ích đó mà có hành vi chống trả một cách quá mức cần thiết và gây hậu quả chết người; với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì nguyên nhân dẫn đến việc giết người là do người phạm tội bị kích động mạnh về tinh thần do họ không tự chủ, tự kiềm chế được hành vi của mình do nạn nhân đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật xâm phạm đến lợi ích của người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội. Ở tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì lợi ích bị xâm hại còn có lợi ích của Nhà nước, của tập thể còn trong tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì lợi ích bị xâm hại chỉ là người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội. Người phạm tội theo Điều 126 có thể bị kích động hoặc không bị kích động nhưng người phạm tội theo Điều 125 thì bắt buộc tinh thần phải bị kích động.

- Thứ hai, về mục đích phát sinh hành vi phạm tội, trong trường hợp tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, mục đích của hành vi được thực hiện là tích cực chống trả lại sự xâm hại gây cho mình, cho Nhà nước hoặc cho người khác, gạt bỏ tính sợ hãi với lợi ích bảo vệ, đẩy lùi sự tấn công của nạn nhân còn trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chủ yếu do họ không tự chủ được bản thân, trong hoàn cảnh bị kích động họ không điều khiển được hành vi của mình và dẫn tới hành vi phạm tội.

- Thứ ba, về cường độ tấn công của nạn nhân, trong trường hợp giết - người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, hành vi nguy hiểm của nạn nhân xâm hại lợi ích của người phạm tội nó phải “ngay tức khắc”, sự gây thiệt hại và đe dọa gây thiệt hại phải là thực sự, nhưng trong trường hợp giết người trong trạng thái

tinh thần bị kích động mạnh thì hành vi trái pháp luật của nạn nhân có thể là một hành vi cụ thể và tức thì dẫn tới tình trạng tinh thần bị kích động mạnh nhưng cũng có trường hợp hành vi trái pháp luật của nạn nhân là chuỗi các hành vi khác nhau, diễn ra có tính lặp đi lặp lại... Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân trong tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có thể bằng lời nói, có thể bằng hành động nhưng hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân trong tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng chỉ có thể là hành động xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, của người phạm tội hoặc của người khác.

- Thứ tư, về trách nhiệm hình sự, tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì người có hành vi giết người chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi họ phòng vệ quá mức cần thiết; còn trường hợp tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chúng ta phải xem xét trạng thái tinh thần của người phạm tội có bị “kích động mạnh” hay chỉ bị “kích động” nếu giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì họ phải chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 125 BLHS 2015.

- Thứ năm, động cơ của tội phạm, ở tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm và không được coi là dấu hiệu định tội nhưng ở tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng động cơ phạm tội được coi là dấu hiệu định tội, đó là động cơ phòng vệ.

Ngoài ra, trong cả hai tội đều có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng, nhưng ở trường hợp giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì hành vi trái pháp luật đang xảy ra và chưa kết thúc; còn ở trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đã kết thúc. Trong thực tiễn, việc phân biệt giữa hai điều luật này có ý nghĩa rất thiết thực đối với việc định tội danh. Bởi hai tội phạm này có một số dấu hiệu giống nhau về chủ thể, khách thể, mặt chủ quan, mặt khách quan như đều là chủ thể thường, xâm phạm tính mạng con người, lỗi là cố ý... đều là trường hợp giảm nhẹ đặc biệt của tội giết người.

1.6.3 Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS 2015) với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135 BLHS 2015).

Hai tội phạm này thuộc hai nhóm tội khác nhau là nhóm tội xâm phạm mạng và nhóm tội xâm phạm sức khỏe của người khác. Tuy nhiên hai tội tính phạm này có một số điểm giống nhau. Về mặt chủ quan, hai trường hợp phạm tội này chủ thể của tội phạm đều thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và đều có hậu quả chết người xảy ra.

Trong thực tiễn áp dụng việc phân biệt giữa hai tội này là rất khó khăn bởi đối với người phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh không thể hoặc khó xác định được mục đích của người phạm tội, họ hành động trong phút giây nóng giận, nên hậu quả đến đâu họ phải chịu trách nhiệm hình sự đến đó. Trong khi họ phạm tội, họ không đủ bình tĩnh để giới hạn hành vi phạm tội ở mức gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người bị hại.

Ví dụ như : Tại Bản án 08/2018/HS-PT ngày 05/02/2018 về tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm có nội dung như sau:

“Ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1968, trú tại Xóm C, xã Hòa T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, là bố của Hoàng Công M, thường xuyên đi uống rượu về rồi đánh chửi vợ con và nhiều lần đập phá đồ đạc trong nhà. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 24/8/2017, Hoàng Công M đi làm về thấy đồ đạc trong nhà bị ông L1 đập phá nên đã bực tức, lúc đó thấy ông L1 bảo con gái là Hoàng Thị T2 đi phơi quần áo hộ, thì M đã can không cho chị đi nên ông L1 đã dùng tay phải nắm vào đầu M. Bị bố đánh, M chạy ra cửa thì ông L1 đuổi theo ra đến hiên, M chạy ra đến sân nhìn thấy một đoạn gậy bằng tre màu trắng – vàng dài 1,27m, đường kính một đầu là 4,2cm, một đầu là 4,4cm cạnh bờ rào liền dùng tay phải cầm lấy rồi quay lại thấy ông L1 đang đứng trên thềm M liền bước lên dùng gậy đập một phát từ trên xuống trúng vào đầu làm ông L1 ngã ra thềm. M đập tiếp phát thứ hai, ông L1 giơ tay phải lên đỡ thì bị trúng vào tay, bị M đánh ông L1 vùng dậy chạy vào buồng phía đầu hồi nhà thì M đuổi theo dùng hai tay cầm gậy đập nhiều phát vào hai chân

làm ông L1 bị ngã ở cửa buồng, ông L1 bò vào trong buồng M vẫn bực tức nên vào theo đập mấy phát nữa vào hai chân ông L1 thì ông L1 xin tha và được mọi người can ngăn nên M dừng lại để mọi người đưa ông L1 đi cấp cứu. Sau đó ông L1 được đưa đến Trung tâm Y tế huyện L điều trị thương tích".

Vụ án xảy ra do lỗi của người bị hại chính là bố đẻ của bị cáo, đã thường xuyên uống rượu về chửi đánh vợ con, đập phá tài sản và còn bán tháo tài sản của gia đình chi dùng cá nhân vào việc không lành mạnh, sau đó còn đánh đuổi bị cáo; điều đó đã gây bức xúc, kích động mạnh về tinh thần của bị cáo nên bị cáo đã dùng gậy đánh lại bố .

Vì thế, Hội đồng xét xử đã xử phạt bị cáo Hoàng Công M 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”.

Đối với loại tội này, nhiều người hay nhầm lẫn với những trường hợp được xem là tinh thần bị kích động mạnh như người phạm tội đã sử dụng rượu bia hoặc chất kích thích khi thực hiện hành vi gây thương tích cho người khác. Nhưng trên thực tế, trường hợp này chưa được xem là phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, còn phải phụ thuộc vào nhiều yếu tố, tình tiết và hành vi vi phạm pháp luật của người bị hại trong vụ án.

Đa số các tài liệu khi phân tích về hai tội phạm này đều thừa nhận lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp hoặc gián tiếp. Quan điểm này xuất phát từ sự phân tích mặt chủ quan của Tội giết người (Điều 123) và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134). Tuy nhiên, qua việc phân tích “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” cho thấy, khi phạm tội, người phạm tội không nhận thức rõ hậu quả nguy hiểm cho xã hội cụ thể nào sẽ xảy ra từ hành vi của mình và do đó, cũng không thể nói họ mong muốn hậu quả cụ thể nào đó xảy ra. Trong khi đó, để xác định người phạm tội có lỗi cố ý trực tiếp thì khi thực hiện hành vi, họ phải nhận thức được hậu quả chết người /thương tích, tổn hại sức khỏe sẽ xảy ra từ hành vi của mình, mong muốn hậu quả đó xảy ra. Vì vậy, đối với Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái

tinh thần bị kích động mạnh, chỉ có thể nói người phạm tội có lỗi cố ý gián tiếp trong khi thực hiện tội phạm. Khẳng định trên có ý nghĩa quan trọng trong việc xem xét hai tội phạm này có giai đoạn tội phạm chưa hoàn thành hay không. Theo đó, hai tội phạm này sẽ không có giai đoạn chưa hoàn thành. Bởi vì, giai đoạn chưa hoàn thành chỉ xảy ra đối với các tội phạm có dấu hiệu chủ quan là lỗi cố ý trực tiếp.

Qua một số nội dung đã phân tích, việc xác định điểm đặc trưng của hai CTTP của hai tội nói trên dựa theo BLHS năm 2015 có điểm vướng mắc.

Theo quy định hiện hành, căn cứ vào bản chất của “tình trạng tinh thần bị kích động mạnh” giữa hai tội không thể phân biệt được khi dựa vào dấu hiệu chủ quan, nghĩa là dựa vào lỗi của người phạm tội đối với hậu quả. Bởi vì, như đã phân tích người phạm tội không nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây ra hậu quả cụ thể nào (chết người hay thương tích /tổn hại sức khỏe). Khi thực hiện hành vi, họ chỉ nhận thức một cách khái quát về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình cũng như hậu quả từ hành vi đó gây ra. Thực tế xảy ra hậu quả gì, họ chấp nhận hậu quả đó. Do đó, chỉ có thể phân biệt hai CTTP này thông qua dấu hiệu hậu quả. Nếu hậu quả chết người xảy ra có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội, đó là Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Nếu hậu quả xảy ra chỉ là thương tích, đó là Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Cũng có quan điểm cho rằng, nếu sau khi phạm tội, hậu quả xảy ra ngay hoặc sau đó vài giờ thì đó là tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Nếu hậu quả chết người xảy ra sau một thời gian nhất định, đó là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Quan điểm phân biệt này không có cơ sở khoa học vì trong cả hai trường hợp, người phạm tội không nhận thức được rõ ràng hậu quả của hành vi phạm tội do mình gây ra.

Như vậy, căn cứ vào bản chất của “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”, hậu quả thực tế xảy ra là cơ sở quan trọng nhất để phân biệt hai CTTP của các tội nói trên. Tuy nhiên, theo sự mô tả của Điều 125 và Điều 135 trong BLHS năm

2015, chúng ta gặp khó khăn trong việc phân biệt chúng. Vấn đề này xảy ra khi nghiên cứu CTTP cơ bản của Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Khoản 1, Điều 125) và CTTP tăng nặng của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Khoản 2, Điều 135) vì cả hai CTTP đều chứa đựng hậu quả chết người. Như đã phân tích, khi thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội trong cả hai trường hợp đều không nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây ra hậu quả cụ thể nào (chết người hay thương tích /tổn hại sức khỏe) vì khi đó khả năng nhận thức của họ đã giảm đi đáng kể. Do đó, việc xác định trường hợp nào là cố ý đối với hậu quả chết người (giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh) hay vô ý với hậu quả chết người (cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến chết người) là điều không khả thi. Giải quyết vấn đề này, theo chúng tôi, nhà làm luật nên nghiên cứu bỏ dấu hiệu hậu quả “chết người” trong CTTP tăng nặng của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (điểm b, Khoản 2, Điều 135 của BLHS năm 2015). Như vậy, điểm b, Khoản 2, Điều 125 của BLHS năm 2015 sau khi được sửa đổi sẽ là: “gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng khác”.

Theo quy định sửa đổi đó, mọi hành vi tấn công người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà có hậu quả chết người sẽ thỏa mãn CTTP của Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Nếu hành vi tấn công người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà chỉ có hậu quả thương tích /tổn hại sức khỏe thì thuộc CTTP của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Có như vậy người áp dụng mới không gặp lúng túng khi định tội đối với hai tội phạm này.

1.6.4 Phân biệt tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS 2015) với trường hợp giết người được áp dụng tình tiết giảm nhẹ (điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS 2015).

Cả hai trường hợp người phạm tội đều bị kích động về tinh thần và đều do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra, nhưng sự khác nhau là mức độ bị kích động và mức độ trái pháp luật của nạn nhân. Nếu ở trường hợp quy định tại Điều 125 BLHS 2015, người phạm tội phải bị kích động mạnh thì ở trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, tuy tinh thần có bị kích động nhưng chưa mạnh, chưa tới mức không nhận thức được hành vi của mình. Nếu ở trường hợp quy định tại Điều 125, hành vi trái pháp luật của nạn nhân phải là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng, thì ở điểm e Khoản 1 Điều 51, hành vi trái pháp luật của nạn nhân chưa phải là nghiêm trọng.

- Thứ nhất, về mức độ kích động về tinh thần: nếu như ở trường hợp giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS) người phạm tội phải bị kích động mạnh thì ở trường hợp phạm tội quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 thì người phạm tội tuy tinh thần có bị kích động nhưng chưa mạnh, chưa tới mức không nhận thức được hành vi của mình.

-Thứ hai, về mức độ của hành vi trái pháp luật là nguyên nhân gây ra tình trạng kích động của người phạm tội: Nếu ở Điều 125 hành vi trái pháp luật của nạn nhân phải là nghiêm trọng thì ở trường hợp phạm tội quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 hành vi trái pháp luật của nạn nhân chưa phải là nghiêm trọng, hành vi trái pháp luật ở Điều 125 phải là của chính nạn nhân thì ở điểm e khoản 1 Điều 51 không nhất thiết phải là hành vi của nạn nhân mà là hành vi của bất kỳ người nào khác.

-Thứ ba, về đối tượng tác động của hành vi trái pháp luật: ở tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hành vi trái pháp luật của nạn nhân phải đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội nhưng ở điểm e khoản 1 Điều 51 thì không nhất thiết phải như thế.

TIỂU KẾT CHƯƠNG I

Trong chương I, đã phân tích những vấn đề lý luận về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh như khái niệm, các dấu hiệu pháp lý và đường lối xử lý đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh giúp nhận thức rõ ràng, đầy đủ hơn về các đặc điểm và bản chất pháp lý của tội này.

Bên cạnh đó, cũng phân tích làm rõ sự khác biệt giữa tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với các tội giết người, giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng... cho phép chúng ta nhận thức rõ và đầy đủ hơn về tính nguy hiểm cũng như đặc điểm pháp lý của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh tránh nhầm lẫn trong việc định tội danh, áp dụng sai điều luật.

Chương II

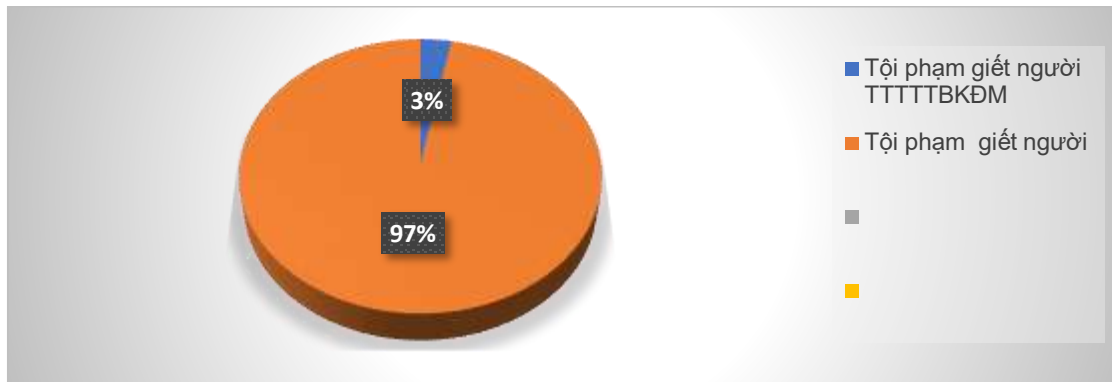
THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ ĐỊNH TỘI DANH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRONG TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH.

2.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Theo Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được quy định tại Điều 125. Giết người là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người khác một cách trái pháp luật, tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là nhóm tội phạm trực tiếp xâm hại đến tính mạng của con người. Các tội phạm xảy trực tiếp xâm hại quyền sống của mỗi con người được ghi nhận trong các Điều ước quốc tế về nhân quyền và Hiến pháp nước ta theo dõi “Mọi người có quyền sống tính mạng con người được pháp luật bảo vệ không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật” (Điều 19) . Qua nghiên cứu các tội phạm giết người cho thấy khách thể bị xâm hại của các tội phạm này là tình trạng của con người liên quan trực tiếp đến quyền sống của con người với tư cách là quyền thiêng bồng nhất của con người được tạo hóa ban cho, là bảo đảm để các quyền con người khác được thực hiện và mọi cơ quan, cho, là bảo đảm để các quyền con người khác được thực hiện và mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ phải công nhận, tôn trọng, bảo vệ và không được phép xâm hại theo đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Khoản 1, Điều 14).

Theo thống kê của Cục Cảnh sát điều tra Bộ Công an, từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2018, trên phạm vi cả nước có 5027 vụ án giết người trong đó có số vụ án có tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là 167 vụ

Biểu đồ 1.1: cơ cấu tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với tội phạm giết người



(Nguồn : thống kê của Cục Cảnh sát điều tra Bộ Công an 2018)

Bảng 2.1: Tình hình tội phạm giết người ở nước ta từ 01/2015-06/2018

Năm	Tội giết người	Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh	Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ	Tội giết người do vượt quá phòng vệ chính đáng	Tội vô ý làm chết người
2015	1354	43	58	23	87
2016	1459	48	45	12	65
2017	1539	49	47	20	58
06/2018	675	27	25	13	29
Tổng	5027	167	175	68	239

(Nguồn : Cục CSHS sơ kết công tác phòng chống tội phạm hình sự 2018)

Qua bảng 2.1 , Biểu đồ 1.1 tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh tuy chiếm tỷ lệ không cao trong tổng số tình hình tội phạm giết người , chỉ xấp xỉ 3,4%, mỗi năm xảy ra 45 vụ giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và ứng với nó là nạn nhân bị giết , tội phạm giết người trong trạng

thái tinh thần bị kích động mạnh tăng 3,98% so với cùng kì năm 2017 ; phát sinh chủ yếu từ những mâu thuẫn do xã hội tạo ra như: những mâu thuẫn trong lao động , việc làm : những mâu thuẫn trong quan hệ sở hữu : những mâu thuẫn trong quan hệ gia đình : những mâu thuẫn giữa mong muốn với khả năng thực thi ...Phương thức , thủ đoạn hoạt động của loại tội phạm này thường lộ liễu , khó che giấu . Hậu quả do tội phạm này gây ra thường dễ xác định. Việc điều tra , khám phá , phát hiện người phạm tội không khó khăn như các tội khác.

Số liệu bảng 2.1 cho thấy, trong cơ cấu các tội xâm phạm tính mạng của con người, tội phạm giết người chiếm tỉ lệ cao nhất sau đó đến các tội: vô ý làm chết người làm chết người trong khi thi hành công vụ; giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh; giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Cơ cấu về lứa tuổi cho phép xác định các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người phù hợp với sự phát triển về thể chất, tinh thần và tâm sinh lí của từng nhóm tuổi. Nghiên cứu 167 bị cáo phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cho thấy, số bị cáo ở lứa tuổi thanh niên (từ 18 đến 30) chiếm tỉ lệ cao nhất, số bị cáo ở lứa tuổi chưa thành niên chiếm tỉ lệ thứ hai, số bị cáo trưởng thành (từ 30 tuổi trở lên) chiếm vị trí thấp nhất. Sở dĩ lứa tuổi chưa thành niên và lứa tuổi thanh niên phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh phần lớn là do sự thiếu quan tâm giáo dục từ phía gia đình, nhà trường, xã hội, sự tác động của những luồng văn hóa dễ bị kích động dẫn đến phạm tội .

Bảng 2.2. Thống kê sự gia tăng của tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh từ 01/2015 – 06/2018

Năm	Số vụ	Tỉ lệ gia tăng
2015	43	0
2016	48	11,6%
2017	49	13,95%
06/2018	27	12,55%
Tổng	167	12,7

(Nguồn : Thống kê của Cục Cảnh sát điều tra Bộ Công an 2018)

Từ Bảng 2.2 chúng ta thấy các năm từ 2016 đến 2017 số liệu tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh tăng dần, cao nhất là năm 2017, tăng 13,95% so với năm 2015 (trung bình tăng 12,7%).

Theo chu kì tăng dần, có thể dự báo tình hình tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh những năm tiếp theo như sau: năm 2019 tình hình tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh sẽ như năm 2016 (khoảng 5 đến 8 vụ); các năm từ 2020, 2021, 2022... tình hình tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mỗi năm tăng khoảng 7 vụ. Tuy nhiên, dự báo này còn phụ thuộc vào sự biến đổi của tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và khả năng đấu tranh phòng, chống tội phạm của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Thực trạng tội giết người ở Việt Nam nói chung và tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nói riêng hiện nay đang mức báo động. Các ngành, các cấp có thẩm quyền cần có những biện pháp thiết thực để giảm án đến mức tối thiểu. An ninh trật tự xã hội được giữ vững mới tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội.

Những mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân và gia đình, về kinh tế - xã hội, nguyên nhân về văn hóa , giáo dục, tuyên truyền , phổ biến giáo dục pháp luật ,

những nguyên nhân về hoạt động quản lý trật tự xã hội là những nguyên nhân mà tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chịu sự tác động .

-Thứ nhất nguyên nhân về kinh tế, xã hội

Trước hết, những tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, từ cơ chế quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường dưới sự quản lý của Nhà Nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo bước đột phá mới phát triển toàn diện trên các lĩnh vực. Nói chung trên địa bàn thành phố đời sống của nhân dân đã từng bước được nâng lên, cơ sở vật chất, giáo dục y tế... cũng ngày càng hoàn thiện hơn. Song, bên cạnh đó cũng như cả nước do thiếu sự chuẩn bị đầy đủ cho bước đổi mới này, chưa chú ý đến giáo dục rèn luyện phẩm chất đối với cán bộ nhân. Dẫn đến một số bộ phận cán bộ đảng viên, quần chúng thiếu tu dưỡng, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ý thức tổ chức kỷ luật kém, sa sút đạo đức lối sống. Tình trạng này đã tác động trực tiếp vào tâm lý, lối sống ích kỷ, hẹp hòi của một số người, làm cho họ tha hóa biến chất, coi thường mạng sống của người khác. Đây là nguồn gốc làm phát sinh tội phạm, trong đó có tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh .

Đồng thời, mặt trái của cơ chế thị trường làm phát sinh nhiều mâu thuẫn gắt gỏng giữa con người với con người, nhất là trong hoạt động sản xuất, gay kinh doanh, cạnh tranh địa bàn, cạnh tranh bảo kê, bao tiêu sản phẩm hàng hóa. Trong đó, có nhiều công ty, doanh nghiệp bị cạnh tranh không đứng vững dẫn đến phá sản, kéo theo nó là hàng loạt người rơi vào tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm trầm trọng. Trong số đó có nhiều người đã trở thành đối tượng hoặc nạn nhân trong các vụ giết người. Mặt khác, cơ chế thị trường cũng mở đường cho nhiều doanh nghiệp, nhiều người làm giàu, thu được lợi nhuận một cách chính đáng. Nhưng ngược lại cũng có nhiều người muốn làm giàu nhanh chóng nên đã bất chấp các quy định của pháp luật, phạm trù đạo đức, tình cảm của con người, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt vốn gây ra mâu thuẫn gay gắt trong làm ăn buôn bán, dẫn đến mâu thuẫn.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với nền kinh tế mở cho nên đã có nhiều khu công nghiệp lớn và nhiều dự án mọc lên làm cho đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp dẫn đến nhiều vấn đề bức xúc, nan giải như việc giải quyết việc làm cho nhân dân sau khi thu hồi đất, định hướng phát triển cho khu vực bị thu hồi... Nếu giải quyết không tốt sẽ gây ra nhiều vấn đề đó là làm cho nhân dân xuất hiện tình trạng giàu sổi, thất nghiệp sau một thời gian khi hết tiền, tệ nạn xã hội nảy sinh khi giàu đột ngột, sự chênh lệch giàu nghèo quá lớn giữa các vùng trong thành phố. Đặc biệt phải kể đến ở đây là các tệ nạn ma túy, mại dâm phát triển đã cướp đi nhân cách đối tượng, khiến họ đến con đường phạm tội bằng hành vi giết người.

-Thứ hai nguyên nhân về văn hóa, giáo dục và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Mặt trái của cơ chế thị trường không những tác động ảnh hưởng tiêu cực đối với kinh tế xã hội mà còn trên lĩnh vực văn hóa, đã gây nên mối quan lo lắng cho gia đình, nhà trường và xã hội. Đó là sự xuống cấp nghiêm trọng của đạo đức dẫn đến thay đổi về nhận thức, suy nghĩ thực dụng là sự khủng hoảng giữa các thế hệ ông bà, cha mẹ, con cháu. Những năm gần đây, số vụ phạm tội giết người gia tăng, điều đáng báo động là giữa người phạm tội và nạn nhân có mối quan hệ thân thích ruột thịt với nhau: con giết cha mẹ, cha giết con, cháu giết ông bà, anh chị em giết nhau. Rồi các vụ giết người xảy ra do mâu thuẫn giữa những người hàng xóm láng giềng với nhau, giữa một bộ phận dân cư xóm này với xóm khác gây mất đoàn kết trong nội bộ, tình làng nghĩa xóm ngày càng bị mai một dần đi. Nguyên nhân sâu xa là do sự xuống cấp về văn hóa, hầu hết đối tượng phạm tội cũng như nạn nhân trong các vụ án giết người này do sự hiểu biết về pháp luật, có trình độ văn hóa thấp kém chưa biết chữ chiếm tỷ lệ khá cao hay mới chỉ học đến bậc tiểu học, trung học cơ sở chiếm tỷ lệ cao nhất, trung học phổ thông cũng chiếm tỷ lệ không nhỏ, còn chiếm tỷ lệ ít nhất là những người có trình độ đại học và cao đẳng.

-Bên cạnh nguyên nhân về văn hóa thì nguyên nhân về giáo dục cũng là một vấn đề cần phải quan tâm.

Sự ảnh hưởng không tốt đến nhân cách của các con trong gia đình là do sự không gương mẫu của cha mẹ hoặc những người lớn trong gia đình. Như có lối sống không lành mạnh về đạo đức, bố hoặc mẹ hoặc cả hai có hành vi ngoại tình bỏ bê gia đình, đánh chửi nhau. Những biểu hiện đó đã gây cho con cái những mặc cảm tội lỗi hoặc chúng có thể học những lối sống xấu, sự gian trá, lừa lọc... Hoặc đó là sự đối xử thô bạo, quá khắt khe tàn ác, thậm chí mang tính chất hành hạ của những người trong gia đình cũng có thể làm ảnh hưởng đến hành vi phạm tội. Xã hội hóa là một quá trình liên tục, sau gia đình thì nhà trường là môi trường xã hội thứ hai giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện và phát triển nhân cách.

Ngoài nguyên nhân điều kiện về văn hóa, giáo dục thì công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cũng còn nhiều hạn chế, chưa thường xuyên, sâu rộng, không có hiệu quả đối với từng địa bàn cụ thể và đối với từng loại đối tượng. Vì vậy chưa chuyển biến và chưa nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của một số bộ phận quần chúng nhân dân.

Đối với từng địa phương trong năm qua công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa thực sự chú trọng nhất là ở các vùng ngoại thành, ven đô cách xa trung tâm thành phố. Trong những năm gần đây việc phủ sóng các kênh thông tin chưa đáp ứng, chưa phát huy được tác dụng. Vẫn còn nhiều xã chưa có loa truyền thanh, truyền hình huyện chưa thể phủ sóng hết toàn bộ. Do vậy, hình thức phổ biến pháp luật trên các thông tin còn nhiều hạn chế.

Đối với công tác hoạt động trợ giúp pháp lý: Việc trợ giúp pháp lý cho nhân dân các huyện ngoại thành chủ yếu do cộng tác viên thường trực trợ giúp pháp lý của tổ chức trợ giúp lưu động tại các quận huyện, còn ở các xã số lượng cộng tác viên còn ít nên, tỉ lệ người dân được trợ giúp pháp lý vẫn còn thấp.

Hình thức tuyên truyền phổ biến pháp luật qua việc tổ chức hội nghị cho cán bộ chủ chốt các cấp: Không được thường xuyên vì do hoàn cảnh điều kiện sinh sống, chế độ đãi ngộ cán bộ chưa hợp lý, trình độ của cán bộ tuyên truyền còn hạn chế...

-Thứ ba nguyên nhân về hoạt động quản lý trật tự xã hội

Có thể nói rằng cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã làm cho hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước mang tính hành chính tập trung hóa cao độ, bộ máy này quản lý quan liêu nặng nề. Do vậy, khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, với cơ chế thị trường thì các sơ hở, thiếu sót trong quản lý nhà nước đã được bộc lộ. Nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước bị buông lỏng, chính vì vậy mà việc kỷ cương đang là nguyên nhân cho tội phạm nói chung, tội giết người nói riêng phát sinh và tồn tại.

Ở nước ta do sự tác động về kinh tế xã hội trong đó có vấn đề lao động việc làm là vấn đề nan giải. Trong những năm gần đây hiện tượng di dân tự do ngày một gia tăng, số dân chủ yếu từ nông thôn ra thành phố họ tạm thời làm ăn sinh sống... nên các công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu gặp không ít khó khăn. Trường hợp đăng ký hộ khẩu nơi này nhưng lại ở nơi khác hoặc không đăng ký hộ khẩu xảy ra rất nhiều. Tình trạng thanh thiếu niên bỏ nhà đi thuê nhà dè ở và hoạt động phạm tội gia tăng gây khó khăn cho công tác phòng chống tội phạm giết người đặc biệt là ở khu vực trung tâm thành phố.

Bên cạnh đó, các hoạt động tuần tra kiểm soát ở các tuyến, đại bản trọng đảm nhất là những nơi công cộng, các khu tập thể là những nơi thường phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt không thường xuyên. Sự quản lý các đối tượng rệu rã, cờ bạc, ma túy, số thanh niên tụ tập, số đối tượng có nguy cơ cao phạm tội giết người do mâu thuẫn vẫn còn yếu kém, nhiều mới hoạt động của tổ bảo vệ dân phố, tề an ninh, tổ tự quân chỉ hoạt động hình thức

Ngoài những nguyên nhân kể trên không thể không nhắc tới sự tha hóa của bản chất con người hiện nay, ngày càng có lối sống ích kỷ, ghi biết đến bản thân

mình, không muốn chịu thiệt và sẫm sang đen thua với người khác khi bị động đến khi kh của bản thân, không ai tự nhiên lại đe dọa đến sức khỏe hay tình mạnh gia người khác để mạnh đó phải bị kích động mạnh về tinh thần để chống lại cả, đôi khi chúng ta quên mất phải bỏ đi một chút lợi trước mắt để tránh những điều có thể xảy ra một cách không thể lường trước được sau này. Khi mà nhận thức được điều đó thì sự việc đã xảy ra lúc đó có ân hận hay coi đó là bài học thì cũng đã muộn, chúng ta đã phải gánh lấy hậu quả mà nó mang tới sẽ là lời cảnh tỉnh hay bài học xương máu cho những người khác.

Trong thực tế, có rất nhiều vụ giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh xuất phát từ mâu thuẫn gia đình, chồng hoặc vợ ngoại tình, chồng đánh đập vợ, đánh đập con cái, người vợ không làm tròn trách nhiệm làm mẹ, làm vợ... Ví dụ, trường hợp của bà Hoàng Thị Chai (huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái), do bị ông Lò Văn Ngàn (chồng) đánh đập thường xuyên nên phải về nhà con gái ở nhờ và sau đó được con xây cho riêng 1 nhà ở gần nhà chồng, sau đó bà vẫn tiếp tục bị chồng hành hạ, dọa giết. Một lần khi bị chồng cầm dao dọa đâm chết thì bà đã chống trả và dùng cây củi tròn dài 1,14m đánh liên tiếp vào người ông Ngàn làm ông chết tại chỗ. Hành vi thường xuyên hành hạ, đánh đập vợ của ông Ngàn đã làm cho bà Chai tức giận dồn nén lâu ngày đặc biệt là khi ông dùng dao dọa đâm chết làm cho bà Chai căm phẫn, hoảng sợ nên đã dùng cây củi đập liên tiếp vào người ông Ngàn. TAND tỉnh Yên Bái cũng đã xác định bà Hoàng Thị Chai do dồn sự nén, ức chế và sợ hãi lâu ngày trong quá trình chung sống vì thường xuyên bị ông Ngàn chửi bới, đánh đập nên khi thấy ông Ngàn cầm dao dọa giết mình bà đã bị kích động mạnh mà dùng gậy đánh ông Ngàn tới chết .

Chúng ta có thể dẫn chứng ra thêm vụ án vào ngày 14 tháng 5 năm 2017. Theo cáo trạng, anh Tôn Thanh Việt và chị Nguyễn Thị Thanh Hiền có mối quan hệ vợ chồng, cùng sống tại nhà trọ ở phường Tân Thới Nhất, quận 12. TP.HCM. Khoảng cuối năm 2013, do nghi ngờ vợ ngoại tình nên Việt thường xuyên chửi bới, đánh đập chị Hiền. Đến tháng 4/2016, vợ chồng Việt về sống tại nhà trọ ở gần nhà cha mẹ vợ tại phường 13, quận Gò Vấp. Vì tiếp tục bị chồng bạo hành

nên chị này ôm con về ở nhà cha mẹ ruột . Thấy vợ tự ý về nhà cha mẹ đẻ , Việt tìm đến nhà ông Nguyễn Văn Nam (cha ruột của Hiền), chửi bới và đánh đập Hiền trước mặt bố mẹ vợ. Khoảng 16h ngày 14/5/2016, sau khi uống rượu, Việt tiếp tục đến nhà cha vợ, lớn tiếng chửi bới, dọa giết cả gia đình vợ. Theo kết quả điều tra, trong thời gian này Việt liên tục gọi cho một người là chủ cơ sở mai táng để hỏi giá hòm và đặt mua 8 cái. Khoảng 16h45 cùng ngày, khi người con gái khác của ông Nam đi làm về thì bị Việt chửi mắng và xô ngã. Khi cô gái định đứng dậy thì anh rề liên vung tay định đánh. Quá tức giận, ông Nam chạy ra phía sau nhà bếp lấy dao chém con rề. Nạn nhân ngã xuống nhưng ông Nam vẫn tiếp tục cầm dao chém thêm nhiều nhát cho đến khi nạn nhân nằm bất động. Sau khi gây án, ông Nam lấy xe máy chở xác con rề đến công an đầu thú. Tại tòa, bị cáo Nam khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. "Nó đã nhiều lần gọi điện xin lỗi và nhờ bố mẹ vợ hàn gắn tình cảm gia đình. Nhưng sau khi ở cùng vợ vài ngày, Việt lại dở chứng đánh đập vợ khiến con tôi phải bỏ về nhà", người đàn ông tuổi gần 60 nghẹn ngào. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, HĐXX tuyên Nguyễn Văn Nam 2 năm 6 tháng tù về tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh .

Một ví dụ điển hình nữa theo cáo trạng, khoảng 9h30 ngày 19/10/2015, Nam cùng ngồi nhậu với Phạm Văn Huy (đã đổi tên, 32 tuổi, quê Quảng Ngãi) và một số người bạn. Đến khoảng 13h30 cùng ngày, trong lúc chờ tính tiền, đột nhiên Huy đứng lên gọi tên người cha đã mất của Nam để chửi nên xảy ra cãi vã. Huy còn định xông đến đánh Nam và hủ dọa sẽ giết anh này nhưng được mọi người can ngăn. Sau đó, Nam bỏ đi đến bãi xe thuộc khuôn viên của chợ đầu mối phường Tam Bình, quận Thủ Đức. Khi Nam chuẩn bị đi uống nước với 1 người bạn thì bị Huy xông tới đánh. Trong lúc giằng co, Nam rút con dao mang theo trong người ra đâm 1 nhát vào bụng Huy, khiến nạn nhân tử vong trên đường đi cấp cứu . Tại tòa , HĐXX nhận định do nạn nhân Huy gọi tên cha của Nam để chửi và còn chủ động tấn công bị cáo này trước nên hành vi giết người của Nam xảy ra trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Hơn nữa, gia đình Nam đã bồi thường cho gia

đình Huy nên tòa tuyên phạt bị cáo tuyên phạt 2 năm tù đối với bị cáo Nguyễn Nam về tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh .

2.2. Những vướng mắc trong quá trình vận dụng dấu hiệu định tội danh của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Hoạt động áp dụng pháp luật chỉ chính xác, hiệu quả, thể hiện đúng vai trò, ý nghĩa cũng như mục đích mong muốn khi hoạt động nhận thức pháp luật đúng đắn, đầy đủ. Trải qua quá trình hình thành và hoàn thiện, các quy định của pháp luật về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh ngày càng được qui định một cách đầy đủ và thống nhất hơn. Tuy nhiên, về mặt lý luận, chế định này còn tồn tại nhiều vấn đề chưa được giải quyết triệt để và còn gây nhiều tranh cãi.

2.2.1 Ranh giới giữa trạng thái tinh thần bị kích động và bị kích động mạnh chưa được giải thích rõ.

Pháp luật hình sự hiện hành chưa có những quy định cụ thể mô tả rõ trường hợp nào là bị kích động mạnh, trường hợp nào là bị kích động.

Thực tế, chỉ có thể xảy ra trường hợp một người vẫn còn khả năng nhận thức mà mất khả năng tự kiểm chế và điều khiển hành vi của mình do cơ chế sinh học hoặc một bệnh nào đó làm tổn hại bộ phận điều khiển hành vi của não bộ. Có thể lý giải vì sao trong trường hợp bình thường họ không phạm tội mà trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh họ phạm tội thông qua mức độ nhận thức của họ trong lúc này. Bình thường, họ nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm, nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội và nhận thức được điều đó là sai, trái pháp luật, phải gánh lấy trách nhiệm pháp lý nên họ kiểm chế hành vi của mình. Tuy nhiên, dù trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, mức độ nhận thức của họ giảm đi đáng kể, nhưng họ vẫn có thể nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nào đó, nhận thức một cách khái quát về hậu quả mà họ không quan tâm đến, đồng thời, việc không quan tâm đến cũng như hạn chế về nhận thức trong hoàn cảnh đó chắc chắn sẽ phải gánh lấy hậu quả pháp lý từ hành vi của mình. Nghĩa là “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” là

nhân tố chính làm giảm đi đáng kể khả năng tự chủ và điều khiển hành vi của mình (chứ không phải mất hẳn khả năng đó) và kết quả là hành vi phạm tội xảy ra.

Với cách hiểu này, xét ở góc độ chủ quan người phạm tội, có thể phân biệt “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” và “trạng thái tinh thần bị kích động” ở mức độ nhận thức của người phạm tội khi thực hiện hành vi.

Thứ nhất, dựa vào mức độ nghiêm trọng của hành vi của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội. Chúng ta phải trước hết dựa vào nhân tố này vì đây chính là nguyên nhân dẫn đến trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội. Nhìn chung, nếu cơ quan tiến hành tố tụng xác định là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng thì cần đánh giá là với hành vi đó, ta cần đặt trong hoàn cảnh bất kì ai cũng có thể bị đẩy vào trạng thái bị uất ức, bức xúc cao độ, thiếu tự chủ và sáng suốt, trường hợp này sẽ xác định là người phạm tội bị kích động mạnh. Ngược lại, nếu hành vi trái pháp luật của nạn nhân chưa đến mức là nghiêm trọng, thái độ của người khác bất kì rơi vào hoàn cảnh đó chỉ là bức bối nhưng chưa tới mức đáng kể thì chỉ xác định là bị kích động. Để đánh giá đúng vấn đề này, cần dựa vào cách thức thực hiện hành vi của nạn nhân, hậu quả đã gây ra của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội, tính cách, bản chất của nạn nhân, tính cách, bản chất của người phạm tội, mức độ đau đớn về vật chất hoặc tinh thần mà người phạm tội đã trải qua hoặc chịu đựng...

Thứ hai, xem xét, đánh giá về mức độ bị kích động về tinh thần của người phạm tội. Để đánh giá được điều này, cần dựa vào cá tính, tâm lí của người phạm tội, hoàn cảnh sống của người phạm tội.... Được coi là trạng thái tinh thần bị kích động mạnh khi người phạm tội bị đẩy vào tình trạng ý thức bị hạn chế ở mức độ cao, cảm xúc uất ức bị bùng nổ, dâng trào không kiềm chế được dẫn đến người phạm tội có hành vi giết người. Còn trạng thái tinh thần bị kích động là tình trạng ý thức bị hạn chế do sự bức xúc của người phạm tội nhưng sự bức xúc này chưa mạnh, chưa đến mức bùng nổ, chưa tới mức bị hạn chế đáng kể khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của người phạm tội.

Thứ ba, xem xét hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân có tức thời dẫn đến phản ứng giết người của người phạm tội hay không. Với trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, sự kích động mạnh về tinh thần phải là tức thời do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên sự phản ứng dẫn tới hành vi giết người. Nghĩa là giữa hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân và trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội gần như không có khoảng cách về mặt thời gian, khoảng thời gian tồn tại trạng thái kích động này chỉ xảy ra trong chốc lát, tức thì. Còn nếu giữa hành vi trái pháp luật của nạn nhân và trạng thái tinh thần bị kích động của người phạm tội có khoảng cách về thời gian, người phạm tội đã có sự bình tĩnh suy xét, lựa chọn cách thức thực hiện tội phạm thì đó không được coi là trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà chỉ được coi là trạng thái tinh thần bị kích động.

Từ một số nội dung đã phân tích, việc xác định điểm đặc trưng của hai CTTP của hai tội phạm nói trên dựa theo BLHS năm 2015, nảy sinh vướng mắc sau:

Một là, theo quy định hiện hành, căn cứ vào bản chất của “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” giữa hai tội không thể phân biệt được khi dựa vào dấu hiệu chủ quan, nghĩa là dựa vào lỗi của người phạm tội đối với hậu quả. Bởi vì, như đã phân tích người phạm tội không nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây ra hậu quả cụ thể nào (chết người hay thương tích hoặc tổn hại sức khỏe). Khi thực hiện hành vi, họ chỉ nhận thức một cách khái quát về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình cũng như hậu quả từ hành vi đó gây ra. Thực tế xảy ra hậu quả đến đâu, họ chấp nhận hậu quả đến đó. Do đó, chỉ có thể phân biệt hai CTTP này thông qua dấu hiệu hậu quả. Nếu hậu quả chết người xảy ra có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội, đó là Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Còn nếu hậu quả xảy ra chỉ là thương tích, đó là Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Cũng có quan điểm khác cho rằng, nếu sau khi phạm tội, hậu quả xảy ra ngay hoặc một khoảng thời gian ngắn sau đó (chết trên đường đưa đi đến bệnh

viện) thì đó là Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Nếu hậu quả chết người xảy ra sau một thời gian nhất định (trong quá trình điều trị tại bệnh viện), đó là Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Quan điểm phân biệt này rõ ràng thiếu cơ sở khoa học vì trong cả hai trường hợp, người phạm tội không nhận thức được rõ ràng hậu quả của hành vi phạm tội do mình gây ra. Bởi thực tế có không ít trường hợp, nếu ngay từ đầu làm tốt sơ cấp cứu tại chỗ, không để mất máu nhiều; không phải vượt qua nhiều km đường rừng, đèo dốc,...để chuyển nạn nhân đến bệnh viện, thì nạn nhân rõ ràng khó có thể chết.

Như vậy, căn cứ vào bản chất của “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”, hậu quả thực tế xảy ra là cơ sở quan trọng nhất để phân biệt hai CTTP của các tội nói trên. Tuy nhiên, theo sự mô tả của Điều 125 và Điều 135 trong BLHS năm 2015, sẽ gặp khó khăn trong việc phân biệt chúng. Vấn đề này xảy ra khi nghiên cứu CTTP cơ bản của Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (khoản 1, Điều 125) và CTTP tăng nặng của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (khoản 2, Điều 135) vì cả hai CTTP đều chứa đựng hậu quả chết người. Khi thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội trong cả hai trường hợp đều không nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây ra hậu quả cụ thể nào (chết người hay thương tích hoặc tổn hại sức khỏe) vì khi đó khả năng nhận thức của họ đã giảm đi đáng kể. Do đó, việc xác định trường hợp nào là cố ý đối với hậu quả chết người (giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh) hay vô ý với hậu quả chết người (cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến chết người) là điều không khả thi. Để giải quyết vướng mắc này, theo quan điểm của tác giả, nhà làm luật nên nghiên cứu bỏ dấu hiệu hậu quả “chết người” trong CTTP tăng nặng của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (điểm b, khoản 2, Điều 135 của BLHS năm 2015). Như vậy, điểm b, khoản 2, Điều 135 của BLHS năm 2015 sau khi được sửa đổi, được

viết lại như sau: “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên”.

Theo sửa đổi vừa nêu, mọi hành vi tấn công người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà có hậu quả chết người sẽ thỏa mãn CTTP của Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125). Nếu hành vi tấn công người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh mà chỉ có hậu quả tổn thương tích cơ thể tổn hại sức khỏe thì thuộc CTTP của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Có như vậy người áp dụng mới không gặp lúng túng khi định tội danh đối với hai tội phạm này.

Hai là, đối với hai điều luật nói trên phát sinh từ việc quy định chế tài. Theo khoản 1 Điều 125 BLHS năm 2015, nếu người thực hiện hành vi giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có thể bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Trong khi đó, khoản 2 Điều 135 quy định gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người, thì có thể bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Nếu cân nhắc tính nguy hiểm cho xã hội của hai trường hợp này dựa trên dấu hiệu khách quan (hậu quả) được quy định trong hai CTTP có thể thấy trường hợp phạm tội được quy định tại khoản 2 Điều 135 rõ ràng có tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi thấp hơn trường hợp phạm tội theo khoản 1 Điều 125. Bởi vì hậu quả được mô tả trong khoản 1 Điều 125 là “chết người”; còn hậu quả tại khoản 2 Điều 135 là tổn thương tích cơ thể 61% trở lên...

Trong khi bản chất nguy hiểm cho xã hội của hai trường hợp phạm tội là thế nhưng hình phạt quy định kèm theo không thể hiện sự tương xứng. Khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 135 nghiêm khắc hơn khung hình phạt tại khoản 1 Điều 125. Điều này không bảo đảm nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt cũng như nguyên tắc công bằng trong pháp luật hình sự. Từ những phân tích vừa nêu, tác giả kiến nghị sửa đổi khung hình phạt của tội phạm quy định tại Điều 135 của BLHS năm 2015 theo hướng:

“1... thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến một năm.

2... thì bị phạt tù từ sáu tháng đến hai năm...”.

2.2.2 Dấu hiệu định tội giữa tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và một số tội khác chưa rõ ràng.

Dấu hiệu định tội là những dấu hiệu đặc trưng điển hình, phản ánh được đầy đủ tính chất nguy hiểm của một tội phạm và để phân biệt tội phạm này với tội phạm khác. Đó là những dấu hiệu được quy định trong cấu thành tội phạm cơ bản của một tội phạm cụ thể được quy định trong phần các tội Bộ luật hình sự. Theo đó, dấu hiệu định tội của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là những dấu hiệu thỏa mãn cấu thành tội phạm cơ bản của tội này: “Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó...”.

Thứ nhất, tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh đòi hỏi người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội phải đang ở trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (đây là dấu hiệu đặc trưng, dấu hiệu cơ bản). Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được hiểu là trạng thái tâm lý của người phạm tội đã không hoàn toàn tự chủ, kiềm chế được hành vi của bản thân do sự tác động mạnh về tâm lý dẫn đến hành vi phạm tội;

Thứ hai, nạn nhân phải là người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội; Thứ ba, hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đó của nạn nhân phải là nguyên nhân trực tiếp làm cho người phạm tội bị kích động mạnh về tinh thần.

Hầu hết các tội phạm trong BLHS năm 2015 được các nhà làm luật mô tả dấu hiệu định tội một cách chính xác, rõ ràng, giúp cho chủ thể định tội danh, các nhà nghiên cứu pháp luật hình sự nhận thức đúng đắn sự khác nhau giữa tội phạm này với tội phạm khác. Tuy nhiên, trong BLHS năm 2015 vẫn còn một số tội phạm mà dấu hiệu định tội của chúng chưa rõ khiến cho chủ thể định tội danh gặp khó khăn khi xác định một hành vi là phạm tội này hay tội khác.

Minh chứng cụ thể là theo quy định của Bộ luật hình sự, chúng ta thấy có hai tội đều có chung dấu hiệu định tội là phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, đó là: Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 của BLHS năm 2015) và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135 của BLHS năm 2015). Điều 125 quy định tội danh giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh như sau:

1. Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội đối với 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.
Điều 135 quy định tội danh cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ngư

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người.

Việc xác định điểm đặc trưng của hai CTPP của hai tội nói trên dựa theo BLHS năm 2015 có điểm vướng mắc: Theo quy định hiện hành, căn cứ vào bản chất của trạng thái tinh thần bị kích động mạnh giữa hai tội không thể phân biệt được khi dựa vào dấu hiệu chủ quan, nghĩa là dựa vào lỗi của người phạm tội đối với hậu quả. Bởi vì, người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, khả năng nhận thức và kiểm chế hành vi của người

phạm tội bị hạn chế nên không nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây ra hậu quả cụ thể nào (chết người hay thương tích, tổn hại sức khỏe). Khi thực hiện hành vi, họ chỉ nhận thức một cách khái quát về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình cũng như hậu quả từ hành vi đó gây ra. Thực tế xảy ra hậu quả gì, họ chấp nhận hậu quả đó. Do đó, chỉ có thể phân biệt hai CTTP này thông qua dấu hiệu hậu quả. Nếu hậu quả chết người xảy ra có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội, đó là tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Nếu hậu quả xảy ra chỉ là thương tích, đó là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Như vậy, căn cứ vào bản chất của trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, hậu quả thực tế xảy ra là cơ sở quan trọng nhất để phân biệt hai CTTP của các tội nói trên.

Vấn đề này xảy ra khi nghiên cứu CTTP cơ bản của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (khoản 1, Điều 125) và CTTP tăng nặng của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (khoản 2, Điều 135) vì cả hai CTTP đều chứa đựng hậu quả chết người. Khi thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội trong cả hai trường hợp đều không nhận thức rõ hành vi của mình có thể gây ra hậu quả cụ thể nào (chết người hay thương tích/tổn hại sức khỏe) vì khi đó khả năng nhận thức của họ đã giảm đi đáng kể. Do đó, việc xác định trường hợp nào là cố ý đối với hậu quả chết người (giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh) hay vô ý với hậu quả chết người (cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến chết người) là điều không khả thi. Trong trường hợp này, thời điểm xảy ra hậu quả chết người là yếu tố quyết định trong việc xác định tội danh. Thực tiễn, những trường hợp sau khi bị đánh, nạn nhân chưa chết ngay mà phải sau một thời gian nhất định mới bị chết. Trường hợp này, người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn đến chết người theo điểm b khoản 2 Điều 135 BLHS. Còn nếu nạn nhân bị chết ngay hoặc sau một thời gian rất ngắn nạn nhân chết thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội

giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125 BLHS). Do vậy, chúng ta chỉ có thể phân biệt sự khác nhau của hai tội này căn cứ vào hậu quả chết người và khoảng thời gian giữa hành vi thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm và hậu quả của hành vi đó gây ra cho nạn nhân. Tuy nhiên trong thực tiễn việc xác định này không phải là vấn đề đơn giản vì chưa có sự thống nhất về cách hiểu như thế nào là sau một thời gian nhất định mới chết và xác định khoảng thời gian như thế nào là ngắn. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định tội danh cho tội phạm đã thực hiện.

Mặt khác còn thiếu văn bản hướng dẫn về điều luật này nên cũng gây nhiều vướng mắc trong việc áp dụng. Đồng thời đây là một loại tội liên quan đến trạng thái tâm lý con người nên việc xác định người đó có rơi vào trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hay không còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc xét xử không đúng người đúng tội còn xảy ra.

Trong nhiều trường hợp, việc xác định dấu hiệu định tội giữa tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với một số tội phạm khác tội giết người (Điều 123 BLHS) tội Cố ý gây thương tích (Điều 134 BLHS),... gặp nhiều khó khăn dẫn tới tình trạng có những quan điểm khác nhau trong cùng một vụ án. Sau khi tìm hiểu một số vụ án được xét xử về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh có 2 vụ án gặp khó khăn khi xác định tội danh ;

Vụ án 1:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/12/2020, sau khi đi phát rừng xong, Hoàng Tuấn A cài con dao quắm vào đuôi xe mô tô rồi điều khiển xe đi đến nhà anh Hoàng Văn Th để uống rượu. Sau khi uống rượu xong, khoảng 20 giờ cùng ngày anh Th điều khiển xe mô tô chở Tuấn A đến quán cà phê Bảo Trâm để uống nước. Tại đây, giữa Cù Trọng Ng (là chủ quán Bảo Trâm) và Hoàng Tuấn A xảy ra cãi chửi nhau, Ng cầm 01 đoạn gậy bằng kim loại định đánh Tuấn A thì anh Th vào can ngăn và giằng lấy chiếc gậy từ tay Ng rồi ném ra gốc cây nhãn ở sân quán, Ng tiếp tục lao vào dùng tay phải đánh 01 phát vào mặt Tuấn A và quật ngã Tuấn A xuống sàn nhà ngay tại vị trí quầy thanh toán, thấy vậy anh Th cùng một số

người trong quán vào can ngăn kéo Ng ra. Sau đó anh Th điều khiển xe mô tô chở Tuấn A đến quán đồ nướng để ăn đồ nướng và uống rượu.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, anh Th và Tuấn A đi về nhà của mình, khi về đến nhà do bức xúc vì bị Ng chửi, đánh nên Tuấn A lấy dao giắt vào sau lưng rồi đi bộ đến quán Bảo Trâm để đánh Ng trả thù. Khi Tuấn A đến quán thì thấy Ng đang đứng ở quầy thanh toán cùng chị Hoàng Thị Thu Th (là nhân viên thu ngân của quán Bảo Trâm), Tuấn A đi đến vị trí của Ng dùng tay phải cầm dao chém 01 nhát về phía Ng nhưng không trúng, Ng lùi vào phía trong quầy thanh toán, Tuấn A tiếp tục chém về phía Ng thì Ng giơ tay trái lên để đỡ nên bị dao chém trúng bàn tay trái chảy máu, Ng lao vào ôm Tuấn A và dùng tay trái lấy được dao từ tay Tuấn A. Thấy Ng và Tuấn A đánh nhau nên anh Lộc Xuân T và Bé Văn Đ vào can ngăn, anh T tước được dao từ tay Ng đưa cho anh Đ ném ra vị trí gốc cây nhãn ở sân quán Bảo Trâm. Sau đó, Ng vật ngã Tuấn A xuống sàn nhà, do Tuấn A đã say rượu nên nằm yên không có phản ứng gì, Ng chạy vào trong quầy thanh toán lấy 01 đoạn gậy rút ba khúc bằng kim loại rồi chạy ra chỗ Tuấn A nằm dùng tay phải đánh liên tiếp nhiều phát vào vùng đầu và người của Tuấn A. Sau đó Ng tiếp tục đi vào bếp lấy 01 con dao, loại dao bầu rồi quay lại chỗ Tuấn A đang nằm trên sàn nhà, anh Đ, anh T và chị Th thấy vậy nên hô hoán, khuyên Ng không dùng dao chém Tuấn A nữa nhưng Ng không nghe mà ngồi đề lên người của Tuấn A và dùng tay phải cầm dao chém nhiều phát vào vùng đầu của Tuấn A, tiếp đó Ng dùng tay trái túm tóc Tuấn A kéo lên, tay phải cầm dao kè vào cổ Tuấn A và nói “Mày thích chết thì cho mày chết”. Thấy vậy, anh Đ chạy vào ôm đẩy Ng ra vị trí bàn uống nước ở trong quán, con dao Ng cầm trên tay bị rơi xuống sàn nhà, chị Th nhặt con dao mang vào bếp cất rồi quay ra băng bó vết thương tại tay trái cho Ng, sau khi được băng bó vết thương xong Ng tiếp tục đá 02 phát vào đầu Tuấn A, anh Đ vào can ngăn thì Ng mới thôi. Sau đó Tuấn A và Ng được mọi người đưa đến Trung tâm Y tế để cấp cứu.

Tại các Bản kết luận giám định số 35, 39 ngày 26/01/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận về tỷ lệ tổn thương cơ thể của Hoàng Tuấn A như sau: “Sẹo vùng trán đỉnh: 02%; Sẹo vùng trán đỉnh phải: 03%; Sẹo vùng trán đỉnh

phải: 02%; Sẹo vùng trán – thái dương phải: 02%; Sẹo vùng thái dương phải: 01%; Sẹo vùng thái dương phải: 02%; điện não đồ: 01%. Tổng tỷ lệ là: 13%.” . Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Cù Trọng Ng như sau: “Sẹo lòng bàn tay trái: 03%; Sẹo mặt trong vùng bàn ngón V tay trái: 03%; Tổn thương nhánh thần kinh trụ: 11%. Tổng tỷ lệ là: 16%.”

Cáo trạng truy tố Cù Trọng Ng về tội Giết người theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự; Hoàng Tuấn A về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Đối với vụ án này có 02 quan điểm khác nhau, quan điểm thứ nhất cho rằng Ng phạm tội trọng trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do Tuấn A có hành vi dùng dao chém vào tay Ng, đây là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng dẫn đến Ng bị kích động mạnh nên đã thực hiện tội phạm giết người. Quan điểm thứ hai cho rằng hành vi phạm tội của Ng không thuộc trường hợp bị kích động mạnh

Quan điểm của bài viết theo quan điểm thứ hai, bởi vì: Theo hướng dẫn tại điểm b mục 1 Chương II của Nghị quyết số 04/HĐTP/TANDTC/NQ ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “Tình trạng tinh thần bị kích động là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình. Nói chung, sự kích động mạnh đó phải là tức thời do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên sự phản ứng dẫn tới hành vi giết người. Nhưng cá biệt có trường hợp do hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiềm chế được; nếu tách riêng sự kích động mới này thì không coi là kích động mạnh, nhưng nếu xét cả quá trình phát triển của sự việc, thì lại được coi là mạnh hoặc rất mạnh...Đối với trường hợp người dùng chất say (uống rượu) hoặc chất kích thích mạnh khác mà bị say, nhân có hành vi trái pháp luật của nạn nhân mà thực hiện hành vi giết người, thì không coi là trường hợp phạm tội do bị kích động mạnh.”

Đối với vụ án nêu trên, nếu chỉ xét riêng phạm vi từ khi Tuấn A thực hiện hành vi trái pháp luật là dùng dao chém gây thương tích cho Ng dẫn đến Ng dùng

gậy sắt và dao đánh, chém Tuấn A, thì có thể hành vi phạm tội của Ng phạm tội thuộc trường hợp kích động hoặc kích động mạnh. Tuy nhiên, xem xét một cách khách quan, toàn diện các mặt về hoàn cảnh, diễn biến, nguyên nhân sâu xa và trực tiếp của sự việc, mối quan hệ giữa nạn nhân với người phạm tội thì có thể thấy rằng: Nguyên nhân ban đầu là xuất phát từ hành vi trái pháp luật của Ng, thể hiện ở chỗ khi Tuấn A đến quán Bảo Trâm thì Ng có hành vi chửi và cầm 01 đoạn gậy bằng kim loại định đánh Tuấn A, sau đó Ng tiếp tục lao vào dùng tay phải đánh 01 phát vào mặt Tuấn A và quật ngã Tuấn A xuống sàn nhà, chính những hành vi trái pháp luật này của Ng dẫn đến việc Tuấn A bức xúc và về nhà lấy dao đến chém vào tay Ng, vì vậy trong trường hợp này thì Ng không thể bị kích động hoặc kích động mạnh. Hơn nữa, theo Ng khai là Ng đã uống rượu, vì vậy không làm chủ được bản thân nên đã thực hiện hành dùng gậy sắt và dao đánh, chém Tuấn A, như vậy hành vi phạm tội của Ng là “bị kích động” do đã sử dụng chất kích thích, hay nói cách khác, hành vi trái pháp luật của Tuấn A không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến trạng thái tinh thần bị kích động hoặc kích động mạnh của Ng.

Một nội dung khác của vấn đề kích động mạnh thấy rằng: Trường hợp hành vi trái pháp luật của nạn nhân không nghiêm trọng nhưng có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại trong một khoảng thời gian, dẫn đến đối tượng phạm tội bị kích động âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiềm chế được và đã thực hiện tội phạm. Đối với trường hợp này đã có Án lệ số 28/2019/AL, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 22/8/2019 và được công bố theo Quyết định số 293/QĐ-CA ngày 09/9/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Án lệ này có nội dung như sau: “Bị hại là người gây sự, tấn công bị cáo trước. Hành vi tấn công của bị hại diễn ra liên tục với mức độ tăng dần. Hành vi của bị hại là trái pháp luật, xâm phạm sự an toàn về thân thể của bị cáo. Trong trạng thái bị kích động dẫn đến mất khả năng tự chủ, không nhận thức hết được tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi của mình, bị cáo dùng dao đâm vào ngực bị hại là nhằm thoát khỏi sự tấn công. Do đó, có

đủ cơ sở xác định Trần Văn C đã bị kích động mạnh về tinh thần. Tòa án cấp sơ thẩm kết án Trần Văn C về tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” là có căn cứ.”

Việc đánh giá hành vi phạm tội có thuộc trường hợp bị kích động hay kích động mạnh trên thực tế là hết sức khó khăn, việc Tòa án nhân dân tối cao ban hành Án lệ đã tạo điều kiện không nhỏ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thực tiễn áp dụng pháp luật, nhưng đối với những vụ án không có Án lệ để áp dụng thì các cơ quan tiến hành tố tụng cần đánh giá để thống nhất có áp dụng hay không áp dụng phạm tội thuộc trường hợp bị kích động mạnh.

Vụ án 2:

Biết Nguyễn Văn V là người yêu H, cháu họ mình, nên L bắt V phải gọi mình bằng chú. Nhưng vì cùng tuổi và chưa cưới H, nên V không gọi nên bị L chọc phá. Ngày 30/6/2019, khi V cùng H đi chơi, thì L cùng mấy người bạn chặn lại chửi và dọa đánh. Tối hôm đó, L lại cùng với bạn của mình chặn và đánh làm V phải bơi qua ao để chạy về được nhà.

Ba hôm sau, vào khoảng 20 giờ ngày 03/7, L rủ Đ cùng hơn chục người khác đến nhà của H để đánh V. Tại đây, L đến chỗ V đang ngồi uống nước, tay trái túm tóc, tay phải nắm thẳng một quả thật mạnh vào mặt V làm V bị ngã xuống sân, rách da và chảy máu ở đuôi lông mày trái. Khi V đứng dậy chống đỡ, thì Đ và số người đi cùng xông vào đánh làm V ngã dúi xuống chân bờ tường. V dùng tay phải rút một con dao nhọn để trong túi quần đâm liên tiếp 2 – 3 cái về phía L & Đ rồi nhảy qua bức tường cao khoảng 60cm chạy về nhà. L và Đ chạy đuổi theo được 40 – 50m thì gục ngã.

Hậu quả L bị chết do vết đâm thủng tim; Đ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 57%. Còn bản thân V bị thương tích: Lông mày trái bị rách da dài 4cm; gò má trái bị rách da kích thước 0,5cm x 1cm; lòng bàn tay trái có hai vết rách da sắc gọn cách nhau 2cm, dài 1cm; phía trong các ngón tay trở, ngón giữa, ngón đeo nhẫn và ngón út của tay trái có vết rách da sắc gọn (kiểu đứt tay),

dài 1cm; mặt bên trái ngón giữa của bàn tay phải có vết rách da sắc gọn (kiểu đứt tay), dài 1cm. V không đồng ý giám định thương tích.

Quá trình giải quyết vụ án có ba quan điểm định tội đối với V, cụ thể:

Quan điểm thứ nhất: V phạm tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo quy định tại Điều 125 BLHS. Bởi lẽ V đã bị kích động về tinh thần do hành vi dùng vũ lực trái pháp luật của L, Đ và nhóm bạn của L, Đ đối với V. Hành vi của L, Đ và nhóm bạn của L, Đ là hành vi trái pháp luật một thời gian dài, có tính chất đè nén (trước đó L đã nhiều lần uy hiếp, đe dọa đòi đánh V), đến thời điểm bị nhóm của L, Đ đánh thì V bị kích động mạnh về tinh thần, nên mới thực hiện hành vi dùng dao đánh L, Đ.

Quan điểm thứ hai: V phạm tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo quy định tại Điều 126 BLHS. Quan điểm này cho rằng Nguyễn Văn V vì bảo vệ bản thân mình trước sự tấn công của L, Đ và nhóm bạn nên đã dùng dao đâm bừa, đâm trúng ai thì trúng, không quan tâm hậu quả xảy ra là gây thương tích hay chết người, thể hiện sự chống trả lại một cách rõ ràng là quá mức cần thiết làm cho L bị chết, Đ bị thương tích 57%, được xem là trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Quan điểm thứ ba: Nguyễn Văn V phạm tội “Giết người” theo Điều 123 BLHS. Quan điểm này cho rằng khi L, Đ và nhóm bạn tấn công V nhưng không dùng hung khí hoặc phương tiện gì nguy hiểm mà chỉ dùng tay, chân đánh V, thể hiện tính chất hành vi của nhóm L, Đ không quá quyết liệt. Khi V bị đánh ngã dúi xuống chân bờ tường, lúc này V không nhảy qua bờ tường (cao 60cm) để chạy thoát mà dùng tay phải rút một con dao nhọn để trong túi quần đâm liên tiếp 2 – 3 cái về phía L & Đ, sau đó mới nhảy qua bờ tường để chạy về nhà. V có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được việc dùng dao đánh lại nhóm của L, Đ là nguy hiểm nhưng V vẫn thực hiện; V có đủ thời gian và không gian (bờ tường cao 60cm) để dễ dàng nhảy qua và chạy thoát nhưng V vẫn thực hiện hành

vi đâm 2, 3 cái về phía nhóm L, Đ rồi mới chạy thoát. Hành vi của V đã thỏa mãn tội “Giết người” theo Điều 123 BLHS.

Sau khi đọc nội dung vụ án, có quan điểm được đưa ra như sau :

Trước hết, thì không thể truy tố V tội “Giết người” theo quy định tại Điều 123 BLHS. Bởi vì, V hành vi của V dùng dao đâm bừa vào những người đang tấn công mình trong tình trạng bị xúc phạm, ức chế, bị tấn công liên tục, ép V vào chân bờ tường. Lúc này V chỉ nhận thức được làm sao để thoát khỏi sự tấn công của nhóm L, Đ. V không có ý thức cố ý gây thương tích hoặc tước đi sinh mạng của L, Đ. Do vậy, chỉ có thể truy tố V về tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hoặc do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng.

Xét hành vi phạm tội của V, thấy: Khi bị đồng người cùng xông vào đánh ngã dúi xuống chân bờ tường, V dùng tay phải đưa vào túi quần rút một con dao nhọn đâm liên tiếp 2-3 cái về phía L và Đ, rồi nhảy qua bức tường cao khoảng 60cm chạy về nhà. Đây là hành vi đâm bừa, muốn trúng ai thì trúng và hậu quả chết người cũng được, bị thương cũng được (để mặc cho hậu quả xảy ra). Nghĩa là, khi đâm về phía L và Đ, V không có ý định là tước đi sinh mạng của một người cụ thể nào mà chỉ với mục đích chống trả những người đang tấn công mình bằng một loại hung khí nguy hiểm (con dao nhọn). Cho nên, hậu quả đến đâu, thì V phải chịu trách nhiệm hình sự đến đó. Với hậu quả là đâm chết L, thì V phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi giết người; còn với hậu quả gây thương tích cho Đ với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 57%, thì V phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cố ý gây thương tích. Nghĩa là hành vi phạm tội của V cấu thành nhiều tội thuộc nhóm tội xâm phạm tính mạng và tội xâm phạm sức khỏe.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/HĐTP/NQ ngày 29/6/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC (những nội dung trong Nghị quyết này chưa có văn bản nào thay thế nên vận dụng tinh thần của nghị quyết để áp dụng), quy định phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là phạm tội trong tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm

tội của mình. Nói chung, sự kích động mạnh đó phải là tức thời do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên sự phản ứng dẫn tới hành vi giết người. Nhưng cá biệt có trường hợp do hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiềm chế được; nếu tách riêng sự kích động mới này thì không coi là kích động mạnh, nhưng xét cả quá trình phát triển của sự việc, thì lại được coi là kích động mạnh. Hành vi trái pháp luật của nạn nhân là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó tuy làm cho người phạm tội bị kích động mạnh nhưng chưa đến mức cấu thành tội phạm. Trong vụ án này, hành vi của L là cùng bạn (có lúc rất đông bạn) tìm và đánh V khi V đang đi chơi cùng người yêu kéo dài từ ngày 30 tháng 6 đến ngày xảy ra vụ việc (ngày 03 tháng 7). Hành vi đó đã gây cho V kích động rất mạnh về tinh thần.

Hơn nữa, hành vi của L, Đ và đồng bọn thể hiện rất rõ tính chất côn đồ (đánh người một cách vô cớ) nhiều lần. Theo quy định tại Điều 134 BLHS, thì hành vi của L & Đ là hành vi cố ý gây thương tích.

Từ các phân tích nêu trên, cho rằng V đã phạm tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo quy định tại Điều 126 BLHS và tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo quy định tại Điều 136 BLHS.

Trước tiên tôi đồng tình với các nhận định của tác giả khi cho rằng Nguyễn Văn V không thỏa mãn dấu hiệu để xác định phạm tội: “Giết người” theo Điều 123 BLHS như quan điểm thứ ba được. Bởi ngoài các lý do mà tác giả đã phân tích thì ở đây vấn đề mấu chốt là yếu tố lỗi ở mặt chủ quan của tội phạm và yếu tố hành vi ở mặt khách quan của tội phạm. Từ nội dung vụ án cho thấy ở các điểm này không thỏa mãn.

Tuy nhiên, tôi cũng không đồng tình với quan điểm của tác giả khi nhận định cho rằng Nguyễn Văn V đã phạm tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng

vệ chính đáng” theo quy định tại Điều 126 BLHS (như quan điểm hai) và tội “Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo quy định tại Điều 136 BLHS. Bởi các lý do sau:

Thứ nhất, về mặt lý luận thì chúng ta thấy sự khác nhau căn bản giữa trường hợp phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng ở mức độ hành vi, tương quan lực lượng giữa người thực hiện hành vi phạm tội và bị hại. Nếu như, ở trường hợp phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì hành vi của bị hại là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng gây ra cho người thực hiện hành vi phạm tội hoặc đối với người thân của người đó dẫn đến người thực hiện hành vi phạm tội bị kích động mạnh đến mức không thể chịu đựng, không thể kiềm chế được và hành vi trái pháp luật và sự kích động của bị hại gây ra cho người thực hiện hành vi phạm tội là ngay tức khắc hoặc có tính đè nén, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó làm cho người thực hiện hành vi không kìm chế được. Còn phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng thì xét về hành vi tương quan lực lượng giữa người thực hiện hành vi phạm tội và bị hại cho thấy đáng lý chưa cần thiết đến mức phải hành động như người thực hiện hành vi phạm tội đã thực hiện nhưng vì họ đã làm tưởng nếu không có hành động như vậy sẽ bị đe dọa đến tính mạng.

Trở lại vụ án, ta thấy việc Nguyễn Văn V đã thực hiện hành vi phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là có căn cứ, cụ thể: V đã bị kích động về tinh thần do hành vi dùng vũ lực trái pháp luật của L, Đ và nhóm bạn của L, Đ đối với V. Theo đó, ngày 30/6/2019, khi V cùng H đi chơi, thì L cùng mấy người bạn chặn lại chửi và dọa đánh. Tối hôm đó, L lại cùng với bạn của mình chặn và đánh làm V phải bơi qua ao để chạy về được nhà và ba hôm sau, vào khoảng 20 giờ ngày 03/7, L rủ Đ cùng hơn chục người khác đến nhà của H để đánh V. Tại đây, L đến chỗ V đang ngồi uống nước, tay trái túm tóc, tay phải nắm thẳng một quả thật mạnh vào mặt V làm V bị ngã xuống sân, rách da và chảy máu ở đuôi lông mày trái. Đây được xem là chuỗi hành vi trái pháp luật liên tiếp của

L và D gây ra sự kích động mạnh về tinh thần cho V, các hành vi ngã xuống sân và khi V đứng dậy chống đỡ, thì Đ và số người đi cùng xông vào đánh làm V ngã dúm xuống chân bờ tường. Lúc này, V dùng tay phải rút một con dao nhọn để trong túi quần đâm liên tiếp 2 – 3 cái về phía L & Đ rồi nhảy qua bức tường cao khoảng 60cm chạy về nhà. L và Đ chạy đuổi theo được 40 – 50m thì gục ngã. Vì vậy, với hậu quả L bị chết do vết đâm thủng tim; Đ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 57%. Hành vi này thỏa mãn dấu hiệu của tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo quy định tại Điều 125 BLHS. Do đó, quan điểm thứ nhất là có căn cứ.

Thứ hai, xét về hành vi và hậu quả thì mặc dù hậu quả L bị chết do vết đâm thủng tim, Đ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 57% là có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi với hậu quả xảy ra, nhưng xét ở yếu tố lỗi thì V phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh chứ không phải do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Hơn nữa, hành vi đâm liên tiếp 2-3 cái về phía L & Đ đây là chuỗi hành vi liên tiếp, nó có nguyên nhân khởi phát, thực hiện và kết thúc sau khi thực hiện hành vi đâm về phía L và D thì V nhảy qua bức tường cao khoảng 60cm chạy về nhà. Do vậy, không thể tách việc đâm 2-3 cái về phía L và D với các hậu quả khác nhau để xác định hành vi của V có các cấu thành tội phạm độc lập như quan điểm của tác giả nêu được. Vì, việc thực hiện hành vi phạm tội của V là chuỗi hành vi liên tiếp không có ngắt quãng do vậy, với hậu quả làm cho L chết thì V phải bị truy tố và xét xử về tội: “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo quy định tại Điều 125 BLHS. Còn việc, ngoài làm cho L chết thì D còn bị thương với tỷ lệ thương tật là 57% đây là tình được xem là tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 125 BLHS.

Từ phân tích trên, tôi cho rằng Nguyễn Văn V đã phạm tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo quy định tại Điều 125 BLHS.

Trên đây là một số vấn đề còn gặp phải trong việc áp dụng các dấu hiệu pháp lý của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh tại Điều 125 BLHS năm 2015 để định tội danh. Để có thể áp dụng thống nhất và tránh

những vướng mắc gặp phải trong quá trình áp dụng pháp luật thì cần có một hướng dẫn cụ thể đối với từng tình tiết nói trên đồng thời đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải xem xét cụ thể, toàn diện từng tình tiết của vụ án tránh đưa ra những quyết định sai lầm.

2.3. Những sai sót còn tồn tại trong thực tiễn định tội danh đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Định tội danh là một vấn đề hết sức quan trọng, là giai đoạn cơ bản trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Tất cả những việc làm trước đó (từ khởi tố, điều tra, truy tố) suy cho cùng là nhằm phục vụ cho việc định tội danh được chính xác. Định tội danh đúng có ý nghĩa quyết định trong vụ án hình sự, bởi vì nó là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật hình sự, người áp dụng sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội đó.

Định tội danh là việc xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể đã được thực hiện với các yếu tố cấu thành tội phạm (CTTP) cụ thể tương ứng được quy định trong Bộ luật hình sự, đó là việc xác định một hành vi cụ thể đã thực hiện thoả mãn đầy đủ các dấu hiệu của một tội phạm cụ thể nào đó trong số các tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự. Định tội danh là một hoạt động tư duy của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) và một số cơ quan khác có thẩm quyền theo qui định của pháp luật thực hiện.

2.3.1 Một số sai sót của Cơ quan điều tra

Những sai sót chính dẫn đến định tội danh sai của cơ quan điều tra là: chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi vi phạm pháp luật, thu thập chứng cứ không đầy đủ, phối hợp chưa chặt chẽ với Viện kiểm sát để phân loại, xử lý ngay từ khi có kết quả xác minh thông tin tội phạm. Xét trên góc độ thông tin, thì phát hiện, thu thập chứng cứ là quá trình thu thập thông tin để làm căn cứ xác định sự thật của vụ án. Quá trình điều tra chưa tập trung vào tôn trọng chứng minh sự

thật khách quan, quá trình khám nghiệm không thu thập, giám định không làm rõ những dấu vết, chứng cứ quan trọng từ hiện trường, tử thi, dấu vết con người của thủ phạm (như những vật chứng là hung khí vụ án, dấu chân, vân tay, lông, tóc sợi...), không xác định chính xác thời gian chết của nạn nhân. Đồng thời trọng cung hơn chứng cứ, mà chưa chú trọng công tác khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng,.. Hồ sơ vụ án thể hiện nhiều thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (biên bản ghi lời khai bị tẩy xóa, sửa chữa, thiếu khách quan, không kịp thời giải quyết khiếu nại kêu oan, đơn tố cáo bị bức cung, nhục hình...). Đây chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến một số vụ oan, sai nghiêm trọng.

Ví dụ về vụ án xác định tội danh sai, mà lỗi trước hết thuộc về cơ quan điều tra.

Khoảng 22g30 ngày 8/5/ 2020, Nguyễn Công H, Nguyễn Duy H ngồi chơi ở quán nước nhà bà N.T. P trên địa bàn xã T.H, huyện T.O, thành phố H.N. Qua câu chuyện đi lại, Công H phát sinh mâu thuẫn với Duy H, sau đó Duy H đã chửi bới và đánh Công H. Bị kích động bởi hành vi trên, Công H đã về nhà lấy dao đi tìm Duy H để đánh cho chừa thói ngông cuồng. Khi đi đến đoạn đường đầu làng, Công H thấy Duy H và Đức L đang đứng nói chuyện với nhau nên đã xông vào tấn công. Công H chém một nhát, Duy H đưa tay đỡ khiến phần lưỡi dao găm vào vùng thái dương. Thấy vậy anh Đức L và người dân xung quanh đã can ngăn, rút dao của Công H ra xa. Sau khi được can ngăn, Công H bỏ về nhà còn nạn nhân Duy H thì được đưa đi cấp cứu, kết quả giám định thương tật lên đến 35%

Hiện có hai nhóm quan điểm khác nhau về việc xác định tội danh đối với hành vi Công H có phải là tội giết người hay là tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác?

Quan điểm thứ nhất cho rằng: Công H phạm tội giết người với lỗi cố ý trực tiếp. Do Công H đã dùng hung khí có khả năng gây sát thương chém vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại, hậu quả chết người chưa xảy ra do nạn nhân đã được đưa đi cấp cứu, Công H không chủ động chấm dứt hành vi nguy hiểm, do nguyên nhân khách quan (được can ngăn và tước hung khí) nên mới phải miễn

cường ngừng lại. Do đó, lỗi của Công H được suy đoán là cố ý tước đoạt mạng sống.

Quan điểm thứ hai cho rằng: Công H phạm tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” vì cho rằng hành vi của K và V không có ý thức cố ý tước đoạt mạng sống của bị hại và hậu quả làm cho người khác chết chưa xảy ra.

Theo quan điểm của cá nhân, hành vi nêu trên của Công H phải phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mới đảm bảo đúng tính chất, đặc điểm của hành vi phạm tội và diễn biến sự việc. Căn cứ vào các điểm khác biệt căn bản trong cấu thành tội phạm của hai tội danh trên ta cần xét đến các yếu tố sau:

Về hành vi khách quan: Chưa thể xác định được rằng Công H có nhắm vào đầu – vùng trọng yếu trên cơ thể hay không. Việc lưỡi dao chém vào thái dương có một phần tác động từ hành động giơ tay lên đỡ của nạn nhân khiến lực bị đổi hướng. Thêm vào đó, Công H chỉ chém duy nhất một nhát rồi chấm dứt, không thực hiện một cách quyết liệt. Đồng thời cũng cần phải hiểu, trong tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác người phạm tội vẫn có thể tấn công vào vùng trọng yếu (đây không phải tình tiết định tội bắt buộc chỉ dành cho tội giết người).

Về cường độ tấn công: việc Công H chỉ chém duy nhất một nhát đã cho thấy cường độ tấn công không dồn dập, tốc độ tấn công không nhanh, nhịp độ tấn công không liên tục. Khác hẳn với việc dùng vũ khí để giết người – phải thực hiện rất quyết liệt, tàn nhẫn với cường độ mạnh, liên tục cho đến khi nạn nhân chết hoặc được cho là chết. Với một tính chất, mức độ không quá quyết liệt như đã nêu, có thể khẳng định Công H không hướng đến hậu quả chết người mà chỉ nhằm gây tổn thương cho cơ thể của Duy H.

Về mục đích: Theo như tình huống, Công H tấn công Duy H nhằm mục đích đánh cho Duy H chừa thói ngông cuồng chứ không nhằm tước đoạt mạng sống của Duy H. Nếu thực sự muốn tước đoạt mạng sống của nạn nhân, Công H đã không tấn công tại nơi đường xá đông người qua lại như vậy.

Về hậu quả: Có thể thấy Duy H chỉ bị thương tật 35%, hậu quả chết người chưa xảy ra. Trong khi đó, tội giết người có cấu thành vật chất đòi hỏi hậu quả bắt buộc phải xảy ra trên thực tế (duy nhất trong trường hợp phạm tội chưa đạt đã thành mặc dù hậu quả không xảy ra nhưng người thực hiện hành vi vẫn có thể bị truy tố về tội giết người – sẽ được làm rõ ở phần sau). Nói cách khác, trong trường hợp này không tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa hành vi hành hung của Công H với hậu quả chết người. Trong khi đó, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và tổn thương sức khỏe của nạn nhân là rất rõ. Với mức tỉ lệ thương tật như vậy, Công H chỉ bị định tội theo khoản 2, Điều 134 BLHS năm 2015.

Về yếu tố lỗi: Việc Công H chỉ chém một nhát, sau khi được can ngăn và tước vũ khí đã ngay lập tức dừng hành vi của mình lại. Điều này khẳng định bị cáo không quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng, không tìm mọi cách để tước đoạt bằng được mạng sống của nạn nhân. Khi được can ngăn, Công H cũng không đe dọa, thách thức, chống trả hoặc giằng giật. Đồng thời cũng không chạy đi tìm vũ khí để quay lại tấn công bằng được, tiếp tục hành vi phạm tội. Xét thấy, Nguyễn Công H nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy được hậu quả chết người có thể xảy ra bên cạnh hậu quả tổn hại về sức khỏe cho nạn nhân. Tuy vậy, về ý chí Công H không mong muốn hậu quả chết người xảy ra mà chỉ hướng đến mục tiêu gây ra tổn thương về mặt sức khỏe cho anh Hỏ. Vì vậy có thể khẳng định, Nguyễn Công H thực hiện hành vi cố ý gây thương tích với lỗi cố ý trực tiếp.

Đối với khả năng gây hậu quả chết người, Công H có thể không mong muốn nhưng có ý thức để mặc nếu hậu quả xảy ra, do đó có thể khẳng định, Công H thực hiện hành vi với lỗi cố ý gián tiếp. Nếu Công H thực hiện hành vi với lỗi cố ý gián tiếp thì chỉ phải chịu trách nhiệm về tội giết người khi hậu quả thực sự xảy ra, trong trường hợp không gây ra hậu quả chết người thì chỉ có thể kết luận về tội cố ý gây thương tích. Từ những phân tích, lập luận như trên, Công H không phải chịu trách nhiệm về hành vi giết người, bởi vì trong trường hợp này, bị cáo không mong muốn hậu quả chết người xảy ra, không quyết tâm bằng được tước đoạt mạng sống của bị hại và bị hại cũng chỉ tổn thương cơ thể 35%. Tóm lại, nếu

nạn nhân không chết thì không thể buộc Nguyễn Công H phải chịu trách nhiệm về hậu quả chết người - điều mà bị cáo không mong muốn và nó cũng không xảy ra trên thực tế.

Hơn nữa, tại án lệ số 01/2016/AL có nội dung khái quát như sau: “Trong vụ án có đồng phạm, nếu chứng minh được ý thức chủ quan của người chủ mưu là chỉ thuê người khác gây thương tích cho người bị hại mà không có ý định tước đoạt tính mạng của họ (người chủ mưu chỉ yêu cầu gây thương tích ở chân, tay của người bị hại mà không yêu cầu tấn công vào các phần trọng yếu của cơ thể có khả năng dẫn đến chết người); người thực hành cũng đã thực hiện theo đúng yêu cầu của người chủ mưu; việc nạn nhân bị chết nằm ngoài ý thức chủ quan của người chủ mưu thì người chủ mưu phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung là “gây thương tích dẫn đến chết người”.

Án lệ trên mặc dù có hành vi khác với tình huống tác giả đưa ra. Tuy nhiên đã đề cập đến một vấn đề rất quan trọng đó là mối liên hệ giữa ý thức chủ quan của chủ thể thực hiện tội phạm với hành vi và hậu quả. Nếu ý thức chủ quan của người phạm tội chỉ nhằm cố ý gây thương tích cho nạn nhân, việc thực hiện hành vi cũng ở mức độ vừa phải, không quyết liệt thì cho dù hậu quả chết người có xảy ra cũng chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích. Trong trường hợp của Công H hậu quả chết người thậm chí còn chưa xảy ra trên thực tế và cũng không nằm trong dự tính và mong muốn của Công H khi thực hiện hành vi phạm tội. Vậy, không thể buộc tội Công H về tội “Giết người”.

Từ những lập luận trên, tác giả cho rằng Nguyễn Công H chỉ phạm tội cố ý gây thương tích (hành vi thỏa mãn toàn bộ cấu thành tội phạm của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác) điều này hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi mà Công H gây ra cũng như phản ánh đúng các tình tiết khách quan của vụ án. Trên đây là quan điểm của tác giả về tình huống của vụ án, rất mong được sự góp ý, trao đổi, thảo luận của bạn đọc.

Từ các căn cứ lý luận về tội danh nêu trên cũng như tình huống thực tế được mô phỏng lại làm ví dụ có thể thấy, trong một số trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng có thể đưa ra các nhận định không chính xác, nhầm lẫn giữa tội giết người

và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Do đó trước mỗi vụ án thuộc dạng này đòi hỏi các chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải đọc kỹ hồ sơ, xem xét đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Đặt hành vi vào trong bối cảnh phạm tội để hiểu rõ hơn vấn đề. Mặt khác, bản thân các cán bộ thuộc cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án phải không ngừng nâng cao nghiệp vụ, bồi dưỡng thêm kiến thức lý luận và thực tiễn. Từ đó có cơ sở để đưa ra những nhận định, phán quyết chính xác, tránh bỏ lọt tội phạm, tránh làm oan người vô tội, đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Nâng cao hiệu quả xét xử, củng cố lòng tin của xã hội vào hoạt động tư pháp. Tạo tiền đề góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2.3.2 Một số sai sót của Viện kiểm sát.

Hồ sơ vụ án do viện kiểm sát cung cấp đóng vai trò định hướng cho nội dung phiên tòa, thẩm phán sẽ dựa chủ yếu vào hồ sơ để chất vấn các nhân chứng và bị cáo. Ở giai đoạn cơ quan điều tra chuyển hồ sơ sang VKS: nếu VKS phát hiện việc khởi tố không đúng hoặc không đầy đủ sẽ xảy ra hai khả năng.

- Thứ nhất, VKS sẽ trả hồ sơ cho cơ quan điều tra, yêu cầu điều tra lại.
- Thứ hai, VKS thấy đủ chứng cứ về tội danh khác thì VKS tự quyết định sẽ chuyển tội danh.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu hồ sơ để truy tố đúng tội danh của Viện kiểm sát là vô cùng quan trọng. Trong tố tụng hình sự, cáo trạng của Viện kiểm sát chính là quan điểm của Viện kiểm sát sau khi kết thúc giai đoạn truy tố. Theo báo cáo giám sát, nguyên nhân dẫn đến các trường hợp oan sai thuộc trách nhiệm Viện kiểm sát chủ yếu do năng lực một bộ phận Kiểm sát viên còn yếu kém, thụ động, không thực hiện đúng nhiệm vụ gắn công tố với hoạt động điều tra; lãnh đạo Viện kiểm sát buông lỏng trách nhiệm hoặc phối hợp thống nhất một chiều với CQĐT trong nhận định, đánh giá vi phạm pháp luật và tội phạm; việc đánh giá, sử dụng chứng cứ thiếu toàn diện, áp dụng pháp luật máy móc. Phẩm chất đạo đức công vụ của một số cán bộ, kiểm sát viên thấp, nhiều trường hợp đã bị xử lý, kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Thực tiễn, do trình độ chuyên môn của một số cán bộ kiểm sát còn yếu và do thiếu trách nhiệm mà các kiểm tra viên, kiểm sát

viên đã nghiên cứu hồ sơ vụ án chưa kỹ, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, đánh giá sai tình tiết vụ án, dẫn đến truy tố sai tội danh.

Trong nhiều vụ án được xét xử về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, đã phát hiện vụ án Viện kiểm sát đã định tội danh sai.

Trong một vụ án Cố ý gây thương tích xảy ra tại địa bàn huyện P, tỉnh H, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện P đã ra quyết định khởi tố vụ án, trong quá trình thu thập chứng cứ, phát hiện vụ án có nhiều đồng phạm ở nhiều huyện khác nhau và có dấu hiệu của tội giết người nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện P xét thấy vụ án không thuộc thẩm quyền điều tra và đề nghị VKSND huyện P ra quyết định chuyển vụ án để giao hồ sơ cho Công an tỉnh H tiếp tục điều tra vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 169 BLTTHS năm 2015. Như vậy, theo quy định của pháp luật thì Cơ quan điều tra cấp nào tiến hành điều tra thì VKSND cấp đó thực hiện quyền công tố và kiểm sát điều tra.

Trong vụ án này, VKSND tỉnh H sẽ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. Đến khi Công an tỉnh H ra Bản kết luận điều tra kết luận các bị can trong vụ án chỉ phạm tội Cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 và chuyển hồ sơ sang VKSND tỉnh H để truy tố theo quy định. Tuy nhiên, VKSND tỉnh H cho rằng các bị can bị xét xử theo khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015, có khung hình phạt từ 05 đến 10 năm tù. Theo quy định tại khoản 1 Điều 268 BLHS năm 2015 quy định về thẩm quyền xét xử của Tòa án thì “Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng”. Vì lẽ đó nên VKSND tỉnh H đã ra quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho VKSND huyện P ra quyết định truy tố. Nên sau khi nhận hồ sơ, VKSND huyện P đã ban hành Cáo trạng và chuyển toàn bộ hồ sơ sang TAND huyện P để xét xử vụ án. Quá trình xem xét chứng cứ và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, chuyển trả toàn bộ hồ sơ cho VKSND huyện P. Sau đó, VKSND huyện P đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Công an huyện P để tiếp tục điều tra theo yêu cầu của TAND huyện P.

Sau khi, kết thúc điều tra, Công an huyện P ra bản kết luận điều tra bổ sung, chuyển hồ sơ sang VKSND huyện P và tiếp tục chuyển hồ sơ đến TAND huyện P để xét xử vụ án.

Vấn đề đặt ra trong vụ án này, thứ nhất, VKS cấp nào sẽ ra quyết định truy tố; thứ hai, khi TAND huyện P trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì VKSND huyện P ra quyết định trả hồ sơ cho Công an huyện P để điều tra và ra bản kết luận điều tra bổ sung là có đúng quy định của pháp luật không. Hiện nay cũng có hai quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, quá trình điều tra Công an huyện P, tỉnh H phát hiện vụ án có tính chất phức tạp, có dấu hiệu của tội giết người nên đề nghị VKSND huyện P ra quyết định chuyển vụ án cho Công an tỉnh H để điều tra là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 169 BLTTHS năm 2015. Sau đó, Công an tỉnh H ra bản kết luận điều tra và kết luận các bị can chỉ phạm tội Cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015. Nên căn cứ theo khoản 1 Điều 268 BLHS năm 2015 thì thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện. Đồng thời, VKSND tỉnh H căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 239 BLTTHS năm 2015 là: “Thẩm quyền truy tố của Viện kiểm sát được xác định theo thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với vụ án. Trường hợp vụ án không thuộc thẩm quyền truy tố của mình, Viện kiểm sát ra ngay quyết định chuyển vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.”

Do đó, VKSND tỉnh H ra quyết định chuyển vụ án cho VKSND huyện P để ra quyết định truy tố. Đối với việc TAND huyện P trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho VKSND huyện P và Công an huyện P đã thực hiện việc điều tra bổ sung là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thẩm quyền xét xử cũng như thẩm quyền điều tra, truy tố vụ án.

Quan điểm thứ hai cho rằng, việc VKSND tỉnh H, chuyển hồ sơ cho VKSND huyện P để truy tố là không đúng với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 239 BLTTHS năm 2015. Tại Điều này đã ghi nhận “Đối với vụ án do Viện kiểm sát cấp trên thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thì Viện kiểm sát cấp trên quyết định việc truy tố. Chậm nhất là 02 tháng trước khi kết thúc điều tra,

Viện kiểm sát cấp trên phải thông báo cho Viện kiểm sát cấp dưới cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án để cử Kiểm sát viên tham gia nghiên cứu hồ sơ vụ án. Ngay sau khi quyết định truy tố, Viện kiểm sát cấp trên ra quyết định phân công cho Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử; sau khi nhận được hồ sơ vụ án kèm theo bản cáo trạng, Viện kiểm sát cấp dưới có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo đúng quy định của Bộ luật này”. Vì vậy, VKSND tỉnh H đã thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thì VKSND tỉnh H phải tiếp tục ra quyết định truy tố và ra quyết định phân công cho VKSND huyện P thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo quy định của pháp luật.

Như vậy, từ việc xác định thẩm quyền truy tố của VKSND tỉnh H không đúng, dẫn đến việc điều tra bổ sung và ra kết luận điều tra bổ sung của Công an huyện P là không đúng thẩm quyền và không phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3.3 Một số sai sót của Tòa án.

Ở giai đoạn tòa án nhận hồ sơ của VKS, nếu Tòa xét thấy VKS truy tố về tội danh không đúng hoặc chứng cứ yếu, tòa sẽ trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung. Nếu VKS không chấp nhận, tòa án vẫn phải thụ lý hồ sơ nhưng tòa án có quyền tuyên tội khác với điều kiện nhẹ hơn so với tội mà VKS đã truy tố. Nguyên nhân dẫn đến các trường hợp oan, sai thuộc trách nhiệm của Tòa án chủ yếu do trình độ, năng lực của một bộ phận Thẩm phán còn hạn chế như không nghiên cứu kỹ hồ sơ, thiếu phân tích, đánh giá đầy đủ, quá tin vào tài liệu hồ sơ, chưa chủ động làm rõ các tình tiết mới tại phiên tòa... dẫn đến tuyên phạt tội danh sai.

Tại BLHS năm 2015 đã quy định: “người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc người thân thích của người đó...”. Tuy nhiên, trên thực tế, do năng lực chuyên môn hạn chế, một số trường hợp, Hội đồng xét xử đã xác định không đúng mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân với trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội dẫn tới việc định sai tội danh, không đúng với tính chất mức độ phạm tội.

2.4. Những sai sót còn tồn tại trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với người phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Khi xem xét đánh giá một hành vi phạm tội của một tội phạm cụ thể cần phải xem xét toàn diện, khách quan đầy đủ các dấu hiệu, yếu tố để quyết định hình phạt đúng cho người phạm tội tránh tình trạng làm oan người không có tội hay để lọt tội phạm.

Quyết định hình phạt là một giai đoạn rất quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Quyết định hình phạt có căn cứ, đúng pháp luật, công bằng là tiền đề và điều kiện để đạt được mục đích của hình phạt. Nghĩa là mới có khả năng cải tạo, giáo dục người bị kết án trở thành người có ích cho xã hội, mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Đồng thời, quyết định hình phạt đúng còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ và tăng cường pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Theo qui định tại Điều 50 BLHS, để quyết định hình phạt đối với người phạm tội phải dựa vào 4 căn cứ và Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử, tòa án mắc phải nhiều sai sót do chưa vận dụng đúng điều 50 BLHS về căn cứ quyết định hình phạt dẫn đến quyết định hình phạt quá nghiêm khắc hoặc quá nhẹ đối với người phạm tội.

2.4.1 Sai sót do chưa vận dụng đúng qui định của Bộ luật hình sự.

Để thực hiện 3 bước của quá trình giải quyết vụ án hình sự nói chung và các vụ án hình sự xét xử về Điều 125 BLHS nói riêng, đó là bước định tội danh, định khung hình phạt và quyết định hình phạt, các cơ quan tiến hành tố tụng đều phải căn cứ vào các qui định của BLHS để làm sáng tỏ các tình tiết định tội, tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các chế định khác đã được qui định trong BLHS. Vận dụng đúng các tình tiết định tội là một trong những cơ sở để xác định các quy phạm áp dụng đối với người phạm tội, nếu vận dụng sai tình tiết định tội danh sai thì hậu quả tất yếu là vấn đề quyết định hình phạt cũng sai, như vậy hình phạt đã tuyên không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm

cho xã hội của hành vi phạm tội (có thể là quá nhẹ hoặc quá nặng), dẫn đến không đảm bảo được tính có căn cứ pháp lí của bản án.

Khoản 2 Điều 125 Bộ luật hình sự quy định về khung tăng nặng TNHS đối với trường hợp giết người trong trạng thái tình thần bị kích động mạnh mà hậu quả có từ hai người bị chết trở lên, và những nạn nhân đó đều có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội. Theo khung tăng nặng này, người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự có khung hình phạt từ ba năm đến bảy năm, là tội phạm nghiêm trọng. Nếu trong các nạn nhân, có nhiều người có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người phạm tội, nhưng hậu quả chỉ có một người bị giết chết, còn những người khác chỉ bị thương và có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên thì cũng không thuộc khung hình phạt này, mà người phạm tội sẽ bị truy cứu về hai tội: tội giết người trong trạng thái tình thần bị kích động mạnh theo khoản 1 Điều 125 và tội cố ý gây thương tích trong trạng thái tình thần bị kích động mạnh theo Điều 135 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử tội giết người trong trạng thái tình thần bị kích động mạnh, phát hiện có nhiều bản án đã chưa vận dụng đúng các quy định về tình tiết định tội, tình tiết định khung của bộ luật hình sự, dẫn đến quyết định hình phạt không đúng

Khi xử lý người phạm tội giết người trong trạng thái tình thần bị kích động mạnh, các cơ quan tiến hành tố tụng cần xác định rõ trạng thái tình thần của người phạm tội trong khi phạm tội và đặc biệt phải làm rõ hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân. Bởi vì hình phạt đối với người phạm tội thuộc trường hợp này chỉ bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm, nếu giết nhiều người mức hình phạt cao nhất cũng chỉ tới 7 năm tù. Nếu không làm rõ hành vi trái pháp luật của nạn nhân sẽ dẫn đến tình trạng thân nhân của người bị hại và những người không am hiểu pháp luật cho rằng cũng là hành vi giết người sao lại xử nhẹ như vậy.

2.4.2 Sai sót do vận dụng chưa đúng căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

Đối với việc quyết định hình phạt thì căn cứ đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là căn cứ có tính chất quyết định và quan trọng nhất. Để xác định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cần phải xem xét, đánh giá một cách toàn diện các yếu tố: tính chất của hành vi phạm tội, thủ đoạn, hoàn cảnh, thời gian phạm tội, hậu quả thiệt hại, hình thức, mức độ lỗi,... Đây là một căn cứ được xem xét, đánh giá từ ngay giai đoạn định tội và định khung hình phạt.

Qua bản án thu thập được, có vụ án mà Hội đồng xét xử đã chưa đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nên đã dẫn đến quyết định hình phạt quá nặng đối với người phạm tội. Ví dụ điển hình. “Hò Văn Huy có bố dượng rất hay uống rượu và đánh vợ, con. Mẹ Huy và bản thân Huy đã nhiều lần bị bố dượng say rượu đánh đập rất dã man. Huy cảm thấy rất hận bố dượng vì bố dượng không chịu làm ăn gì mà còn hay uống rượu chửi bới, đánh đập vợ con. Một lần Huy về nhà sau một tuần đi làm thuê ngoài phố huyện thì nghe bà con hàng xóm nói cho biết mẹ Huy đang phải nằm tại trạm xá do bị chồng say rượu đánh phải đi cấp cứu. Huy đến thăm mẹ, thấy mẹ bị thương bằng bó đầy người và vẻ mặt đau đớn thì cảm thấy rất xót xa, thương mẹ và càng hận bố dượng. Huy về đến nhà nhìn thấy bố dượng đang ngồi uống rượu. Thấy Huy về, ông bố dượng liền hất chén rượu về phía Huy rồi tiếp tục chửi rửa, đánh, đuổi Huy ra khỏi nhà. Huy tức giận chạy vào bếp cầm dao chém một nhát vào đầu làm bố dượng gục xuống và sau đó bị tử vong tại bệnh viện...”. Sau khi phạm tội, Huy đã đến cơ quan công an tự thú. Toà án đã tuyên phạt Năm tù – mức tối đa của khung 1 Điều 125.

Rõ ràng, hình phạt như vậy là quá nặng đối với hành vi phạm tội của Huy. Trong vụ việc này, Huy phạm tội giết người theo quy định tại Điều 125 K1. Bởi lẽ, căn cứ vào các tình tiết nêu trong vụ việc này có thể nhận thấy rằng Huy thực hiện hành vi giết bố dượng trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của bố dượng. Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng

của bố dượng Huy thể hiện ở tình tiết bố dượng Huy thường xuyên uống rượu và say xỉn, thường xuyên đánh đập dã man mẹ Huy và Huy. Khi nghe và chứng kiến cảnh mẹ mình phải chịu đau đớn trong trạm xá và về nhà chứng kiến bố dượng uống rượu rồi lớn tiếng chửi rủa đánh, đuổi mẹ con Huy đã khiến Huy không làm chủ được suy nghĩ cũng như hành vi của mình dẫn đến việc cầm dao giết bố dượng. Huy đã có hành vi giết người khi đang ở tình trạng tinh thần bị kích động mạnh. Bên cạnh đó, Huy có 3 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 là: 1) phạm tội lần đầu; 2) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; 3) Người phạm tội tự thú. Với 3 tình tiết giảm nhẹ TNHS trên, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của Huy đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, Toà án vẫn tuyên phạt Huy mức tối đa của khung 1 Điều 125 BLHS là quá nặng cho bị cáo khi bị cáo có tới 3 tình tiết giảm nhẹ TNHS. Trong vụ án này, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của Huy đã giảm đáng kể, nhưng Toà án khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội hành vi phạm tội của Huy thì lại không chú trọng đến các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói trên là không đúng khi quyết định hình phạt. Hậu quả là người phạm tội đã phải chịu hình phạt quá nặng so với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

2.4.3 Sai sót do vận dụng chưa đúng căn cứ nhân thân người phạm tội.

Khi xét xử vụ án hình sự, toà án phải chứng minh đầy đủ những vấn đề quy định tại Điều 85 BLTTHS, đặc biệt cần quan tâm đến những đặc điểm về nhân thân người phạm tội, làm rõ hoàn cảnh của đặc biệt của bị cáo, tình trạng sức khỏe của bị cáo ví dụ như: bị cáo có phải là phụ nữ có thai hay đang phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi hay không, là người già yếu hay có bị mắc một số bệnh về tâm thần hay không... Trong thực tiễn, do có sự đánh giá không đúng nhân thân người phạm tội mà có một số ít trường hợp, toà án dẫn đến quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ. Ví dụ cho thấy Hội đồng xét xử đã chưa đánh giá đúng nhân thân người phạm tội nên đã dẫn đến quyết định hình phạt quá nặng đối với người phạm tội.

Xin nêu vụ án điển hình. Vụ án bị cáo Nguyễn Thị N (65 tuổi, quê AG) bị kết án 28 tháng tù về tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

theo Điều 125 K1: "Theo cáo trạng, bị cáo Nguyễn Thị N cùng chồng là Bùi Văn D (63 tuổi, quê TG) sống với nhau được 40 năm và có nhiều con nhưng do bà N thường xuyên đau ốm, bệnh tật nên bị các con hắt hủi, không phụng dưỡng. Trong thời gian sống chung, ông D thường xuyên nhậu say và đánh đập bị cáo. Hằng ngày bị cáo đi lượm ve chai để kiếm sống, còn ông D ở nhà không chịu làm ăn gì, thường bắt bà N đưa tiền để đi uống rượu say xỉn. Mỗi khi nhậu say, ông D thường xuyên đánh đập bà N rất dã man. Nhiều lần bà N không có tiền đưa chồng do chưa bán được ve chai, ông D đánh bà thậm tệ và còn bị chồng đuổi ra khỏi nhà sống lang thang nhiều ngày không cho về nhà ở. Khoảng 13h ngày 10/9/2016, tại cổng Thích Ca Phật Đài (phường 5), bà N không đồng ý đưa ve chai cho chồng đem bán lấy tiền uống rượu (vì nhà đã hết sạch gạo, bà muốn giữ lại để lấy tiền mua gạo) thì bị ông D đuổi đánh, dùng chân đạp liên tiếp vào bụng, đấm vào mặt bà N. Mặc dù bị cáo đã bỏ chạy nhưng vẫn bị chồng truy đuổi đến cùng, túm tóc đấm, đá liên tục vào người. Lúc này, bà N mới dùng dao (dao cắt lát buộc đồ đồng nát) đâm ông D một nhát vào ngực khiến ông này tử vong". Sau khi đâm chết chồng, bà N đã tự giác đến công an tự thú, thành khẩn khai báo toàn bộ sự việc.

Nhận thấy trong bản án này, TAND BR tỉnh đã tuyên hình phạt 28 tháng tù giam là nặng đối với bị cáo Nguyễn Thị N khi không xem xét đầy đủ nhân thân của người phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Khi xem xét về nhân thân bị cáo, chúng ta có thể thấy bị cáo có một số tình tiết thuộc về nhân thân có thể giảm nhẹ hình phạt. Đó là: 1) Bị cáo Nghiền có nhân thân tốt (phạm tội lần đầu); 2) Bị cáo N đã 65 tuổi, thường xuyên đau ốm, bệnh tật, không có người phụng dưỡng. Mục 4 của Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 2-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn: "Người quá già yếu là người từ 70 tuổi trở lên hoặc người từ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên đau ốm". Bên cạnh việc chưa đánh giá đúng nhân thân người phạm tội, Toà án còn chưa đánh giá đầy đủ căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội – đó là tình tiết người phạm tội tự thú, thành khẩn ăn năn hối cải. Chiếu theo các tình tiết này, bà Nghiền hoàn toàn có thể được xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại

điểm i, o, r, s Điều 51 BLHS 2015. Trong trường hợp này, Hội đồng xét xử hoàn toàn có thể xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nghiền nhiều hơn, còn mức án 28 tháng tù Toà án tuyên tuy đã được giảm nhẹ nhưng vẫn còn nặng đối với bị cáo.

2.4.4 Sai sót do vận dụng chưa đúng căn cứ các tình tiết tăng nặng , giảm nhẹ TNHS.

Các tình tiết có ý nghĩa quyết định hình phạt là các tình tiết được quy định tại Điều 51 và Điều 52 BLHS – đó là các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS. Hành vi phạm tội cụ thể với những tình tiết thực tế của nó thoả mãn các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS đã được quy định tại hai điều luật này thì mức độ TNHS mà người phạm tội phải gánh chịu theo đó cũng giảm xuống hoặc tăng lên đáng kể so với các trường hợp khác trong phạm vi khung hình phạt áp dụng với người phạm tội. Đối với mỗi tội phạm cụ thể, tình tiết đã được sử dụng làm tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt thì không còn được sử dụng lần nữa làm tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS.

Khi nghiên cứu thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, qua nghiên cứu có vụ án mà Hội đồng xét xử đã nhận thức và áp dụng chưa đúng các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng TNHS, từ đó dẫn đến quyết định hình phạt quá nặng cho bị cáo. Xin nêu ví dụ điển hình. Vụ án Hà Thanh Q phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Điều 125 K2. Nội dung vụ án như sau:

"Hà Thanh Q (sinh năm 1974; HKTT) là lái xe đường dài. Tưởng Phi T (sinh năm 1978) là hàng xóm với Q. T làm nghề thợ mộc, hay sang nhà Q chơi, do Q thường xuyên chạy xe đường dài vắng nhà, Trường và Lê Thị V (vợ Q) lén lút có tình ý với nhau. Q phát hiện ra mối quan hệ bất chính của vợ cũng như phát hiện đứa con của mình thực ra là kết quả của mối tình vụng trộm giữa V và T. Nhưng khi V khóc lóc van xin thì Q lại mềm lòng và quyết định tha thứ, chấp nhận nuôi con riêng của vợ. Được tha thứ nhưng vợ Q thì vẫn chứng nào tật ấy. Mỗi lần Q vắng nhà Tưởng Phi T lại mò sang với lý do thăm con. Hàng xóm xì xào bàn tán, nói Q là chồng mà nhu nhược, xì xào rằng Q là thằng ngu đần, biết vợ

ngủ với T, đẻ ra con thế mà Q vẫn cứ ngày ngày nuôi con cho T. Q không nói chỉ nuôi uất hận trong lòng. Ngày 12/10/2016, khi uống rượu say về, thấy T và vợ đang ôm nhau sau bếp, Q không kiềm chế được bản thân. Những nỗi uất ức kìm nén được dịp trỗi dậy. Q vợ ngay con dao dựa dùng để chặt củi rồi chạy vào bổ liên tiếp vào đầu T và V. V tử vong tại chỗ, còn T được đưa đi cấp cứu ngay sau đó nhưng cũng chết trên đường đi cấp cứu do đa chấn thương và tổn thương thùy não. Kết luận giám định xác định tại thời điểm tử vong, đang mang thai 6 tuần tuổi. Sau khi gây án, Q đến đồn công an đầu thú, khai báo thành khẩn. Ngày 1/3/2017, TAND tỉnh TQ tuyên Q bản án 5 năm 8 tháng tù về tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo khoản 2 Điều 125. Đồng thời phải bồi thường thiệt hại cho gia đình T số tiền 300 triệu đồng".

TAND tỉnh TQ xác định tội danh và khung hình phạt đối với Quyền theo khoản 2 Điều 95 BLHS: Cả hai nạn nhân đều có hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với người phạm tội (V và T có quan hệ tình cảm lén lút, có con riêng với nhau. Q phát hiện ra mối quan hệ bất chính ấy của vợ nhưng đã quyết định tha thứ nhưng cả hai vẫn tiếp tục vụng trộm với nhau). Hành vi phạm tội của Q thực hiện trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, đó là sự uất ức kìm nén trong khoảng thời gian dài được dịp trỗi dậy và cũng là sự giận dữ, căm hận đối với người vợ không đoan chính bùng phát không thể kiềm chế. Hành vi phạm tội của Q trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được xem xét là trường hợp giết người với tình tiết giảm nhẹ đặc biệt quy định tại Điều 125 BLHS. Hậu quả có 02 nạn nhân chết: đó là V (vợ Q) và T, như vậy, hành vi phạm tội của Q rơi vào tình tiết định khung hình phạt theo khoản 2 Điều 125 BLHS. Khi quyết định hình phạt, TAND tỉnh TQ đã vận dụng các tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội đối với phụ

nữ có thai”. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo Q không biết nạn nhân V đang có thai (vì nạn nhân V có thai còn nhỏ và V không nói cho bị cáo biết vì hai vợ chồng đang giận nhau). Chúng ta lưu ý là chỉ vận dụng tình tiết tăng nặng TNHS này khi bị cáo biết rõ nạn nhân đang mang thai và những tình tiết khách quan của vụ án đã chứng minh điều đó. Nhưng trong vụ án này, khi cơ quan điều

tra công bố kết luận pháp y, Q mới biết nạn nhân V đang mang thai. Do đó, Toà án vận dụng tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội đối với phụ nữ có thai” - Điều 52 K1 điểm h là chưa chính xác. Do vậy, đã quyết định hình phạt nặng đối với bị cáo. Trong vụ án này, Toà án đã giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống còn 5 năm 8 tháng (mức cao nhất của khung hình phạt là 7 năm tù). Tuy nhiên, căn cứ vào toàn bộ các tình tiết có trong vụ án, Toà án cần giảm nhẹ hình phạt nhiều hơn với đối với bị cáo thì mới thoả đáng.

TIỂU KẾT CHƯƠNG II

Thông qua nghiên cứu số liệu thống kê số vụ án được đưa ra xét xử về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trên cả nước trong bảy năm gần đây có thể thấy, số vụ án giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trên cả nước được đưa ra xét xử không nhiều, trung bình mỗi năm xảy ra khoảng 102 vụ. Tuy nhiên, thực tế xét xử về tội danh này lại xảy ra rất nhiều trường hợp định tội danh sai. Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn, tác giả đã rút ra một số vướng mắc trong quá trình định tội danh đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, đó là: Ranh giới giữa trạng thái tinh thần bị kích động và kích động mạnh chưa được quy định rõ; Mức độ nghiêm trọng của hành vi trái pháp luật của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội chưa được giải thích rõ; Dấu hiệu định tội giữa tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và một số tội khác chưa rõ ràng.

Ngoài ra, qua thu thập, nghiên cứu các bản án hình sự sơ thẩm được đưa ra xét xử có liên quan đến tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, tìm ra được những sai sót còn tồn tại trong thực tiễn định tội danh đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, đó là: trong thực tiễn xét xử đối với tội danh này, hiện tượng các cơ quan tiến hành tố tụng định tội danh sai vẫn còn tồn tại. Trong từng giai đoạn của quá trình tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng mắc phải những sai sót khác nhau: Sai sót trong giai đoạn điều tra của cơ quan điều tra; Sai sót trong giai đoạn cơ quan điều tra chuyển hồ sơ sang viện kiểm sát; Sai sót trong giai đoạn tòa án thụ lý xét xử. Từ những sai sót còn tồn tại trong quá trình định tội danh đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, tác giả đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện, nhằm khắc phục, nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, tránh xảy ra định tội danh sai đối với tội danh này

Chương III

NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI TRONG TRẠNG THÁI TINH THẦN BỊ KÍCH ĐỘNG MẠNH

3.1. Những giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

BLHS năm 2015 được các nhà làm luật mô tả một cách chính xác, rõ ràng, giúp cho chủ thể định tội, các nhà nghiên cứu pháp luật hình sự nhận thức đúng đắn sự khác nhau giữa tội phạm này với tội phạm khác. Tuy nhiên, trong BLHS năm 2015 vẫn còn một số tội phạm mà tính đặc trưng của chúng chưa thật sự rõ, điều này làm cho các chủ thể khi tiến hành định tội gặp không ít khó khăn khi xác định một hành vi là phạm tội này hay phạm tội khác. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125) là một trong những tội đó. So với BLHS của các nước trên thế giới thì BLHS 2015 của nước quy định hoàn chỉnh về án phạt từ mức thấp nhất đến cao nhất của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh tuy nhiên chỉ có một vấn đề còn chưa cụ thể đó là việc xác định trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, hành vi trái pháp luật nghiêm trọng và người thân thích.

Theo quan điểm của tác giả thì trạng thái tinh thần bị kích động mạnh là tình trạng ý thức bị hạn chế tức thời ở mức độ cao không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình. Bị hạn chế tức thời ở mức độ cao là bị hạn chế về mặt nhận thức, lúc đó suy nghĩ của họ là làm thế nào để ngăn cản hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của người bị hại đối với người thân thích của mình, suy nghĩ của họ mang tính bộc phát nghĩ gì làm đó, thấy dao cầm dao, thấy gậy cầm gậy... suy nghĩ là có người đang làm hại đe dọa đến người thân của mình, mình không thể đứng nhìn, mình phải hành động bằng bất cứ giá nào. Đây cũng chính là lúc họ mất khả năng tự chủ và không thấy hết được tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình, trạng thái tinh thần của họ gần như

người điên (người mất trí). Trạng thái này chỉ xảy ra trong chốc lát, sau đó tinh thần của họ trở lại bình thường như trước. Cũng có trường hợp xảy ra một người vẫn còn khả năng nhận thức mà mất khả năng tự kiểm chế và điều khiển hành vi của mình do cơ chế sinh học hoặc một bệnh nào đó làm tổn hại bộ phận điều khiển hành vi của não bộ. Có thể lý giải vì sao trong trường hợp bình thường họ không phạm tội mà trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh họ phạm tội thông qua mức độ nhận thức của họ trong lúc này. Bình thường, họ nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm, nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội và nhận thức được điều đó là sai, trái pháp luật, phải gánh lấy trách nhiệm pháp lý nên họ kiểm chế hành vi của mình.

Như vậy, nếu coi việc họ mất khả năng tự chủ và điều khiển hành vi là nguyên nhân ngoài ý muốn của họ, thì họ sẽ không chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nguy hiểm của mình.

Thực tế có xảy ra có những trường hợp đặc biệt mà tình trạng tinh thần phải xét cả quá trình. Tại nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 29-11-1986, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã có hướng dẫn:

Hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất dễ nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiểm chế được; nếu tách riêng sự kích động mới này thì không coi là kích động mạnh, nhưng nếu xét cả quá trình phát triển của sự việc, thì lại được coi là mạnh hoặc rất mạnh.

Trường hợp này đã được nêu ví dụ cụ thể ở thực tiễn áp dụng, đây cũng là một trong nguyên nhân phổ biến hiện nay, họ kìm chế nhưng sự việc đó cứ lặp đi lặp lại đến một lúc nào đó họ không chịu được nữa nó sẽ bùng lên và gây ra hậu quả khôn lường mà không ai mong muốn.

Tuy nhiên, dù trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, mức độ nhận thức của họ giảm đi đáng kể, nhưng họ vẫn có thể nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nào đó, nhận thức một cách khái quát về hậu quả mà họ không quan tâm đến, đồng thời, việc không quan tâm đến cũng như hạn chế về nhận thức trong hoàn cảnh đó chắc chắn sẽ phải gánh lấy hậu quả pháp lý từ hành vi của mình. Nghĩa là “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” là nhân tố chính làm giảm đi đáng kể khả năng tự chủ và điều khiển hành vi của mình (chứ không phải mất hẳn khả năng đó) và kết quả là hành vi phạm tội xảy ra.

Với cách hiểu này, xét ở góc độ chủ quan người phạm tội, có thể phân biệt “trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” và “trạng thái tinh thần bị kích động” ở mức độ nhận thức của người phạm tội khi thực hiện hành vi. Khi thực hiện hành vi, nếu người phạm tội nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, có thể gây ra hậu quả cụ thể nào, bất chấp việc hành vi của mình có trái pháp luật và mình phải chịu trách nhiệm pháp lý hay không thì có thể coi đây là trường hợp “trạng thái tinh thần bị kích động”.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng là hành vi xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người phạm tội hoặc của người thân thích của họ nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành một tội cụ thể. Hành vi đó có thể do người bị hại trực tiếp hành động như hành vi vu khống, hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, hành vi ngoại tình, hành vi đánh đập hoặc nạn nhân có thể không hành động như không chấm dứt hành vi trái pháp luật mà người phạm tội đã yêu cầu, ví dụ anh A đã yêu cầu nhiều lần mà ông B vẫn không nhót chó lại để chó ra phóng uế bừa bãi gây mất vệ sinh công cộng hoặc trong trường hợp hai vợ chồng đã ly hôn mà người chồng đã yêu cầu vợ nhiều lần phải có biện pháp chăm sóc, bảo vệ con cái mà người vợ không thực hiện khiến cho người con chung gặp tai nạn nguy hiểm...

Hiện nay chưa có văn bản pháp luật quy định rõ là những hành vi hay hành động nào của người bị hại là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng. Theo quan điểm của tác giả cần có một văn bản hướng dẫn cụ thể hơn của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao về những hành vi trái pháp luật nghiêm trọng, một số hành vi có thể kể đến như cưỡng bức, đánh đập, nhạo báng, lăng mạ quả đàng, đập phá tài sản, đốt cháy, cướp giết, trộm cắp... để các cơ quan có thẩm quyền định tội chính xác đúng người đúng tội.

Việc xác định một hành vi trái pháp luật của người bị hại đã tới mức nghiêm trọng hay chưa cũng phải đánh giá một cách toàn diện. Có hành vi chỉ xảy ra một lần đã là nghiêm trọng, nhưng cũng có hành vi nếu chỉ xảy ra một lần thì chưa nghiêm trọng, nhưng nó được lặp đi lặp lại nhiều lần thì lại thành nghiêm trọng. Ví dụ: A và B nhà ở cạnh nhau, chung một bức tường. B đục tường từ phía nhà mình sang nhà A trong lúc vợ của A đang bị ốm nặng cần sự yên tĩnh. A đã nhiều lần yêu cầu B chấm dứt hành động đó, nhưng B không nghe, A bực tức giằng búa của B đánh B một cái làm B ngã gục. Trên đường đưa đi cấp cứu thì B chết. Trong trường hợp này, hành vi giết người của A cũng được coi là bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của B và thuộc trường hợp quy định tại Điều 125 Bộ luật hình sự 2015.

Một người bị kích động về tinh thần ngoài trường hợp người khác có hành vi trái pháp luật đối với chính bản thân họ, thì còn có cả trường hợp người khác có hành vi trái pháp luật đối với những người thân thích của họ. Những người thân thích là những người có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân như: vợ đối với chồng; cha mẹ với con cái, anh chị em ruột, anh chị em cùng cha khác mẹ đối với nhau; ông bà nội ngoại đối với các cháu v.v... Có một thắc mắc nếu như hành vi của nạn nhân với người yêu của người phạm tội (người này có quan hệ tình cảm sâu đậm yêu nhau rất lâu chỉ có điều hai người chưa làm đăng ký kết hôn) vậy người này có được coi là người thân thích của nạn nhân hay không? Một trường hợp nữa là hai người này là anh em kết nghĩa chơi thân với nhau từ hồi nhỏ đến giờ coi nhau như anh em, có tình cảm gắn bó lâu dài, khi người em bị người khác đánh đập người này vì bảo vệ người em mà chạy vào can nhưng không được, thấy có đoạn gỗ nhỏ lấy đánh người bị kia chẳng may trúng chỗ phạm bị chết, hai người này về mặt pháp luật họ có mối quan hệ nào đâu, vậy khi xét xử họ định tội người anh em kết nghĩa này có được định tội giết người trong trạng

thái tinh thần bị kích động mạnh không? Theo quan điểm của tác gia cần có văn bản hướng dẫn cụ thể hơn quy định ngoài người thân có quan hệ huyết thống quan hệ hôn nhân còn là những người có tình cảm gắn bó thân thiết lâu dài.

Trong thời gian tới, để thúc đẩy phát triển hơn nữa luật hình sự chúng ta cần có những thay đổi nhất định trong việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự.

Hoàn thiện pháp luật hình sự cần được tiến hành song song cả về nội dung và về hình thức. Trong đó, cần chú ý đặc biệt đến kỹ năng xây dựng cấu thành tội phạm. Quá trình hoàn thiện luật hình sự cần phải vừa là bổ sung vừa là loại trừ; vừa là hình sự hóa vừa là phi hình sự hóa, thực hiện thường xuyên, kịp thời nhưng phải có tính đồng bộ. Khi có đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung một vấn đề cần phải cân nhắc hướng sửa đổi, bổ sung không tạo ra sự bất hợp lí mới.

Từ yêu cầu trên và đối chiếu với thực tế hiện nay ta thấy có một số hướng chính trong việc hoàn thiện luật hình sự như sau:

Thay đổi quan niệm về nguồn của luật hình sự. Bộ luật hình sự Việt Nam khẳng định: tội phạm phải được quy định trong Bộ luật hình sự mà không hề được quy định ở các đạo luật khác. Điều này chỉ có thể chỉ phù hợp với những loại tội phạm thông thường. Đối với những loại tội phạm gắn liền với lĩnh vực cụ thể như lĩnh vực môi trường, lĩnh vực tài chính, ngân hàng, lĩnh vực công nghệ thông tin... thì việc quy định những tội này trong chính các đạo luật chuyên ngành thì có thể phù hợp và tốt hơn. Do đó, nên quan niệm nguồn của luật hình sự có thể là Bộ luật hình sự hoặc đạo luật khác.

Hoàn thiện các cấu thành tội phạm về mặt kỹ thuật để đảm bảo tính thống nhất của cả hệ thống và tính rõ ràng, chính xác của từng cấu thành tội phạm. Việc xây dựng các cấu thành tội phạm đúng yêu cầu sẽ giúp các nhà làm luật thể hiện được nội dung quy định đúng theo ý tưởng của mình và nội dung đó cũng dễ dàng được người áp dụng tiếp nhận đúng. Qua đó giúp phát hiện và khắc phục những mâu thuẫn hoặc hạn chế trong nội dung của những luật định của luật Khắc phục sự bất hợp hơn li sự thiếu chính xác. sự chưa đầy đủ quy định của luật. Khắc phục sự bất hợp

lí, sự thiếu chính xác, sự chưa đầy đủ của các quy định trong Bộ luật hình sự. Loại trừ những quy định nhất là đối với các tội danh không còn phù hợp.

Hiện nay nước ta đã có một án lệ được ban là Án lệ số 28/2019/AL về tội "Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh". Việc áp dụng án lệ trong quá trình giải quyết vụ việc là một bước tiến mới trong quá trình cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta. Việc áp dụng án lệ trong xét xử nhằm đảm bảo được sự công bằng và khách quan trong quá trình giải quyết vụ việc.

Án lệ có vai trò giải thích pháp luật, việc ban hành án lệ có một ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật hợp đồng, bảo đảm tính thống nhất, bảo đảm quyền tự do hợp đồng trong hoạt động thương mại. Để thực hiện việc này, về mặt lập pháp, cần quy định nguyên tắc thừa nhận án lệ là nguồn giải thích pháp luật. Về mặt thực tiễn, đòi hỏi chúng ta phải thực hiện thường xuyên việc sưu tập, chọn lọc, in ấn, phổ biến các bản án tiêu biểu, điển hình của Tòa án nhân dân tối cao để phục vụ cho hoạt động áp dụng pháp luật và công tác xét xử của tòa án các cấp.

Thực tiễn xét xử có một số trường hợp mà điều luật quy định không rõ, không đầy đủ thì án lệ là sự giải thích, bổ sung. Về nguyên tắc, án lệ không được coi là pháp luật. Nhưng do uy tín của tòa án cao cấp, hoặc ở trường hợp có thiếu sót của luật như nói trên, án lệ trở thành căn cứ cho hoạt động xét xử của các tòa án đối với các vụ án tương tự.

3.2.Nhóm giải pháp đảm bảo áp dụng pháp luật.

Trong việc áp dụng pháp luật hình sự: Để khắc phục những vướng mắc và bất cập trong việc vi phạm pháp luật hình sự đặc biệt là vấn đề xác định sai tội danh của những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn hiện nay thì cần có những giải pháp cụ thể và hướng đi phù hợp. Đặc biệt cần phải chú trọng và quan tâm hơn nữa về chất lượng cũng như tính hiệu quả của các hoạt động định tội danh của Tòa án.

Trước hết, muốn định tội danh cho một hành vi cụ thể người áp dụng pháp luật hình sự phải căn cứ vào cấu thành tội phạm đã được quy định trong Bộ luật

hình sự. Nếu các tình tiết của một hành vi phạm tội phù hợp với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự, thì hành vi được định theo tội danh của cấu thành tội phạm đó.

Việc làm sáng tỏ cấu thành tội phạm và các dấu hiệu của nó là một đảm bảo quan trọng đối với việc định tội danh đúng. Điều đó đòi hỏi mỗi cán bộ tiến hành tố tụng phải có trình độ pháp luật, kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ tốt, có kinh nghiệm thực tiễn, Nhà nước phải có pháp luật đầy đủ và hoàn thiện đồng thời phải có sự giải thích hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất, đầy đủ, kịp thời và chính xác của cơ quan có thẩm quyền.

Mặt khác, để xác định đúng tội danh thì trong quá trình định tội danh cần phải xác định đầy đủ các tình tiết đã xảy ra trong thực tế liên quan đến vụ án. Đồng thời phải có sự hiểu biết sâu sắc, chính xác pháp luật hình sự qua việc phân tích đánh giá và các dấu hiệu cấu thành tội phạm cụ thể, qua đó hình thành nên cơ sở thực tế, sở sở pháp lý của quá trình định tội danh.

Bên cạnh đó, việc các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện việc tóm tắt và phân tích hành vi của can phạm trong vụ án cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xác định đúng tội danh. Bởi lẽ đây là một nhiệm vụ quan trọng và hữu ích vì nó đảm bảo cho người tiến hành tố tụng có thể nắm chắc được tất cả các hành vi, những tình tiết có ý nghĩa về mặt hình sự trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, trong quá trình tóm tắt và phân tích hành vi của can phạm có thể phát hiện ra những điểm mâu chốt trong vụ án, giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác và có hiệu quả cao. Nếu trong một vụ án hình sự chứa đựng nhiều hành vi khác nhau cần kiểm tra thì với kết quả của việc tóm tắt và phân tích hành vi sẽ làm rõ được mối quan hệ giữa chúng.

Song song đó, để việc định tội danh chính xác, không mắc sai lầm khi định tội thì những người tiến hành tố tụng cần phải nghiên cứu kỹ, đọc đi, đọc lại nhiều lần hồ sơ vụ án để từ đó tóm tắt, đánh giá và xét xử án được đúng đắn, khách quan và chính xác, tránh bỏ sót những tình tiết đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được chính xác, xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. quan trọng, nhằm nâng cao trình độ và năng lực của cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật: Nguyên nhân

dẫn đến vi phạm pháp luật trong hoạt động giải quyết các vụ án hình sự chủ yếu xuất phát từ nhận thức và năng lực chuyên môn của các chủ thể tiến hành tố tụng. Vì vậy, thay đổi những nhận thức sai lầm của họ, nâng cao trình độ và rèn luyện thêm kỹ năng cho những người này và bổ sung cán bộ có trình độ để tháo gỡ tình trạng quá tải công việc sẽ là giải pháp đầu tiên có thể góp phần khắc phục cơ bản tình trạng vi phạm pháp luật xảy ra trong hoạt động giải quyết các vụ án hình sự. Những việc này đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên và kiên trì.

Về nhận thức, hoạt động giải quyết án phải đảm bảo đồng thời cả hai mục tiêu, vừa không bỏ lọt tội phạm, vừa không làm oan người dân. Hai mục tiêu này thật ra không mâu thuẫn nhau. Vì vậy, tuyệt đối không thể chấp nhận tư tưởng “thà làm oan hơn bỏ lọt”, hay “thà bỏ lọt hơn làm oan”. Các chủ thể tiến hành tố tụng phải bằng hết khả năng của mình, phát hiện mọi dấu hiệu phạm tội, xác minh mọi sự kiện phạm tội, xác minh chính xác người phạm tội, điều tra, chứng minh đầy đủ mọi tình tiết sự thật của vụ án, truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mọi thao tác trong quá trình đó phải chặt chẽ, chuẩn mực và hợp pháp. Tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, lẽ đương nhiên trong đó, gồm cả việc tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của những đối tượng nghi can, bị can, bị cáo. Tuy nhiên, muốn đạt được điều ấy, cả những chủ thể có thẩm quyền giải quyết vụ án, lẫn những người tham gia tố tụng đều cần phải có cái tâm trong sáng, phải nhận thức đúng đắn về việc mình làm và phải có chuyên môn vững

Về nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, Nhà nước cần triển khai rà soát đánh giá về chuyên môn tất cả các cán bộ đang làm việc trong các cơ quan tiến hành tố tụng, từ cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo đến cán bộ chưa được bổ nhiệm giữ một chức danh nào, từ đó phân loại để có kế hoạch, có biện pháp đào tạo nâng cao trình độ và bồi dưỡng chuyên môn.

Bên cạnh đó, có thể phải giảm dần số cán bộ quá yếu kém, thường vi phạm đạo đức, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác và không còn khả năng đào tạo.

Mặt khác, những người tiến hành tố tụng thuộc về các cơ quan khác nhau. Chuyên môn của mỗi ngành mỗi khác. Chẳng hạn, Điều tra viên cần nghiệp vụ điều tra, Kiểm sát viên cần nghiệp vụ kiểm sát, Thẩm phán cần nghiệp vụ xét xử. Nhưng tất cả đều có một điểm chung: cần kiến thức pháp luật, tư duy, kỹ năng áp dụng pháp luật. Vì vậy, tùy theo yêu cầu tiêu chuẩn của từng chức danh, các cơ quan sẽ cử cán bộ của mình tham gia các khóa học phù hợp. Ngoài ra cũng cần nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ và các kiến thức bổ trợ khác như kỹ năng sử dụng các phương tiện, thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động chuyên môn của cán bộ các ngành này. Bên cạnh đó, Thư ký Tòa án cũng cần được chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thư ký. Thậm chí, với chức danh này, bằng cử nhân luật của họ không nhất thiết phải là bằng chính quy nhưng nghiệp vụ thư ký cần phải là chính quy. Dường như thư ký Tòa án chưa được coi là một nghề, mà chỉ là một bước đệm để trở thành Thẩm phán. Như thế cũng chưa thật hợp lý trong bối cảnh hiện nay.

Để nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ, ngoài việc cho đi đào tạo cơ bản, cơ quan cũng cần duy trì kỷ luật tổ chức các đợt tập huấn và các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn thường xuyên trong cơ quan nhằm nhắc nhở, chấn chỉnh rút kinh nghiệm công tác. Kinh nghiệm là vốn quý cho mỗi người hoàn thiện các thao tác của mình trong quá trình giải quyết công việc.

Để khắc phục những vướng mắc và bất cập trong việc vi phạm pháp luật hình sự đặc biệt là vấn đề xác định sai tội danh của những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn hiện nay thì cần có những giải pháp cụ thể và hướng đi phù hợp. Đặc biệt cần phải chú trọng và quan tâm hơn nữa về chất lượng cũng như tính hiệu quả của các hoạt động định tội danh của Tòa án.

Việc xác định tinh thần của người phạm tội trong lúc thực hiện hành vi có bị kích động hay không là một vấn đề khó khăn và phức tạp. Để khắc phục những vướng mắc và bất cập trong việc xác định đó thì chúng ta cần phải có những giải pháp cụ thể và phù hợp thì mới có thể đưa ra cách giải quyết đúng đắn để vụ án

được xét xử đúng pháp luật, xác định tội danh một cách chính xác từ đó áp dụng hình phạt cũng phù hợp hơn với hành vi mà người phạm tội đã thực hiện.

Chúng ta có thể thấy rằng khoa học ngày càng phát triển có thể cho phép chúng ta sử dụng biện pháp giám định pháp y để kết luận một người trong lúc phạm tội tinh thần có bị kích động mạnh hay không đồng thời chúng ta cũng phải kết hợp xem xét toàn bộ các tình tiết của vụ án và nhân thân bị cáo như: quá trình sự việc xảy ra, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, tính tình... . Việc tìm hiểu nhân thân của bị cáo phần nào giúp ta hiểu được mức độ bị kích động, tình trạng bị cáo nào dễ bị kích động hơn...

Mặt khác, chúng ta cũng cần xem xét đến mức độ trái pháp luật của nạn nhân để xác định trạng thái tinh thần bị kích động mạnh của người phạm tội vì đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tinh thần của người phạm tội bị kích động mạnh. Việc xem xét đó sẽ giúp ta tìm ra được mối quan hệ nhân quả giữa trạng thái tinh thần của bị cáo và hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân. Từ đó, chúng ta sẽ xác định được tinh thần bị kích động của người thực hiện hành vi phạm tội chính xác hơn thông qua mức độ trái pháp luật của nạn nhân.

Như vậy, để xác định tinh thần bị kích động mạnh của người thực hiện hành vi phạm tội thì chúng ta cần phải xem xét, đánh giá nhiều yếu tố liên quan đến người phạm tội để từ đó xác định đúng đắn tính chất, mức độ bị kích động của người phạm tội để tiến hành xét xử đúng người, đúng tội.

Nhà nước ban hành pháp luật là để điều chỉnh hành vi của con người. Bất kỳ chủ thể nào cũng đều có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật. Riêng đối với quá trình giải quyết các vụ án hình sự việc tuân thủ nghiêm túc, chính xác các quy định pháp luật của các chủ thể tiến hành tố tụng mang ý nghĩa rất quan trọng, bởi kết quả của quá trình này không những ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của những người tham gia tố tụng mà nó còn quyết định số phận của một con người. Do đó, pháp luật đã có những yêu cầu rất nghiêm ngặt đối với mọi thao tác trong quá trình giải quyết vụ án, nhằm đảm bảo cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự

được chính xác, bảo vệ được các quyền và lợi ích chính đáng của mọi chủ thể, không làm oan người dân đồng thời cũng không bỏ lọt tội phạm.

Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn còn nhiều vi phạm pháp luật xảy ra trong quá trình xác định lỗi của người bị hại khi giải quyết các vụ án hình sự. Do đó, để khắc phục và hạn chế những vướng mắc và bất cập trong quá trình đó thì chúng ta cần có những biện pháp phù hợp để vấn đề xác định lỗi được chính xác, đúng đắn, giúp cho việc định tội đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Muốn như vậy, thì trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự thì đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, phải có kiến thức sâu rộng, chuyên môn vững, am hiểu nhiều lĩnh vực, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, nhạy bén trong việc xác định các tình tiết của vụ án. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tối cao cũng cần có những hướng dẫn cụ thể để phân biệt những tội phạm có những dấu hiệu pháp lý đặc trưng gần giống nhau như tội giết người với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh... và những hướng dẫn đó cần được nghiên cứu kỹ để khi áp dụng được sát với thực tế vì trong nhiều trường hợp giữa các tình huống thực tế không rõ ràng như trong những quy định của pháp luật.

Mặt khác, cũng cần mở thêm các buổi thảo luận chuyên ngành để các cán bộ ngành Tòa án tham gia và trao đổi kiến thức cũng như kinh nghiệm với nhau trong quá trình xét xử để từ đó trình độ chuyên môn được mở rộng và nâng cao nhằm xác định đúng đắn, chính xác hơn trong việc xác định tội danh của người phạm tội.

3.3. Nhóm giải pháp khác

3.3.1 nhóm giải pháp về tuyên truyền phổ biến pháp luật

Trong những năm qua, nghiên cứu về tình hình tội phạm giết người ở nước ta cho thấy sự xuống cấp trầm trọng về đạo đức, truyền thống của các gia đình, dòng họ, làng xóm, quê hương. Sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng du

nhập của lối sống phương tây đã dẫn tới sự xuống cấp về văn hóa giáo dục trên địa bàn thành phố. Do vậy, việc làm trước mắt cần phải có giải pháp trên lĩnh vực văn hoá, đó là đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư và để đẩy lùi tệ nạn xã hội.

Xây dựng gia đình văn hóa, thực hiện nếp sống văn hóa là hành lang bảo vệ hạnh phúc bền vững cho gia đình. Nhiều gia đình văn hóa sẽ hình thành khối, xóm, làng, xã văn hóa sẽ tạo môi trường lành mạnh đảm bảo cuộc sống bình yên cho mọi người. Xây dựng gia đình văn hóa là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi công dân và các cấp chính quyền đặc biệt là cấp xã, thôn, xóm, làng, khối phố.

Muốn vậy, trước hết mỗi gia đình phải tạo điều kiện và quan tâm tới sự phát triển, trưởng thành của các thành viên trong gia đình, nhất là con cái phải quản lý chặt chẽ với tinh thần “tiên học lễ, hậu học văn”, giáo dục con em về đạo đức, lễ phép, tác phong, phẩm hạnh sau đó mới học để nâng cao trình độ văn hóa. Bên cạnh đó cần phải hướng gia đình về truyền thống đạo lý, tình cảm, đoàn kết yêu thương đùm bọc lẫn nhau và ý thức tuân thủ pháp luật, các qui ước, hương ước của làng xã, quê hương. Tôn trọng tình làng nghĩa xóm thấm nhuần sâu sắc châm ngôn “bán anh em xa, mua láng giềng gần”, xây dựng mối quan hệ làng xóm láng giềng gắn bó, tránh xích mích, mâu thuẫn không đáng có dẫn đến mâu thuẫn xung đột gay gắt dễ phát sinh các hành vi phạm tội.

Đồng thời, nâng cao ý thức tự quản, tự phòng tránh các va chạm nhỏ và các hành vi liên quan đến tội phạm, tệ nạn xã hội để chúng không xâm nhập vào bản thân, gia đình và dòng họ. Đối với cộng đồng phải thường xuyên phát động tốt các phong trào như “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền”, phong trào “nuôi con khỏe, dạy con ngoan”, phong trào “quản lý, giáo dục, giúp đỡ những người lầm lỗi tại cộng đồng, dân cư” mà điểm đến là đạt tiêu chuẩn khối, xóm, làng, gia đình văn hóa. Xây dựng khối đoàn kết toàn dân và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Vấn đề đấu tranh phòng chống tội phạm giết người chủ yếu là giết người do mâu thuẫn thì vấn đề văn hóa ứng xử có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Hãy xử sự với nhau bằng tình cảm giữa con người với con người, loại bỏ tư tưởng “lấy

thân đe người”, hành động xử sự thô bạo, tục tĩu, gây bức xúc cho người khác hoặc cố tình gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe người khác đều là những xử sự thiếu văn hóa. Văn hóa ứng xử của con người phải đặt trong mối quan hệ “mình vì mọi người” và “mọi người vì mình” để xử sự một cách bình tĩnh sáng suốt với truyền thống “thương người như thể thương thân” mới có thể hạn chế được những phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hành vi phạm tội.

Bên cạnh đó, các cấp chính quyền cần xây dựng những gương mặt tiêu biểu để động viên khen thưởng hay phê bình, kỷ luật những cá nhân tập thể không thực hiện hay có sự vi phạm. Thường xuyên, kiểm tra, hướng dẫn, thẩm định các tiêu chuẩn tránh chạy theo thành tích sẽ phản tác dụng trong xây dựng phong trào. Mặt khác, không phải người người nào cũng có thể dễ dàng thực hiện hành vi giết người một cách trái pháp luật, mà chủ yếu là những đối tượng có trình độ học vấn thấp, hiểu biết pháp luật kém. Do vậy, cần phải nâng cao trình độ học vấn, nâng cao sự hiểu biết pháp luật cho họ nhất là những vùng nông thôn cách xa thành phố.

Ngoài ra, sự ảnh hưởng tiêu cực của các sản phẩm văn hóa độc hại nhất là các loại có nội dung kích động bạo lực, kích dục như băng đĩa hình, dịch vụ Internet đã tác động đến các đối tượng đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên làm suy thoái đạo đức lối sống dẫn đến các hành vi phạm tội giết người. Do đó, để ngăn chặn các sản phẩm văn hóa tiêu cực này cần phải kiểm soát chặt chẽ, phát hiện kịp thời và có biện pháp xử lý đúng đắn, nghiêm khắc đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với các trường hợp vi phạm pháp luật, nhất là các hành vi nhân sao, phát tán trái phép tài liệu văn hóa phẩm có nội dung trái pháp luật, đường lối chính sách của Đảng, quan điểm của nhà nước. Cần duy trì và đổi mới phương pháp phối hợp với các ngành văn hóa thông tin, quản lý thị trường, Công an... như vậy mới nâng cao được hiệu quả xử lý, nhằm chấn chỉnh các vi phạm và ổn định tình hình được tốt hơn. Đặc biệt, lĩnh vực Internet là một lĩnh vực mới về khoa học công nghệ, nên các cơ quan chuyên ngành cần nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật ngăn ngừa từ xa, hạn chế những thông tin xấu trên mạng, hướng dẫn, chỉ đạo,

phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị liên quan trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet.

Song song với giải pháp về lĩnh vực văn hóa, cần đề ra các giải pháp về lĩnh vực giáo dục. Trước hết là các giải pháp đối với gia đình:

Thứ nhất, giáo dục bằng cách nêu gương sáng của cha mẹ, các anh chị em trong gia đình cũng phải như lời sống, ứng xử đúng đắn của những gia đình xung quanh để từ đó con cái học tập, noi theo.

Thứ hai, giáo dục bằng đời thường: Bởi tình yêu thương của gia đình cha mẹ là nguồn nuôi dưỡng lòng nhân ái của con cái sau này. Bởi một tâm hồn nhân ái không thể gây tội ác, một trái tim được trưởng thành trong tình thương không thể làm tổn thương đến đồng loại.

Thứ ba, giáo dục bằng truyền thống gia đình đây là cách giáo dục có hiệu quả tạo nên nhiều gia đình, dòng họ có nhiều người thành đạt, tạo nên một gia đình có truyền thống, có nề nếp gia phong, gia giáo để con cháu phấn đấu xứng đáng với truyền thống của gia đình, dòng họ.

Thứ tư là giáo dục, thuyết phục phải đi đôi với cổ vũ động viên cho nên cha mẹ cần phải hiểu về sự phát triển của con cái cũng như đặc điểm về tâm lý để có hình thức giáo dục con cái đúng đắn tránh việc áp đặt ý chí chủ quan hay việc đối xử thô bạo, tàn nhẫn với con cái. Giáo dục con cái bằng điều hay, lẽ phải, xây dựng cho chúng những tình cảm đạo đức trong sáng. Mặt khác, khuyến khích, cổ vũ động viên con cái phát huy những ưu điểm, thành tích đạt được. Đồng thời nghiêm khắc với những khuyết điểm mà con cái mắc phải, trên cơ sở tình yêu thương và niềm tin đối với con cái, cần quan tâm chăm sóc đúng mức.

Cùng với giải pháp về giáo dục, chúng ta cũng cần chú trọng phát triển các hình thức, phương pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với từng địa phương và từng đối tượng. Đối với hình thức tuyên truyền pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh truyền hình: củng cố, phát triển hệ thống loa đài truyền thanh cơ sở nhất là các huyện ngoại thành, đưa nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật vào chương trình truyền thanh

nhất là các nội dung văn bản có liên quan đến huyện đó. Giáo viên, cán bộ tư pháp cần phối hợp chặt chẽ để tuyên truyền pháp luật cho nhân dân địa phương.

Tuyên truyền pháp luật thông qua hình thức hoạt động trợ giúp pháp lý cần tăng cường mở rộng, các điểm trợ giúp pháp lý và cộng tác viên cơ sở. Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, tăng cường tư vấn pháp luật miễn phí bằng hình thức lưu động, kịp thời giải đáp những thắc của bà con.

Tuyên truyền thông qua phát hành các văn bản pháp luật: cần làm tờ gấp, lịch tuyên truyền có nội dung pháp luật đến các thôn, xã.

Tuyên truyền phổ biến pháp luật thông qua tổ chức hội nghị, cán bộ cần phải tổ chức triển khai truyền đạt kiến thức pháp luật đến tận mỗi người dân một cách kịp thời và thường xuyên.

Đối với công tác hòa giải, cần nâng cao đội ngũ hòa giải viên về số lượng cũng như chất lượng. Đổi mới phương pháp hòa giải như phương pháp: gặp gỡ cá biệt, vận động tập trung, tranh thủ người có uy tín, người có quan hệ ràng buộc, các tổ chức đoàn thể để tác động giải quyết. Quá trình giải quyết cần chú ý đến nội dung phát sinh mâu thuẫn, nếu nội dung có liên quan đến các đoàn thể thì cần đề nghị cơ quan đoàn thể đó giải thích lý do, nguyên nhân giải quyết để làm căn cứ hòa giải, cần phối hợp với các đoàn thể chủ trì, phối hợp giải quyết từng vụ việc cụ thể. Nếu vụ việc liên quan đến các cá nhân từ hai phía thì phải tiếp cận cả hai, phải nghe thông tin từ hai phía để phân tích, đánh giá sự việc, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của hai bên để tìm ra hướng giải quyết thấu tình đạt lý. Với đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên: cần phải rà soát lựa chọn đội ngũ này, đặc biệt là xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên ổn định ở địa phương, lựa chọn cán bộ cho phòng tư pháp đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ. Bố trí các cán bộ chuyên trách Tư pháp – Hộ tịch cấp xã đủ tiêu chuẩn quy định, đó là người có bản chất chính trị vững vàng, có kiến thức pháp luật cơ bản, đủ khả năng trình độ để giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh mâu thuẫn trong đời sống nhân dân. Thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ này.

3.3.2 Những giải pháp về hoạt động quản lý trật tự xã hội

Trước hết, đó là giải pháp tăng cường hiệu lực quản lý về nhân khẩu, hộ khẩu và cư trú: là biện pháp quản lý con người, qua đó nắm được những người đang cư trú, hoạt động tại địa bàn và những tin tức có giá trị, phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung, tội giết người nói riêng. Qua việc quản lý cần tiến hành phân loại các hệ đối tượng, nếu có nghi vấn thì yêu cầu xác minh làm rõ đặc biệt chú trọng những hộ gia đình và những người trong cuộc sống thường có những vướng mắc, mâu thuẫn, những đối tượng côn đồ, gây gỗ đánh nhau để từ đó thu thập tài liệu, xác định rõ ràng lý lịch để áp dụng biện pháp quản lý phù hợp. Bên cạnh đó cũng cần quản lý chặt chẽ ngành nghề kinh doanh có điều kiện như khách sạn, quán trọ... việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, cư trú phải đảm bảo thống nhất, kịp thời và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để công dân tự giác việc đăng ký, tổ chức các điểm đăng ký, khai báo tạm trú thuận lợi, kịp thời chặt chẽ ở các địa bàn dân cư, tránh phiền hà, sách nhiễu dân. Quản lý tốt các đối tượng tạm trú, tạm vắng từ đó phát hiện các đối tượng phạm tội hoặc đối tượng truy nã lẫn trốn phục vụ tốt các yêu cầu của công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Hàng ngày phải ghi chép đầy đủ thông tin về đối tượng để báo cáo, theo dõi quản lý và có hình thức xử lý thích hợp đối với những trường hợp vi phạm.

Giải pháp trong công tác quản lý thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, việc phát hiện loại bỏ các trường hợp các loại vũ khí, vật liệu nổ các loại hung khí khác mà thủ phạm thường dùng để gây án có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc loại trừ hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Muốn vậy, phải thường xuyên mở các đợt vận động toàn dân thu hồi, giao lại các loại vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm đang tàng trữ trôi nổi trái phép trong nhân dân không để rơi vào tay các đối tượng hình sự làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Làm tốt công tác quản lý, bảo quản các kho vũ khí, vật liệu nổ trong cơ quan Quân đội, Công an, cơ quan cung ứng vật liệu nổ các đơn vị, doanh nghiệp có sử dụng vật liệu nổ phục vụ sản xuất kinh doanh phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát không để vũ khí, vật liệu nổ mất mát hoặc sử dụng không đúng mục đích khi thấy nghi vấn phải khám xét kiểm tra hành chính để thu hồi triệt để, vô

hiệu hóa tác dụng các loại vũ khí, nhất là những đối tượng lang thang, côn đồ hung hãn, liên quan đến tệ nạn xã hội chúng thường mang trong người để thực hiện hành vi phạm tội.

Mặt khác, cần quản những đối tượng sấu nhất là những đối tượng liên quan đến tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm, cờ bạc... số đối tượng côn đồ, hung hãn, thường xuyên gây mâu thuẫn hiềm khích, kích động bạo lực ở cộng đồng dân cư... đây là số có khả năng phạm tội cao. Do vậy, cần phải quản lý chặt chẽ, kịp thời phát hiện và ngăn chặn không để cho họ có hành vi giết người. Đồng thời, cần quản lý giáo dục, tác động làm cho họ từ bỏ ý định phạm tội, đây là mục đích cần đạt tới của công tác quản lý giáo dục đối tượng tại cơ sở.

Đối với số đối tượng thuộc diện quản lý giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Số trẻ em hư hỏng, số đặc xá, tha tù, số ở cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng trở về cần có sự quan tâm, quản lý, giáo dục, giúp đỡ của các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể để họ có điều kiện vừa tái hòa nhập cộng đồng, vừa có cơ hội để khắc phục sửa chữa sai lầm để tiến bộ, loại bỏ khả năng phạm tội lại của họ.

Mặt khác, cần tuần tra kiểm soát thường xuyên các địa điểm, nơi công cộng, các khu tập thể, các địa bàn trọng điểm nâng cao hơn nữa hoạt động của các tổ bảo vệ dân phố, tổ an ninh dân phố huy động sự tuần tra, kiểm soát của lực lượng cảnh sát một cách thường xuyên kịp thời phát và ngăn chặn các hành vi giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực ở địa bàn công cộng.

Tóm lại, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về nhân khẩu, hộ khẩu, cư trú, cũng như khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ và những sơ hở, thiếu sót trong quản lý nhà nước về an ninh trật tự nhằm loại bỏ những điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm giết người nói chung, tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nói riêng là giải pháp hết sức quan trọng trong đấu tranh, phòng chống tội phạm trong đó có tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

Để thực hiện việc này, về mặt lập pháp, cần quy định nguyên tắc thừa nhận án xử các vụ án về tội danh này cũng cho thấy việc quyết định hình phạt của tòa

án vẫn không tránh khỏi những sai sót: Sai sót do chưa vận dụng đúng qui định của BLHS; Sai sót do vận dụng chưa đúng các căn cứ quyết định hình phạt dẫn đến quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ đối với người phạm tội như: sai sót do đánh giá chưa đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, sai sót do chưa đánh giá đúng nhân thân người phạm tội, sai sót do chưa đánh giá đúng các tình tiết tăng nặng TNHS, giảm nhẹ TNHS. Trên cơ sở chỉ ra được những sai sót đó, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt của tòa án như: Hoàn thiện quy định về các căn cứ quyết định hình phạt đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh.

3.3.3 Giải pháp công tác quản lý, thanh tra, giám sát.

Trước tiên, cần chú ý đào tạo đội ngũ công chức có đạo đức cách mạng, chí công vô tư, kiên quyết nói không với tiêu cực đồng thời xử lý thật nghiêm những hành vi tiếp tay kẻ phạm tội thực hiện hành vi phạm tội. Bên cạnh đó, cần không ngừng bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ các cấp, các ngành (điều tra viên, bác sĩ Giám định pháp y...).

Từng cấp, từng ngành có kế hoạch tích cực hưởng ứng đợt tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; phát huy hiệu quả của các hoạt động liên tịch đã ký kết với Công an; tích cực mở các cuộc vận động “Toàn dân tham gia tố giác và đấu tranh phòng chống tội phạm trật tạnh mê trong nội bộ cũng như trong nhân dân phát phiếu tố giác đến từng hộ gia đình và thực hiện nghiêm túc việc xử lý thông tin do quần chúng tố giác, thực hiện việc đảm bảo bảo mật cho người tố giác và khen thưởng xứng đáng cho người tố giác hoặc góp công triệt phá được bọn tội phạm nguy hiểm (iết người, mua bán ma túy,...). Quản lý chặt chẽ các đối tượng đã có tiền án, tiền sự, các đối tượng tù đã được cải tạo trở về, tạo mọi điều kiện cho các đối tượng trở lại hòa nhập với cuộc sống cộng đồng.

Chú trọng đến việc hòa giải mâu thuẫn tranh chấp trong nhân dân một cách thỏa đáng, tạo công ăn, việc làm, thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật trong nhân dân, tổ chức các buổi tuần tra, canh gác. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các loại vũ khí gây nguy hiểm cao cho tính mạng, sức khỏe con người.

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bạn trong ngành giữa các địa phương, các tỉnh, Thành phố và các nước láng giềng trong việc chia sẻ thông tin về các loại đối tượng trọng điểm hoạt động lưu động, thông báo nhanh về các vụ án nghiêm trọng vừa xảy ra cho các đơn vị bạn. Chủ động nắm chắc tình hình và diễn biến hoạt động của các đối tượng tội phạm, xác định những địa bàn trọng điểm, thông báo cho địa phương giáp ranh để cùng quản lý đối tượng, thu hồi tang chứng vụ án. Thường xuyên chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác phá án; trao đổi thông tin về những phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm giết người nói chung, tội phạm giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nói riêng.

TIÊU KẾT CHƯƠNG III

Chương III đã đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh . Các giải pháp như : giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh ; giải pháp đảm bảo áp dụng pháp luật ; giải pháp về tuyên truyền phổ biến pháp luật ; giải pháp về hoạt động quản lý trật tự xã hội ; Giải pháp công tác quản lý , thanh tra , giám sát.

Từ những giải pháp trên thì “khoảng cách” giữa luật và thực tiễn sẽ được rút ngắn lại giúp cho công tác xét xử được đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đó sẽ là điều kiện, là nền tảng tiên quyết cho quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời góp phần xây dựng các quy định về tội giết người nói chung và tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trở nên chặt chẽ hơn.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đề tài về “Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh trong luật hình sự Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Việc phân tích khái niệm, các dấu hiệu pháp lý và đường lối xử lý đối với tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cho phép chúng ta nhận thức rõ ràng, đầy đủ hơn về các đặc điểm và bản chất pháp lý của tội này, nhận thức đầy đủ hơn về tính nguy hiểm cao cũng như yêu cầu phải trừng trị nghiêm khắc và phòng ngừa đối với tội phạm này.
- Phân tích làm rõ sự khác biệt giữa tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh với các tội giết người, giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng... cho phép chúng ta nhận thức rõ và đầy đủ hơn về tính nguy hiểm cũng như đặc điểm pháp lý của tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh tránh nhầm lẫn trong việc định tội danh, áp dụng sai điều luật.
- Khóa luận đã phân tích những vấn đề lý luận thực tiễn liên quan đến tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh cho thấy những khó khăn phức tạp trong thực tiễn áp dụng xử lý tội này, thấy rõ yêu cầu cấp bách cần phải hướng dẫn xử lý hoặc sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật liên quan tới tội danh này. Đồng thời mạnh dạn đưa ra những đề xuất, kiến nghị về hướng dẫn và sửa đổi bổ sung BLHS liên quan đến tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh để việc áp dụng luật hình sự đấu tranh chống tội phạm này ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

- [1] Bộ Luật Hình Sự 1985 17-LCT/HĐNN7
- [2] Bộ Luật Hình Sự 1999 số 15/1999/QH10
- [3] Bộ Luật Hình Sự 2015 số 100/2015/QH13
- [4] Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự 2015 số 101/2015/QH13
- [5] Điều 5 mục I công văn 212/TANDTC-PC năm 2019
- [6] Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP
- [7] Bản án 08/2018/HS-PT ngày 05/02/2018
- [8] Điểm b mục 1 chương 2 Nghị quyết số 04 HĐPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986.
- [9] Mục 4 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007
- [10] Giáo trình luật hình sự Việt Nam , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Danh mục các Website tham khảo:

- [1] <https://luatsuphamtuananh.com/bao-chua--bao-ve-quyen-loi-trong-vu-an-hinh-su/toi-giet-nguoi-trong-trang-thai-tinh-than-bi-kich-dong-manh/>
- [2] <https://www.vksndtc.gov.vn/>
- [3] <https://coquandieutravkstc.gov.vn/vuong-mac-trong-ap-dung-vien-dan-bo-luat-hinh-su>
- [4] https://kiemsat.vn/binh-luan-toi-giet-nguoi-theo-blhs-nam-2015-50490.html?fbclid=IwAR030ErmjpAu7VjePh1WXGOpcyE7jVOB3UoS_cr6RgPJAU_Zw1FA-HJtFL0
- [5] <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-302021hsst-ngay-06042021-ve-toi-giet-nguoi-206309>
- [6] http://thuvien.hlu.edu.vn/Opac/DmdInfo.aspx?dmd_id=56377